

QUÉT MÃ ĐỂ XEM TÀI LIỆU GIỚI THIỆU TỔNG QUAN PHẦN MỀM QUẢN TRỊ TẬP TRUNG FPT VMSMART



Mục	Nội dung
1	HƯỚNG DẪN ĐĂNG NHẬP TÀI KHOẢN
1.1	Đăng nhập tài khoản
1.2	Khôi phục mật khẩu
2	HƯỚNG DẪN XEM VIDEO TRÊN ỨNG DỤNG
3	QUẢN LÝ ĐỊA ĐIỂM
3.1	Thêm địa điểm mới
3.2	Thay đổi thông tin địa điểm
3.3	Thêm địa điểm theo nhóm
3.4	Chỉnh sửa nhóm địa điểm
3.5	Thêm địa điểm vào nhóm
3.6	Tạo thêm nhóm con
3.7	Xóa nhóm

Mục	Nội dung
4	QUẢN LÝ QUYỀN TRUY CẬP
4.1	Thêm nhân viên
4.2	Chỉnh sửa thông tin nhân viên
4.3	Phân quyền cho nhân viên
4.4	Xóa quyền truy cập
5	TÍNH NĂNG CẢNH BÁO
5.1	Trung tâm cảnh báo
5.2	Bản đồ cảnh báo
5.3	Bản đồ thiết bị
5.4	Nhận thông báo trên bản đồ
5.5	Xem thông báo trên bản đồ
5.6	Tạo bản sao
5.7	Chia sẻ bản đồ

Mục	Nội dung
6	QUẢN LÝ THIẾT BỊ
7	HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG DỊCH VỤ AI
7.1	Truy cập tính năng
7.2	Xem chi tiết dữ liệu
7.3	Xuất dữ liệu

1. Hướng dẫn đăng nhập tài khoản

Tải ứng dụng FPT VMSmart trên Desktop thông qua đường link:
<https://www.microsoft.com/store/productId/9NH6MBQ903R8?ocid=pdpshare>



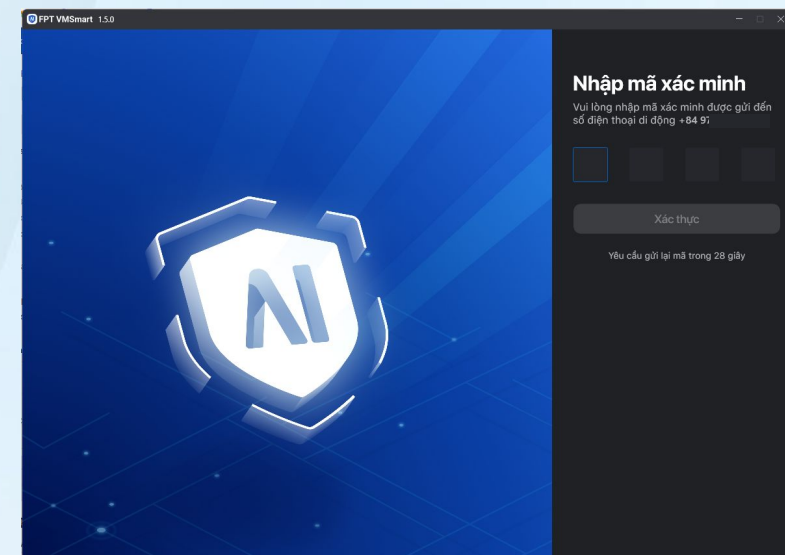
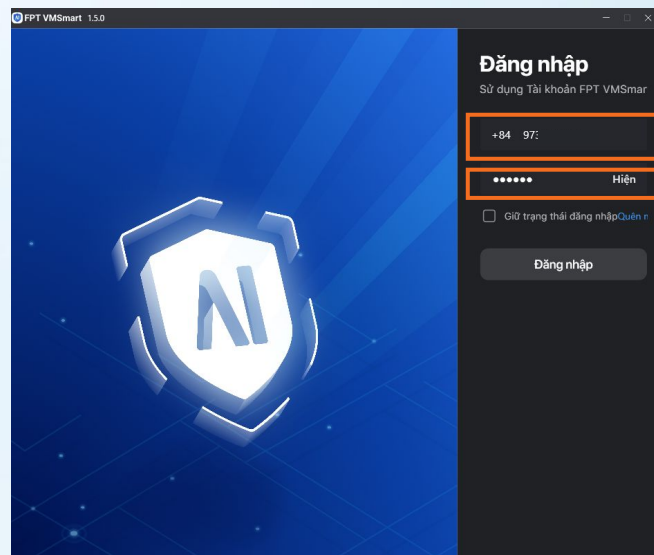
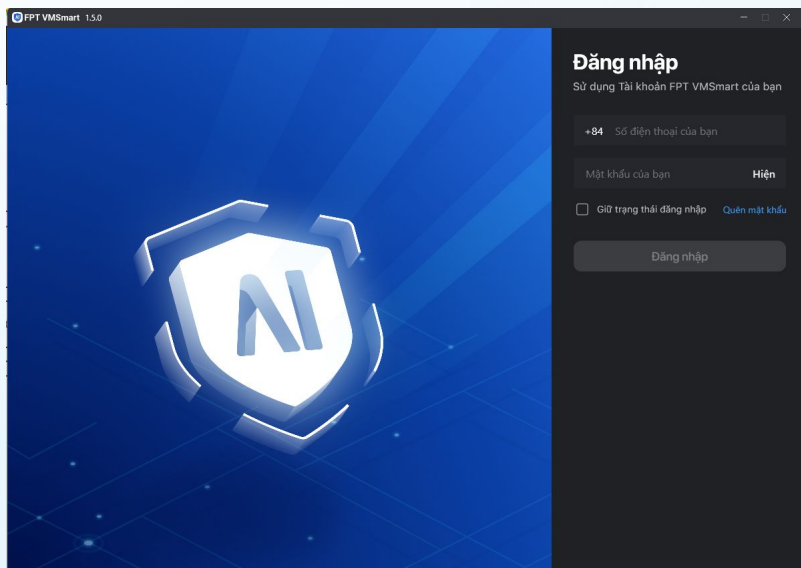
Hướng dẫn đăng nhập tài khoản

Đăng nhập tài khoản

B1: Tại màn hình Thiết lập tài khoản

B2: Nhập số điện thoại và mật khẩu

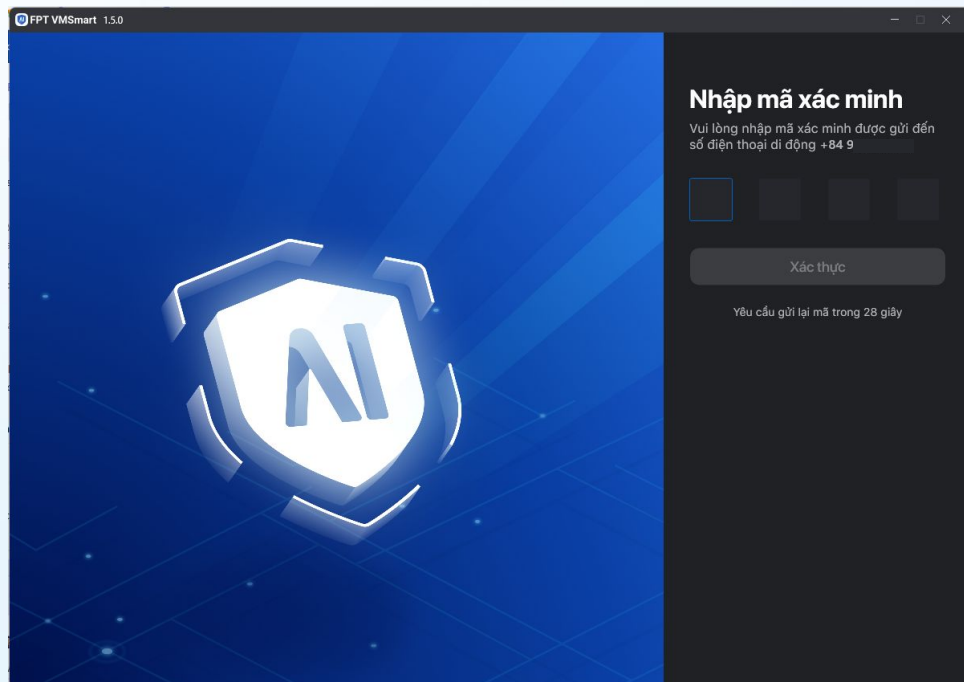
B3: Mã OTP sẽ được gửi về số điện thoại vừa đăng kí



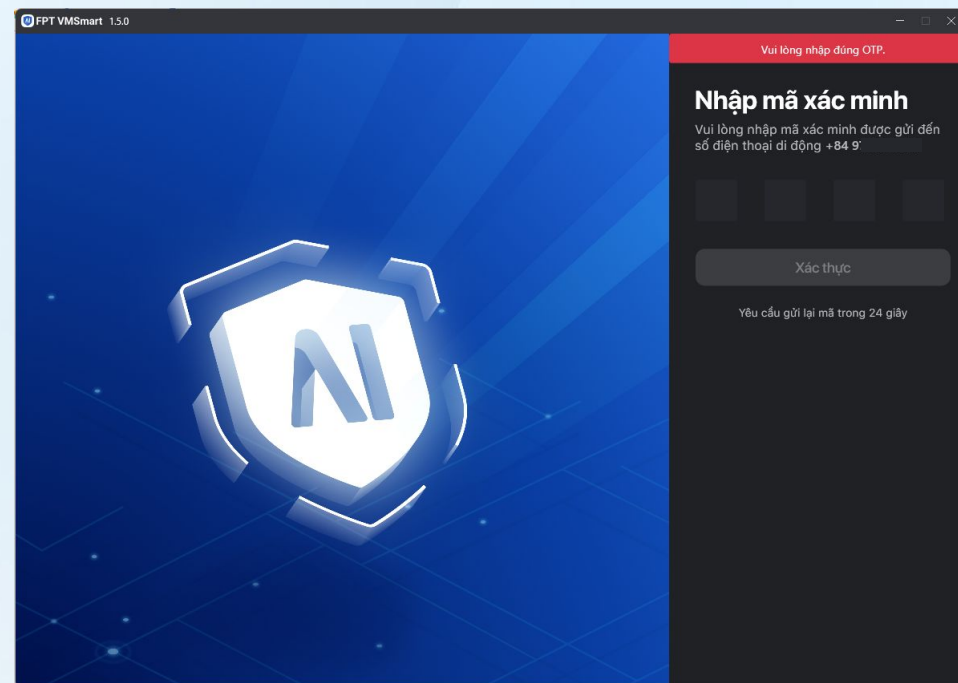
Hướng dẫn đăng nhập tài khoản

Đăng nhập tài khoản

B4: Nhập mã OTP và xác nhận



B5: Trường hợp nhập sai OTP, nhập lại hoặc chọn Yêu cầu gửi lại mã OTP



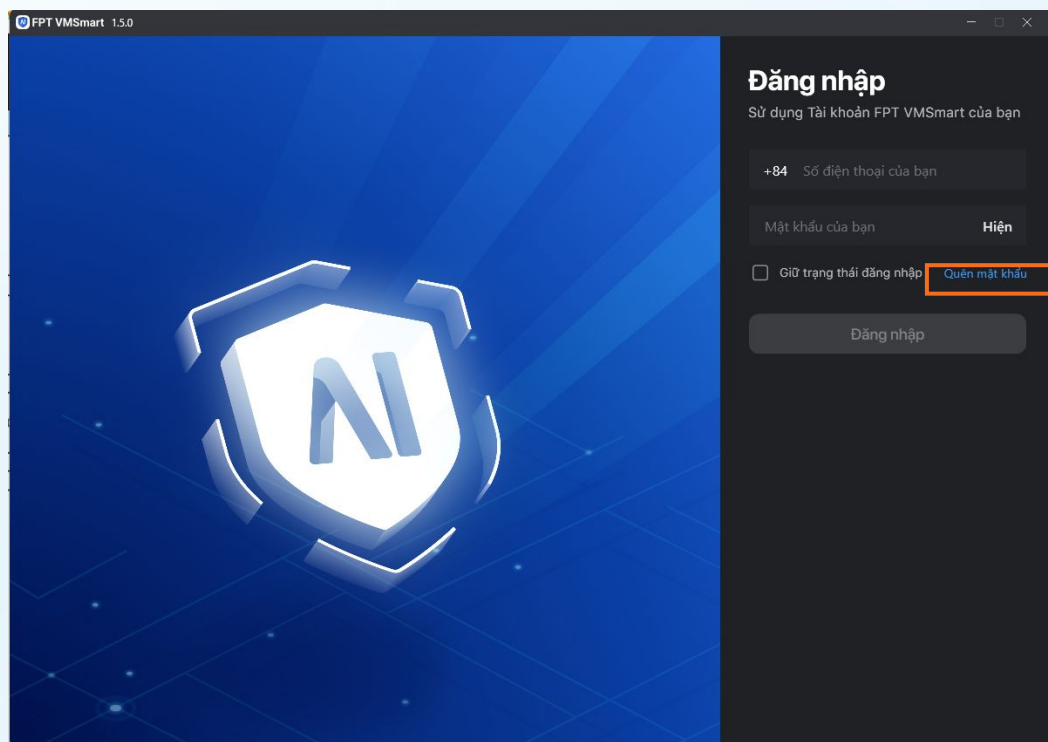
Lưu ý:

- Mỗi ngày khách hàng chỉ được nhập OTP tối đa 3 lần
- Tài khoản được đăng nhập tối đa 5 thiết bị. Có thể xem danh sách và đăng xuất để đăng nhập mới

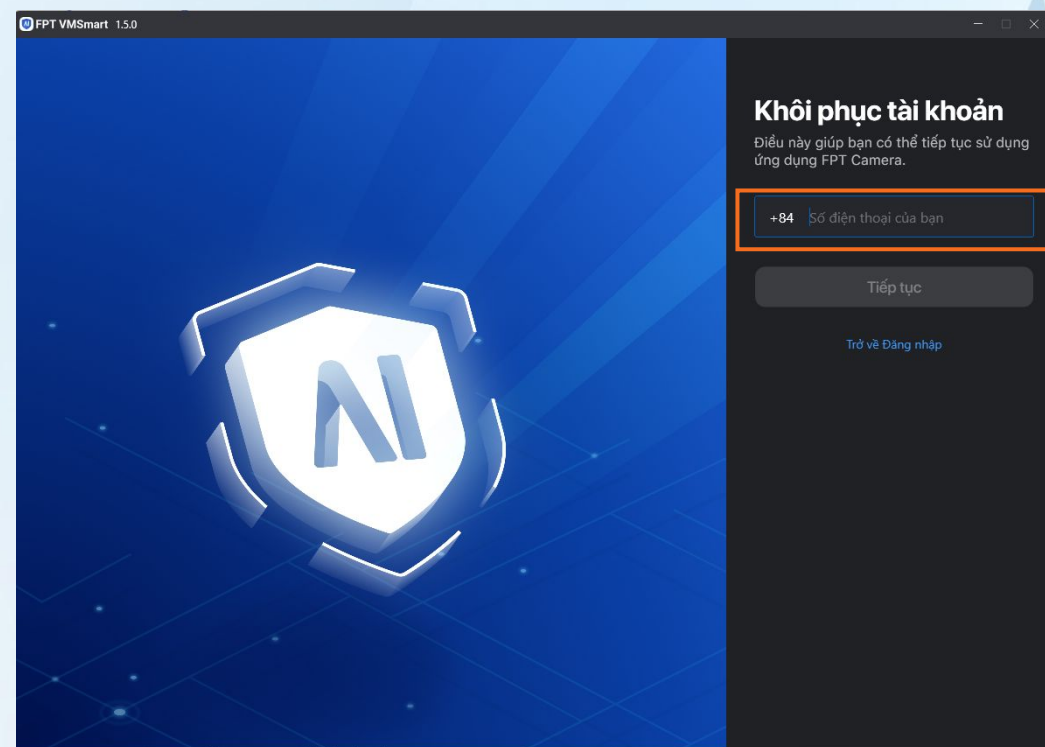
Hướng dẫn đăng nhập tài khoản

Chức năng quên mật khẩu

B1: Tại màn hình đăng nhập, chọn **Quên mật khẩu**



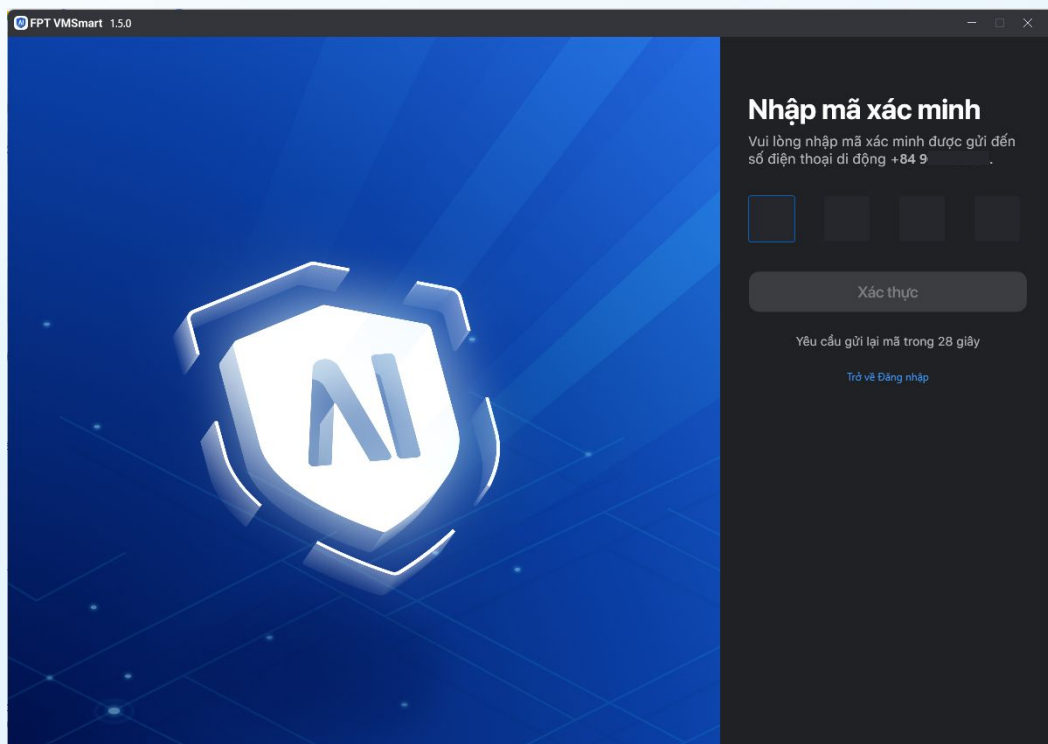
B2: Nhập **số điện thoại** đăng ký tài khoản



Hướng dẫn đăng nhập tài khoản

Chức năng quên mật khẩu

B3: Nhập mã OTP vừa được gửi về điện thoại



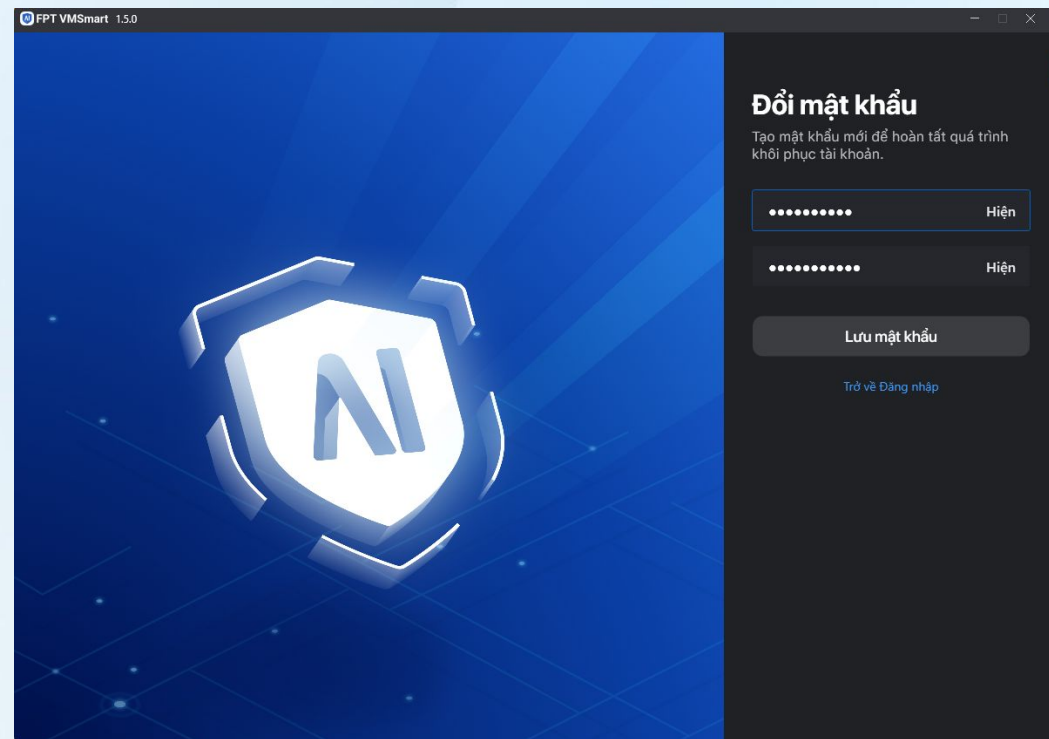
Nhập mã xác minh
Vui lòng nhập mã xác minh được gửi đến số điện thoại di động +84 9 .

Xác thực

Yêu cầu gửi lại mã trong 28 giây

[Trở về Đăng nhập](#)

B4: Nhập mật khẩu & nhập lại mật khẩu mới. Nhấn **Lưu mật khẩu** để hoàn tất



Đổi mật khẩu
Tạo mật khẩu mới để hoàn tất quá trình khôi phục tài khoản.

[Hiện](#)

[Hiện](#)

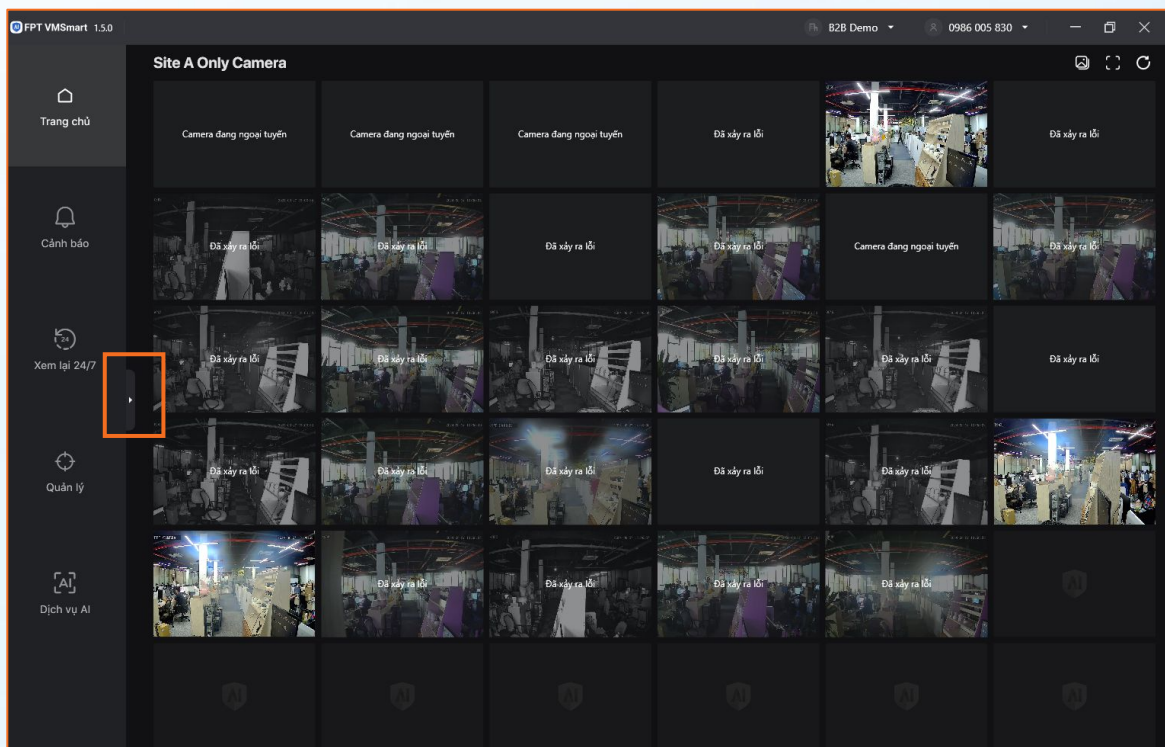
Lưu mật khẩu

[Trở về Đăng nhập](#)

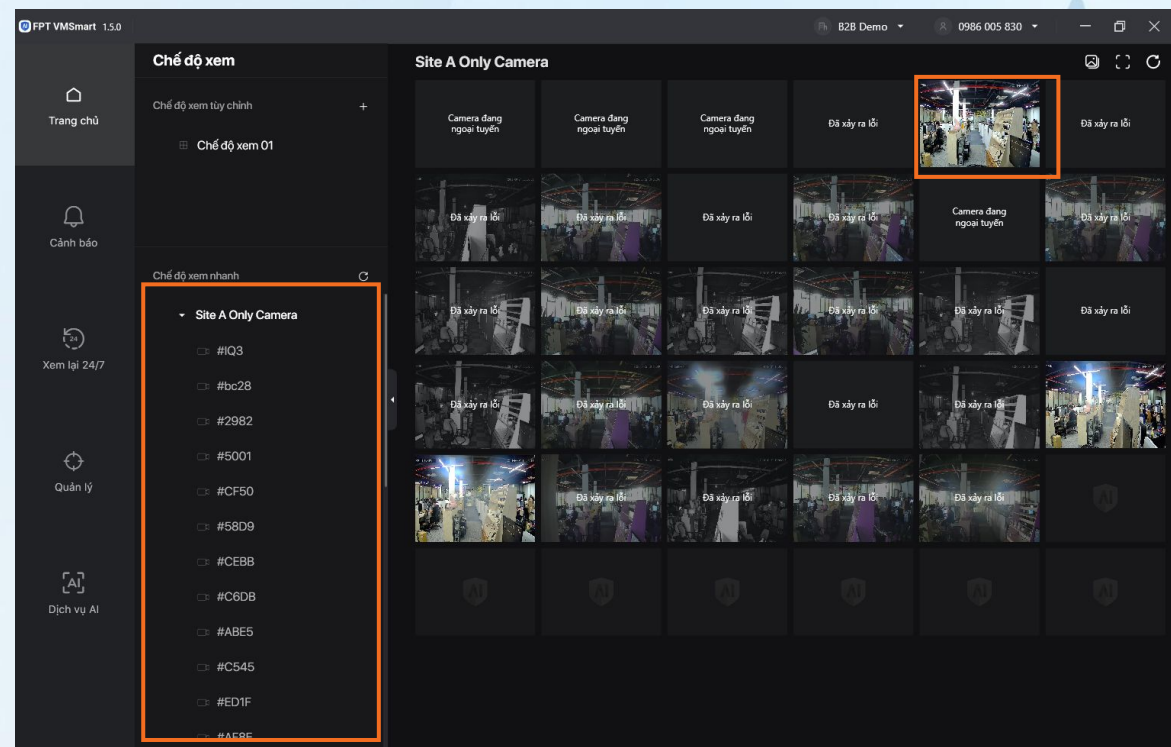
2. Hướng dẫn xem video trên ứng dụng

Trên ứng dụng phiên bản dành cho desktop, người dùng có thể xem trực tiếp video

Chọn icon mũi tên trên màn hình để chọn xem theo từng Camera

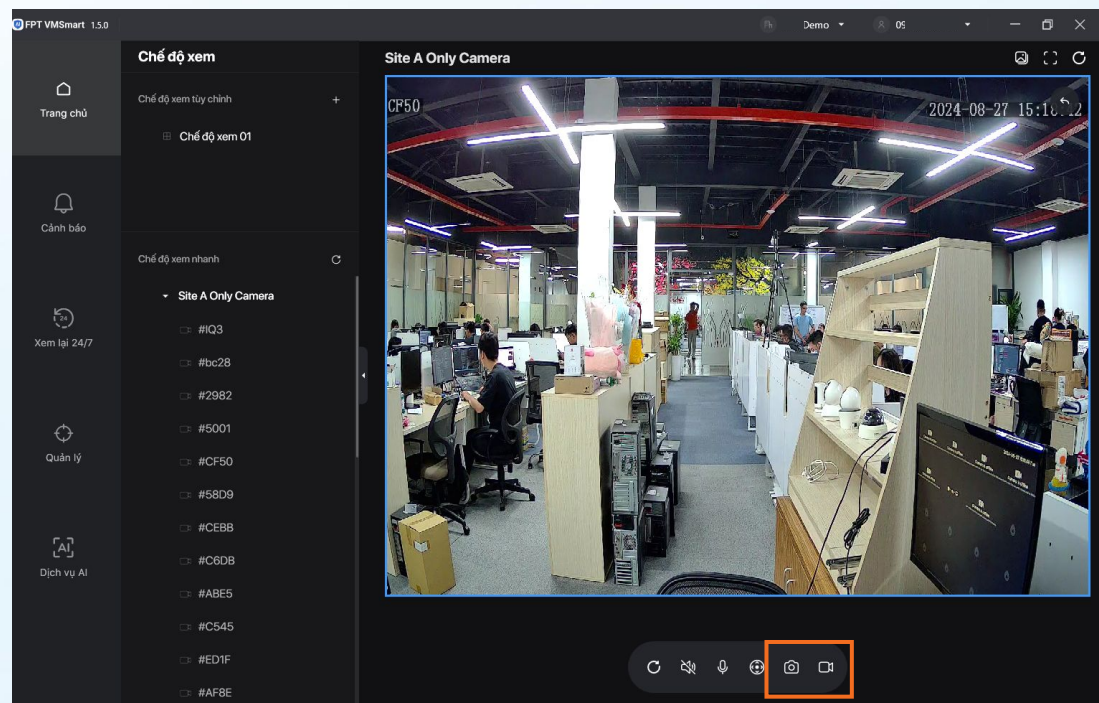


Lựa chọn camera cần xem bằng cách:
- Chọn camera phía cột bên trái
- Hoặc click trực tiếp vào video phía bên phải

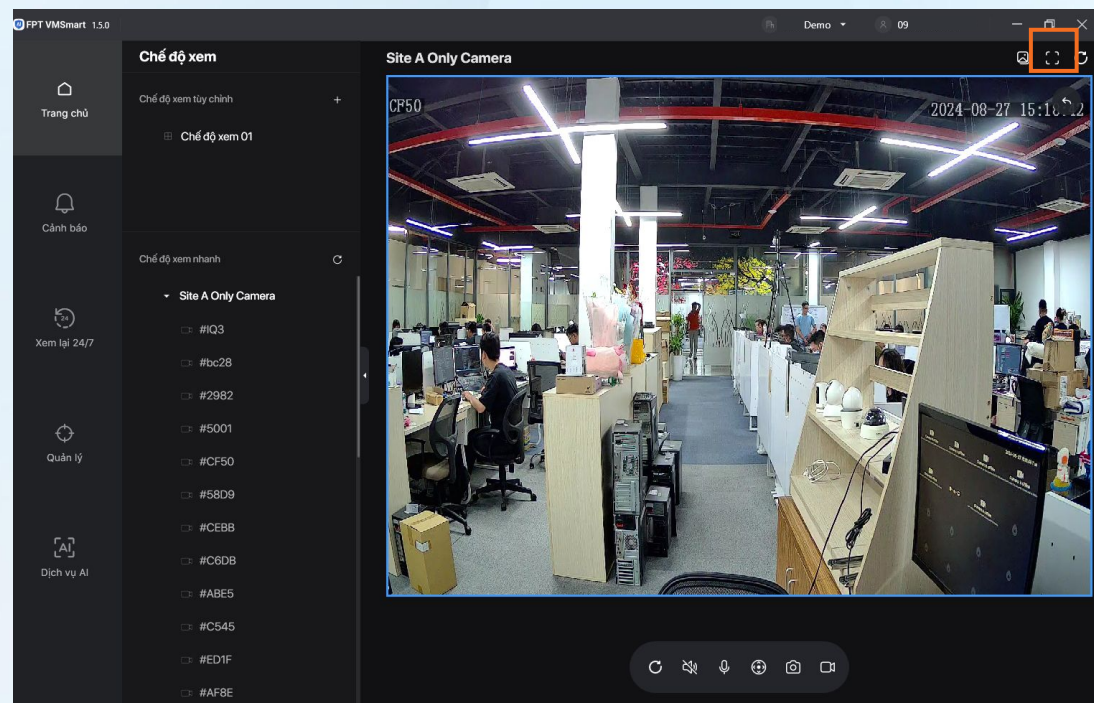


Tại quản lý thiết bị đầu ghi, người dùng ngoài việc có thể xem trực tiếp video thì còn có thể thao tác các tính năng kèm theo

Tính năng chụp ảnh, quay video

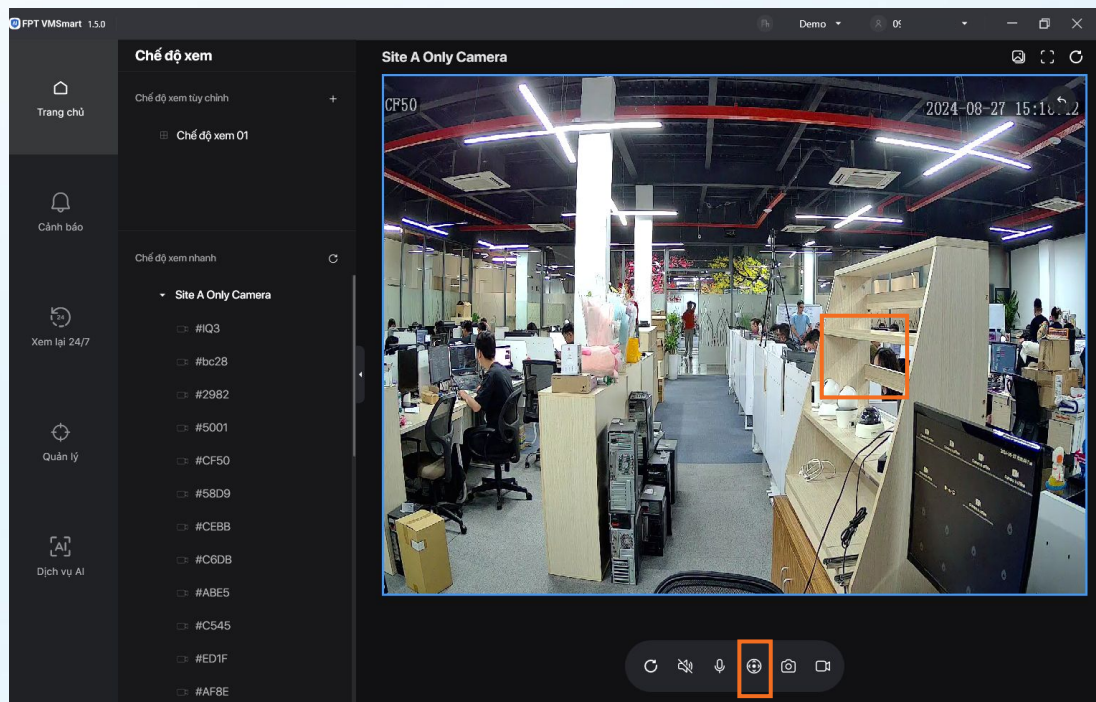


Tính năng xem video toàn màn hình

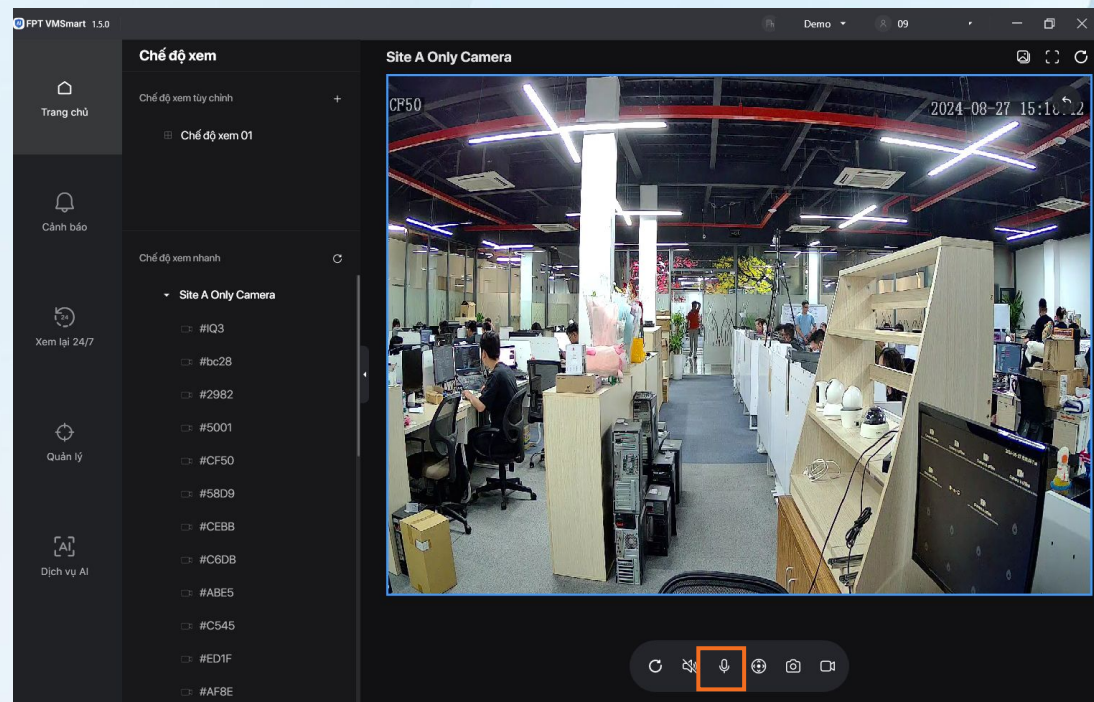


Tại quản lý thiết bị đầu ghi, người dùng ngoài việc có thể xem trực tiếp video thì còn có thể thao tác các tính năng kèm theo

Tính năng xoay (áp dụng cho camera có tính năng này)



Tính năng đàm thoại 2 chiều (áp dụng cho camera có tính năng này)

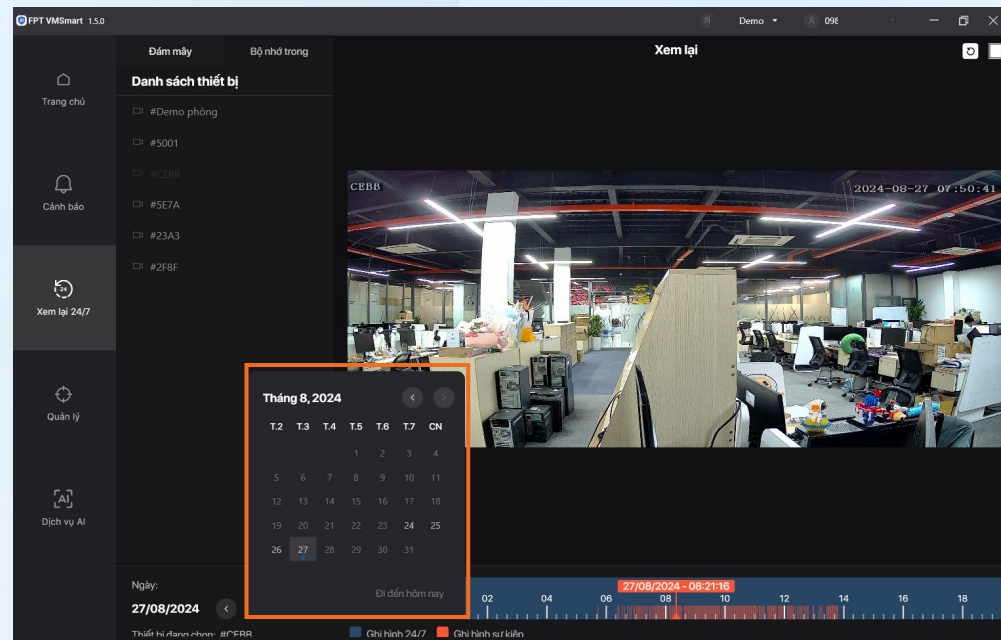
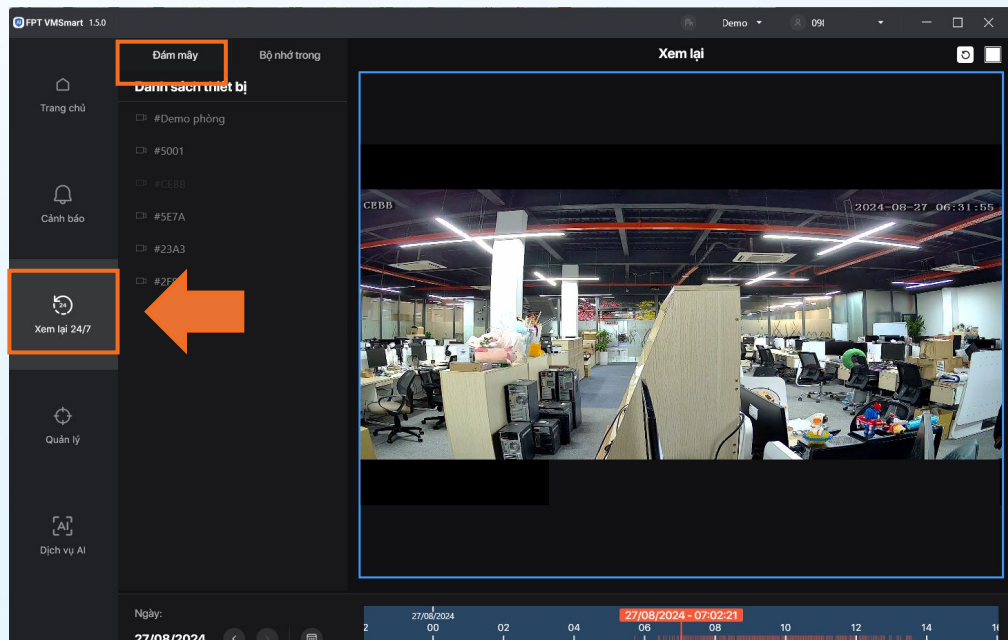


Phạm vi áp dụng: áp dụng tùy thuộc vào thiết bị được hỗ trợ, bao gồm hai dòng camera mới là IQ3s và Play 3

Chế độ xem lại các video lưu trữ đối với dữ liệu trên đám mây

Chọn nút **“Xem lại 24/7”**, lựa chọn **“Đám mây”** và camera cần xem lại

Lựa chọn dữ liệu cần xem **theo ngày**

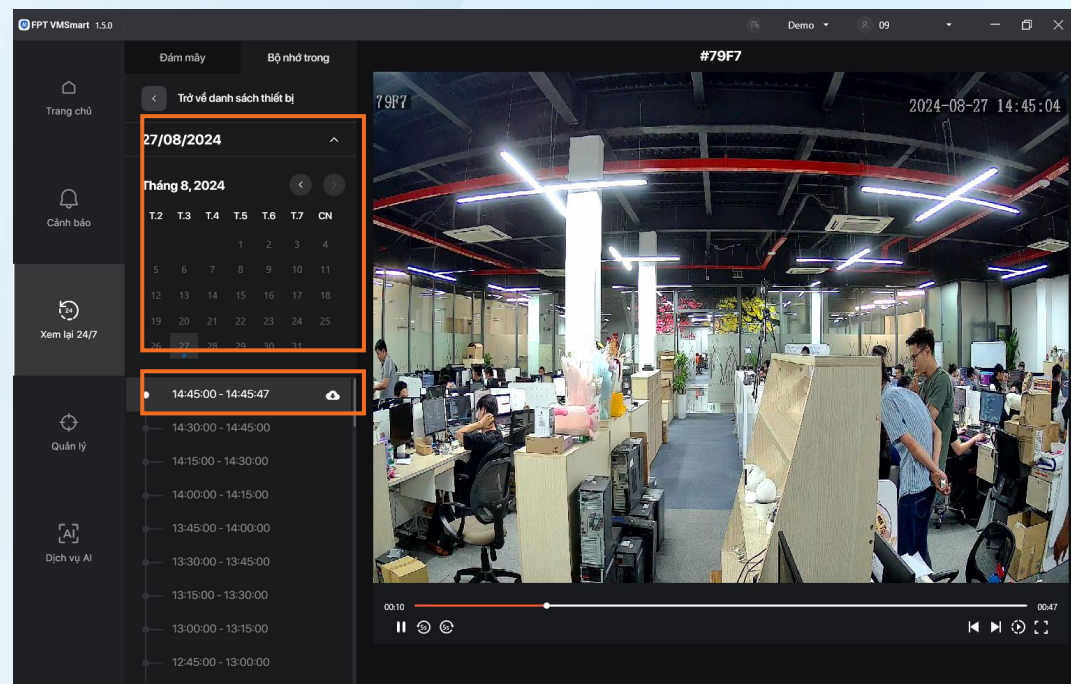
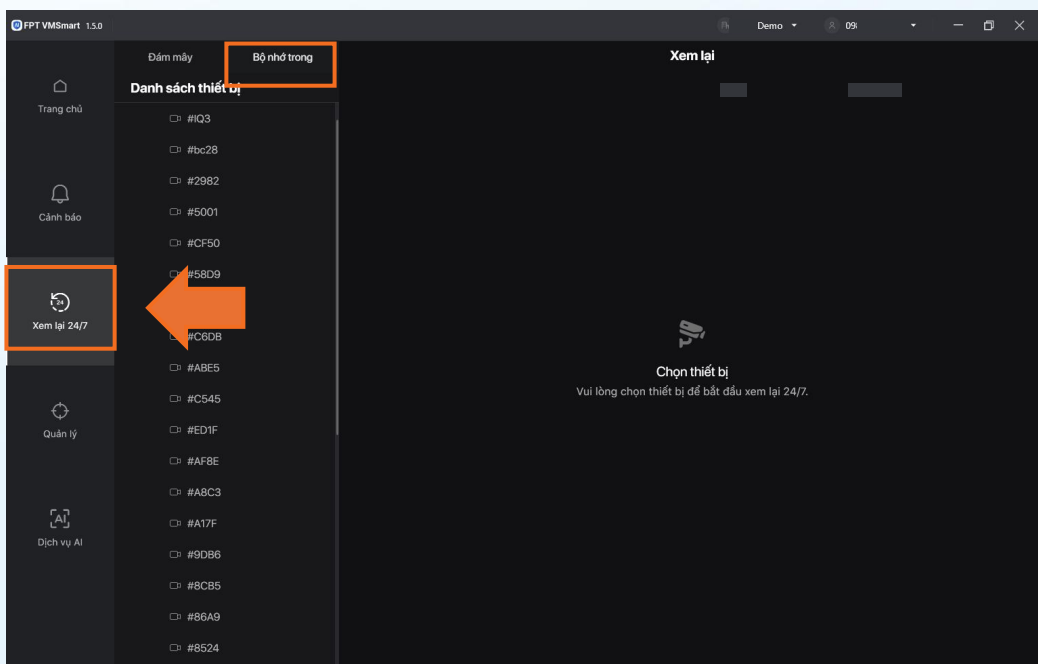


Định dạng: dữ liệu video liên tục “Ghi hình 24/7”/ dữ liệu ghi hình theo sự kiện

Chế độ xem lại các video lưu trữ đối với dữ liệu tại bộ nhớ trong

Chọn nút **“Xem lại 24/7”** và chọn **“Bộ nhớ trong”** lựa chọn camera cần xem lại

Lựa chọn dữ liệu cần xem **theo ngày**

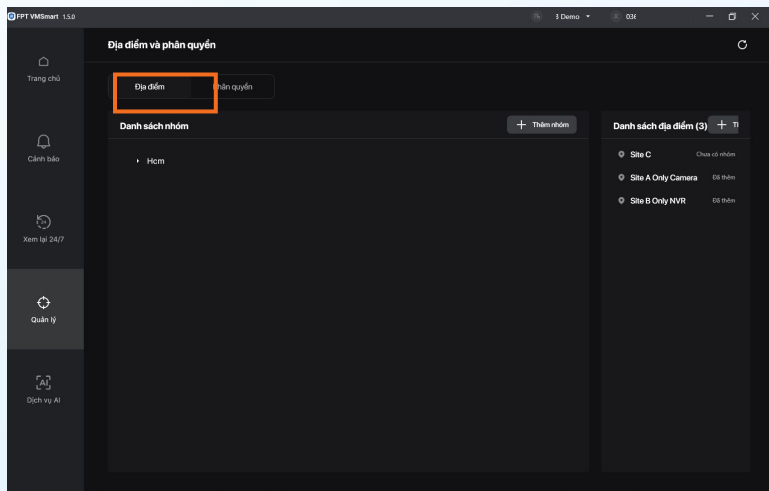


Định dạng: dữ liệu khi xem theo bộ nhớ trong sẽ được ghi theo khung giờ (độ dài 15 phút cho mỗi video) và ghi theo sự kiện

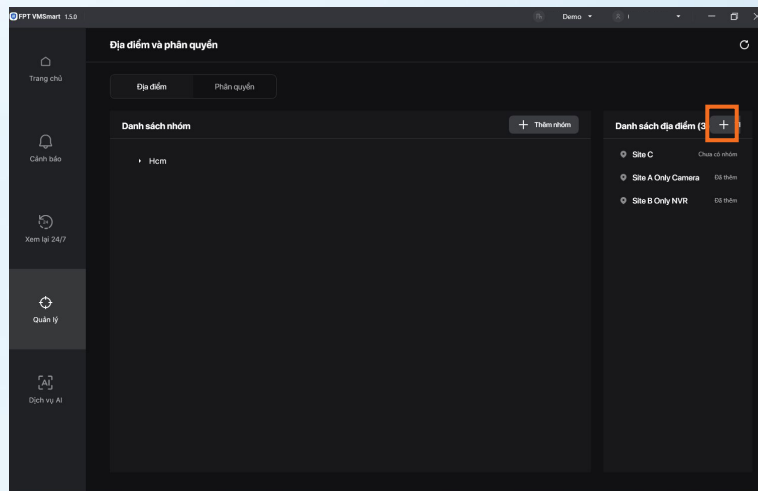
3. Quản lý địa điểm

Người dùng là quản trị viên (QTV) hoặc thành viên không được phép truy cập mục Quản lý địa điểm

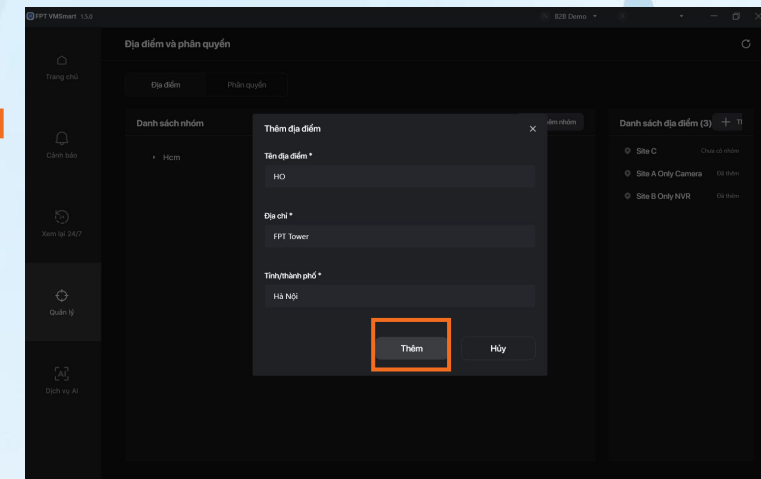
B1: Nhấn chọn **Quản lý địa điểm**



B2: Chọn mục “+” để thêm địa điểm và đặt tên địa điểm



B3: Điền đầy đủ trường thông tin theo yêu cầu và nhấn nút “**Thêm**”



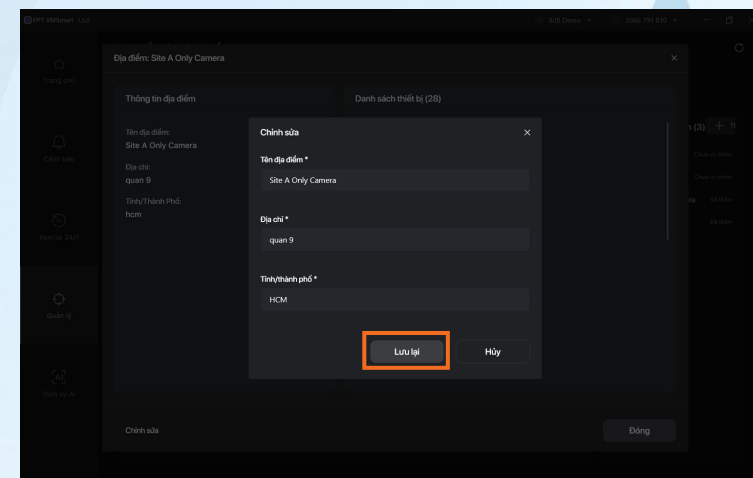
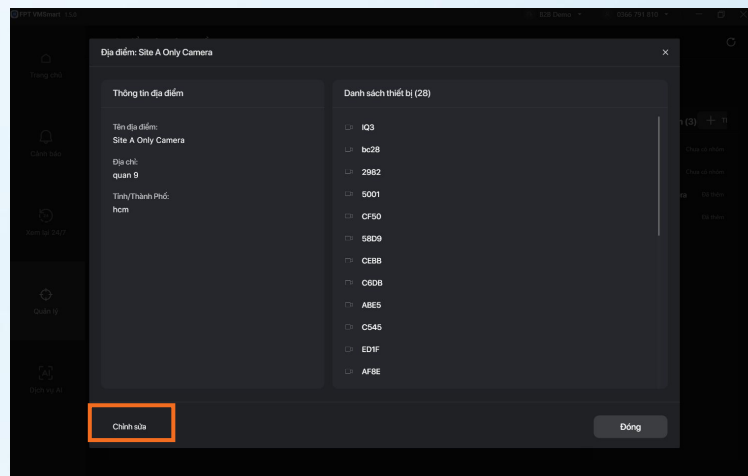
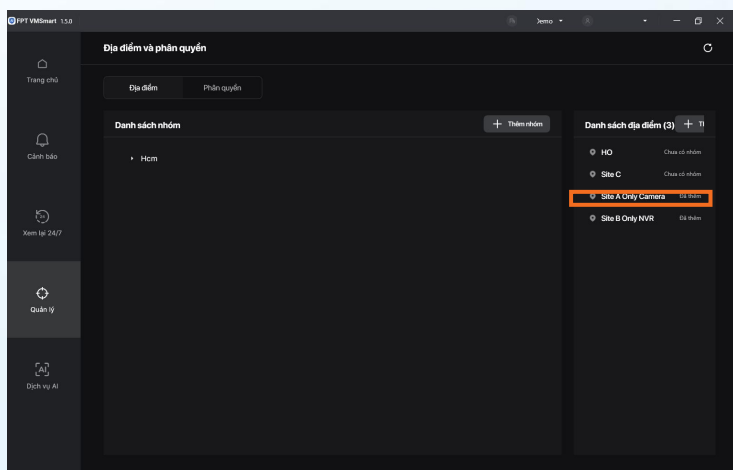
Quản lý địa điểm

Thay đổi thông tin địa điểm

B1: Tại mục **Quản lý địa điểm** và **chọn địa điểm** muốn thay đổi thông tin

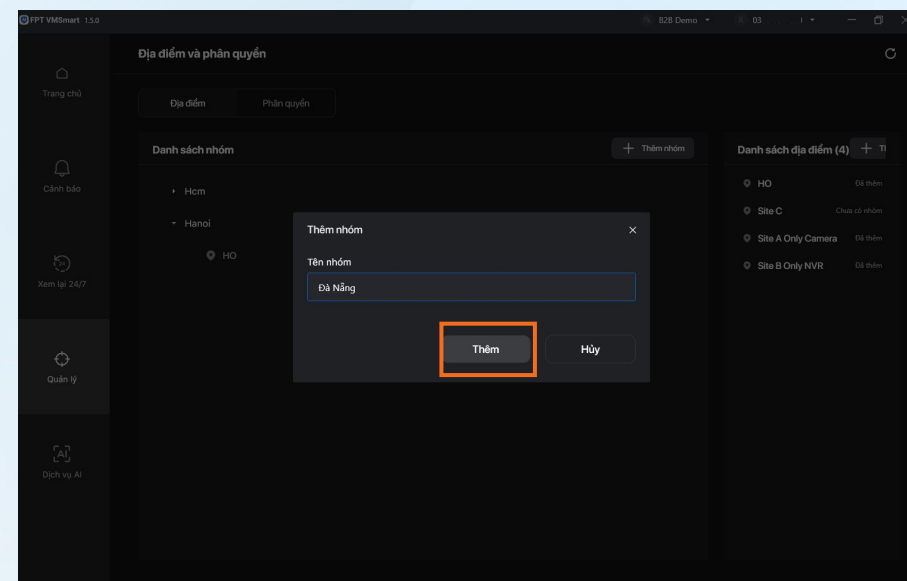
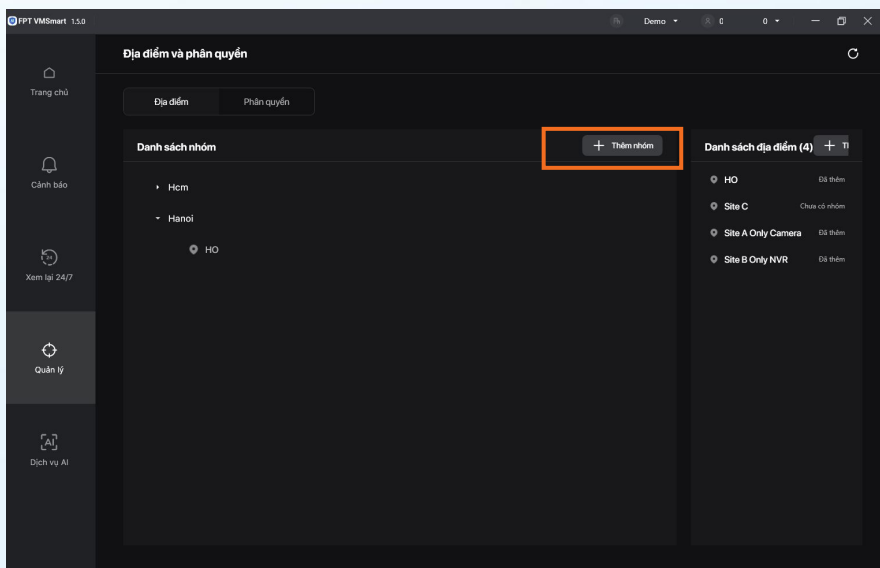
B2: Nhấn vào nút **Chỉnh sửa** để thay đổi thông tin

B3: **Đổi tên Địa điểm** và chọn **Tiếp tục** để lưu lại



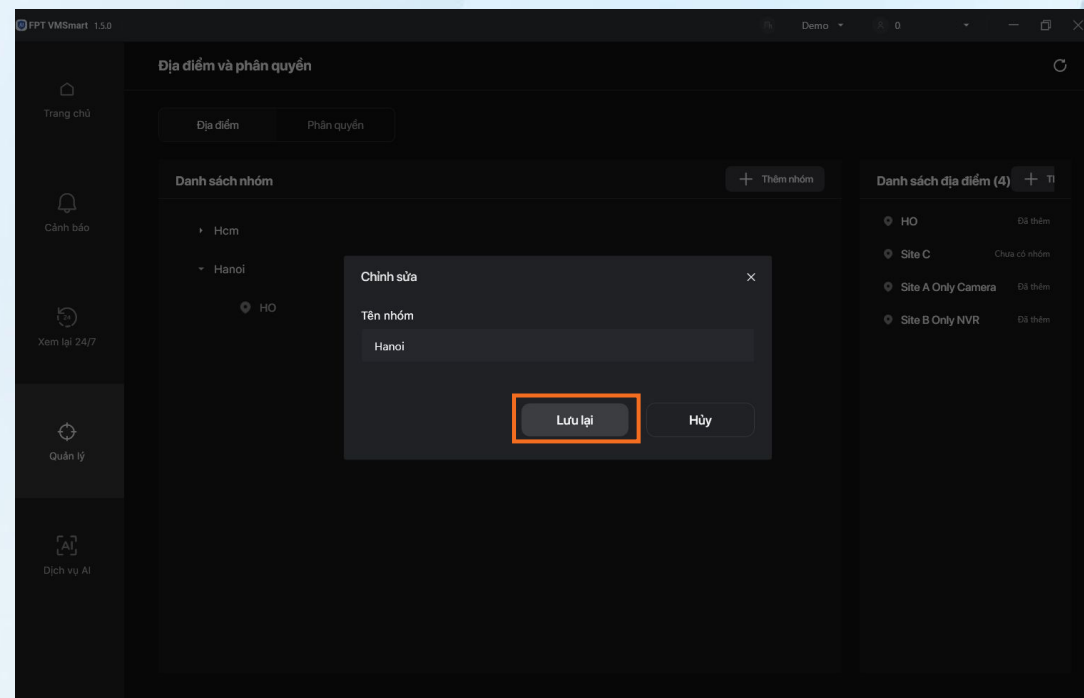
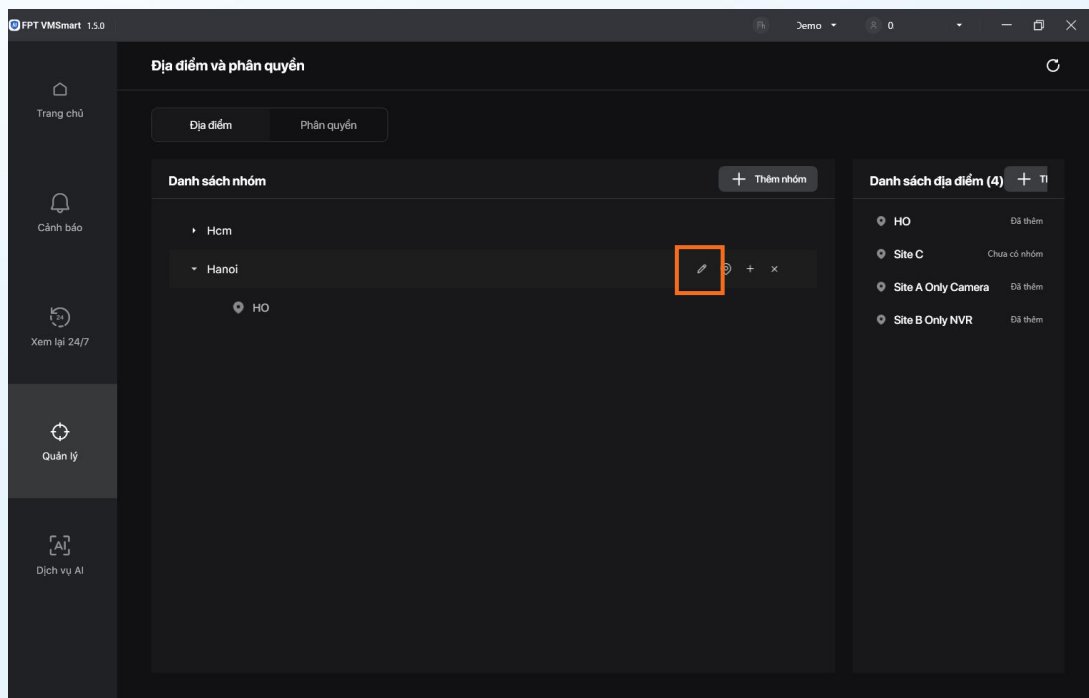
B1: Tại mục **Quản lý địa điểm** và chọn **Thêm nhóm**

B2: Điền tên địa điểm mong muốn và nhấn nút **Thêm**



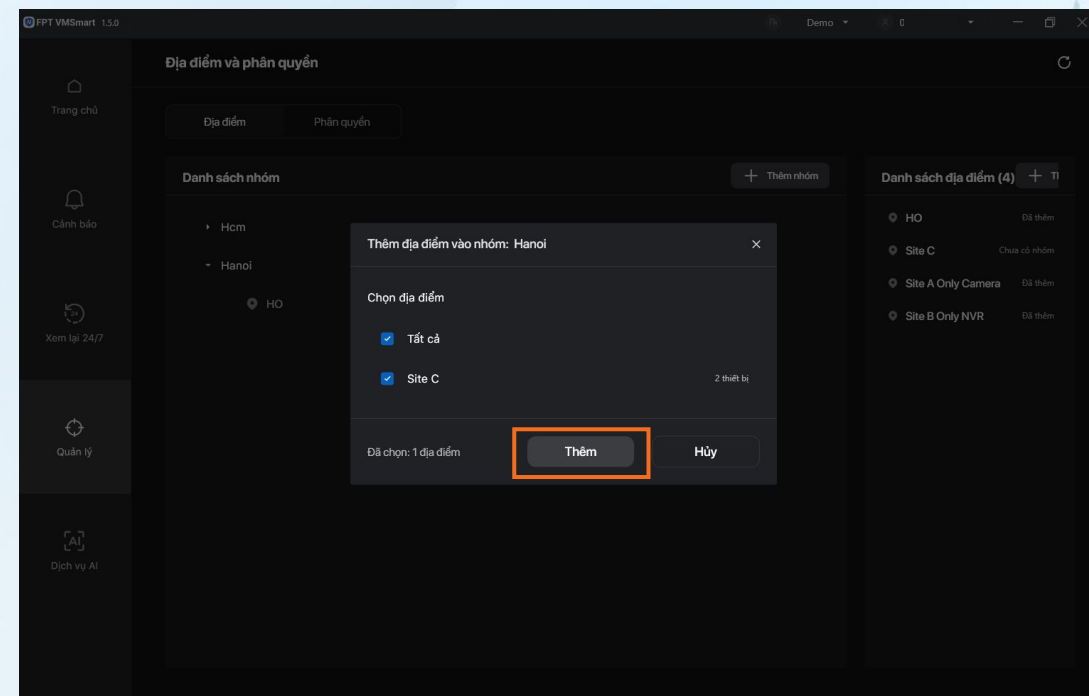
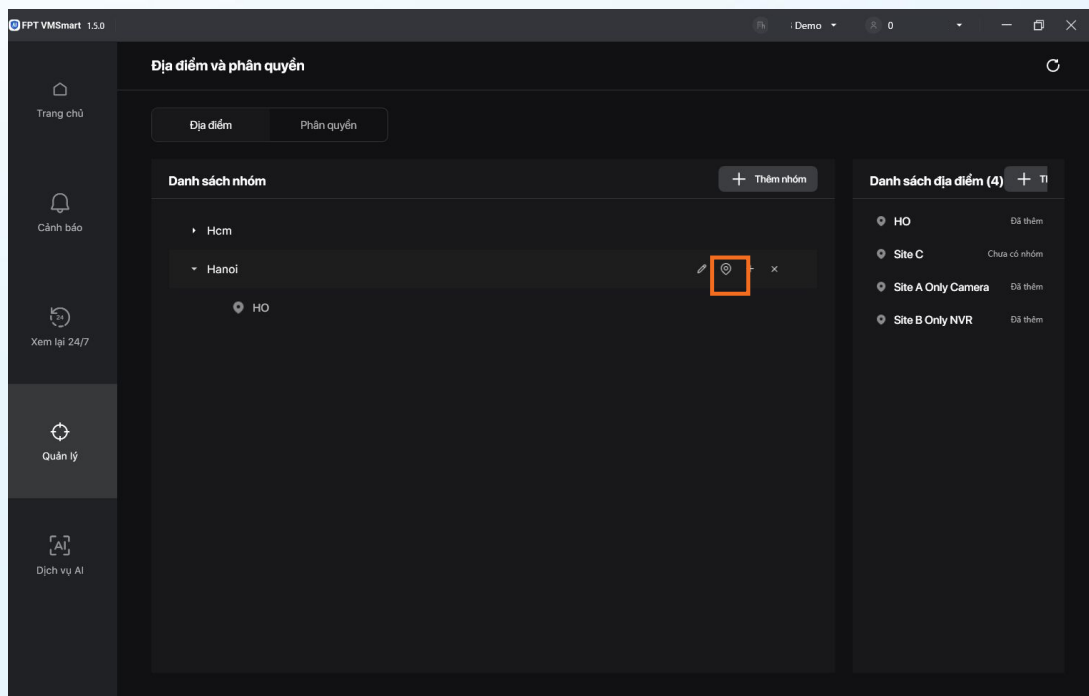
B1: Khi muốn chỉnh sửa tên nhóm đã tạo, nhấp vào **icon** trong hình để chỉnh sửa

B2: Thay đổi tên mong muốn và nhấn nút **Lưu lại**



B1: Khi muốn thêm địa điểm vào nhóm đã tạo, nhấn vào **icon** trong hình để chỉnh sửa

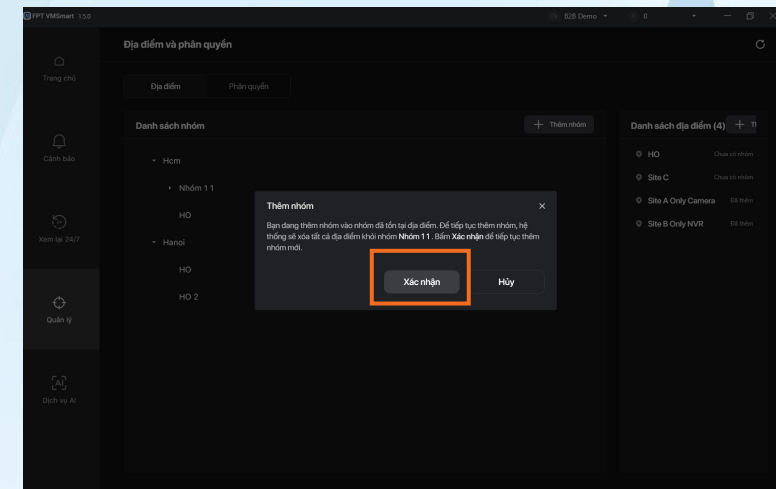
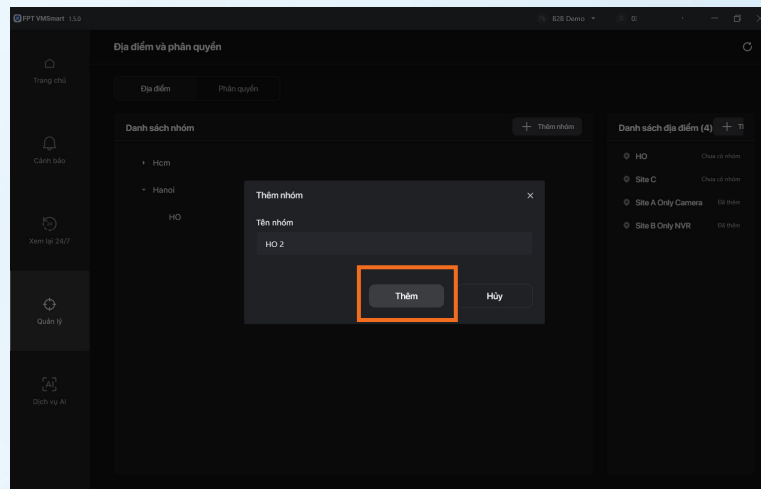
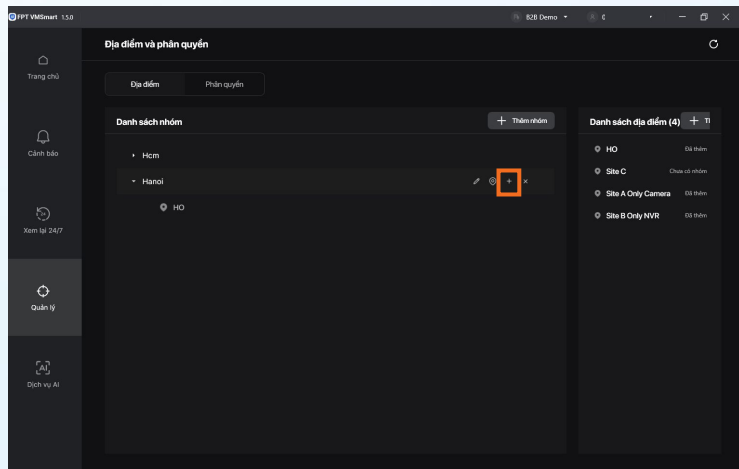
B2: Lựa chọn các địa điểm khả dụng và nhấn nút **Thêm**



B1: Khi muốn tạo nhóm nhỏ vào nhóm đã có trước đó, bạn cần nhấn vào **icon +** như trong hình để chỉnh sửa

B2: Nhập tên nhóm và nhấn nút **Thêm**

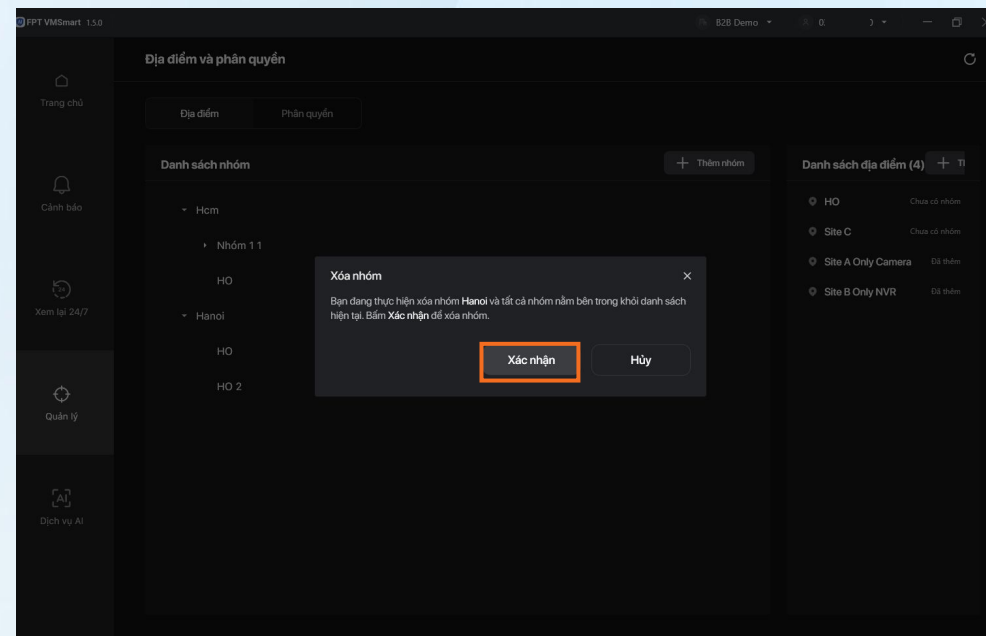
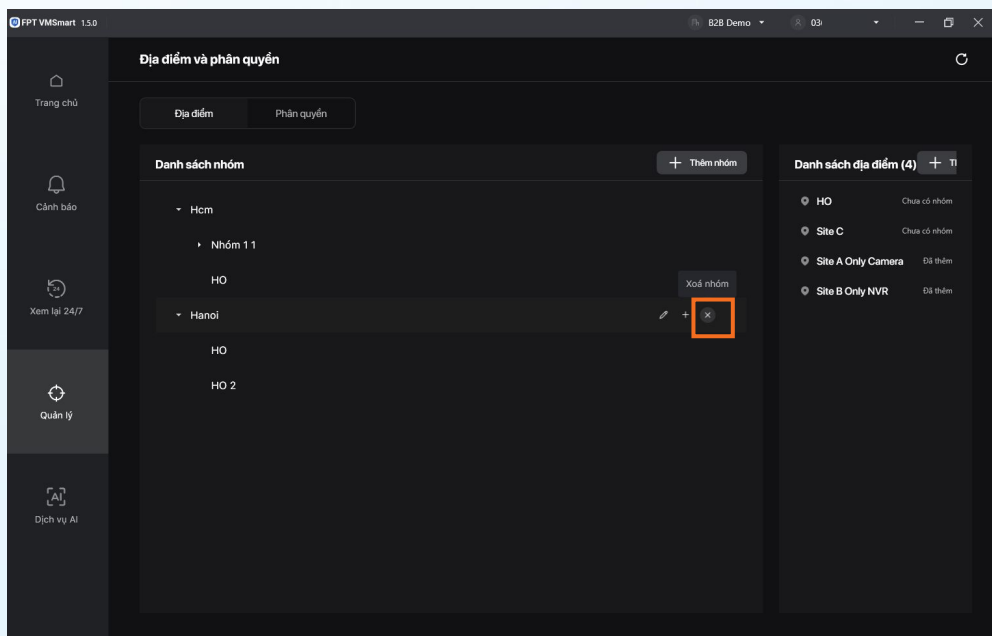
Lưu ý: Khi thêm nhóm mới vào nhóm đã có địa điểm, hệ thống sẽ đưa ra cảnh báo. Bạn cần **“Xác nhận”** để tiếp tục.



Lưu ý: Trong 1 nhóm lớn chỉ có thể chứa nhóm con hoặc chỉ chứa địa điểm thuộc nhóm lớn đó, không thể chứa đồng thời các nhóm con và địa điểm. Nếu muốn thêm nhóm phải xóa các địa điểm trước đó

B1: Khi muốn xóa nhóm đã tạo, bạn cần nhấn vào **icon “x”** như trong hình để xóa

B2: Trước khi xóa nhóm, hệ thống sẽ đưa ra cảnh báo. Bạn cần **“Xác nhận”** để xóa nhóm.

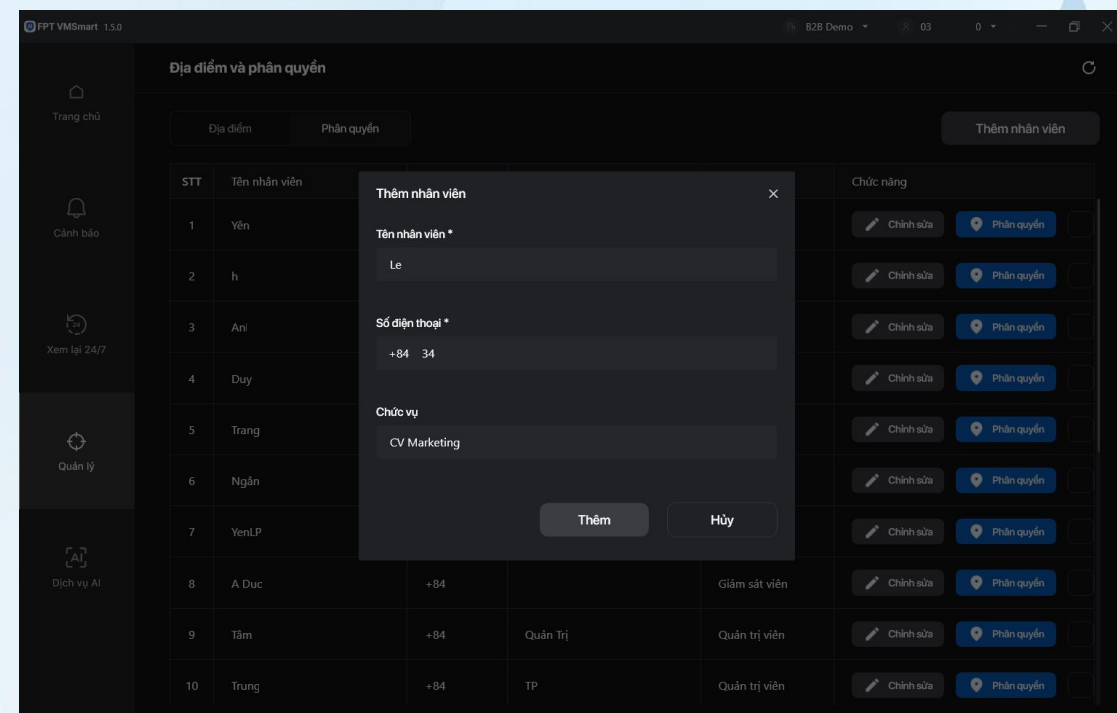
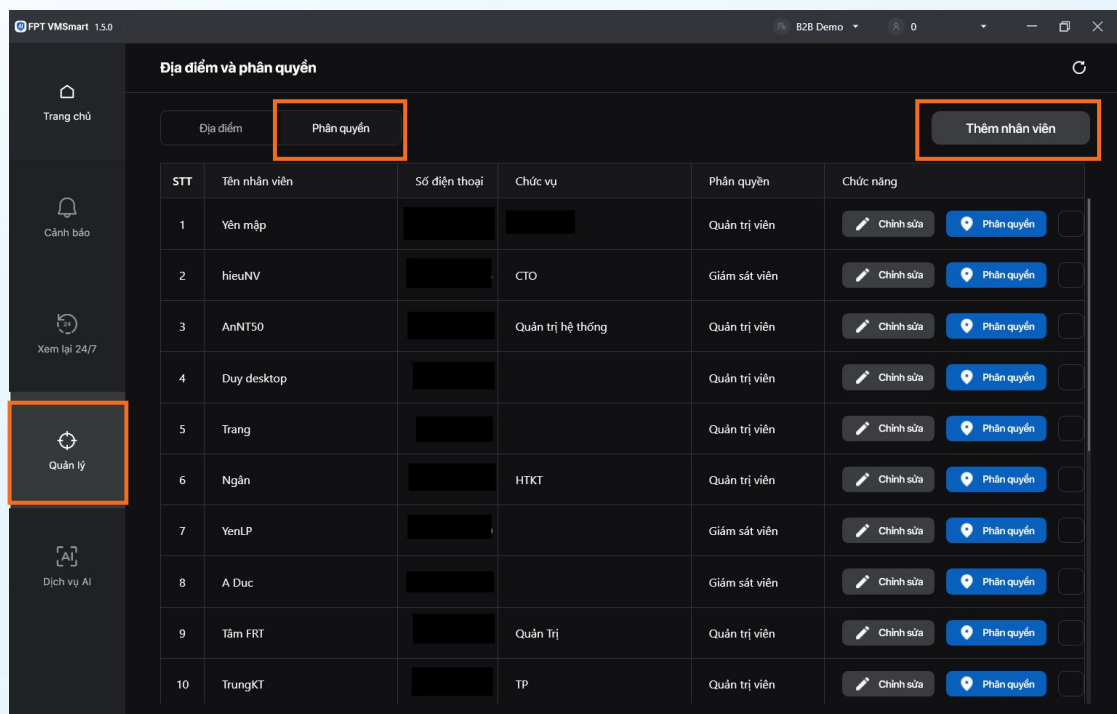


4. Quản lý phân quyền

Chỉ áp dụng đối với người dùng là Owner. Admin/Shared không thể truy cập chức năng này.

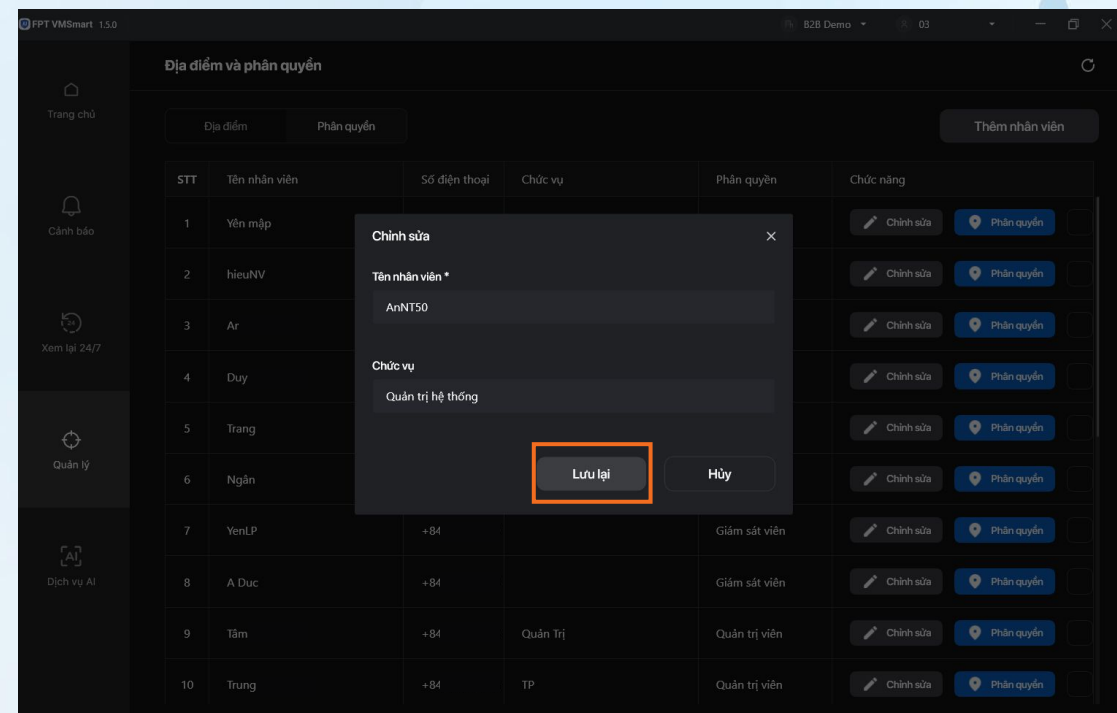
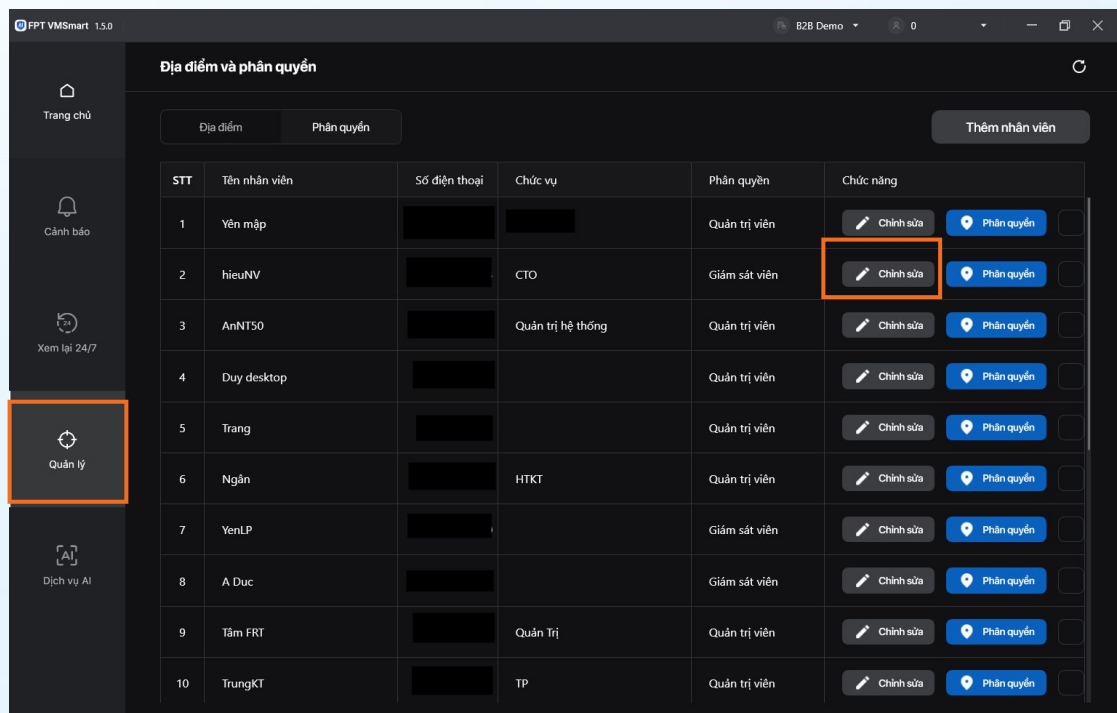
B1: chọn mục **Quản lý** và chọn tab **Phân quyền**, nhấn nút **Thêm nhân viên**

B2: Chọn **Nhập thông tin nhân viên** và nhấn nút **Thêm**

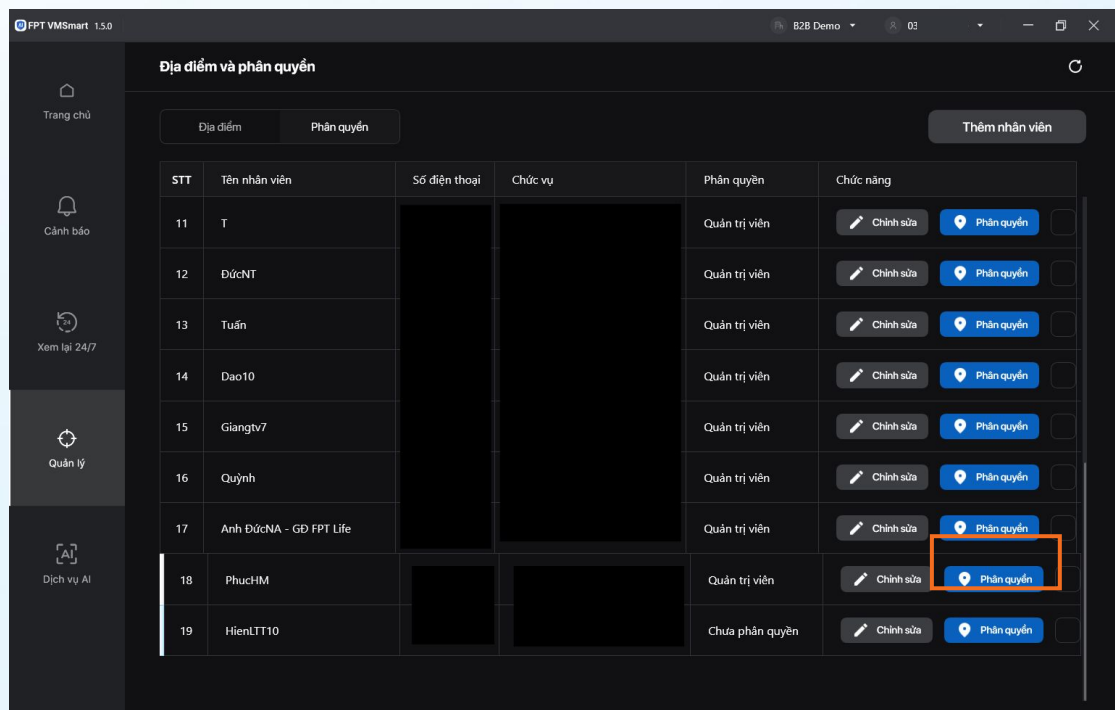


B1: Khi bạn muốn chỉnh sửa thông tin nhân viên, hãy nhấn vào nút **Chỉnh sửa**

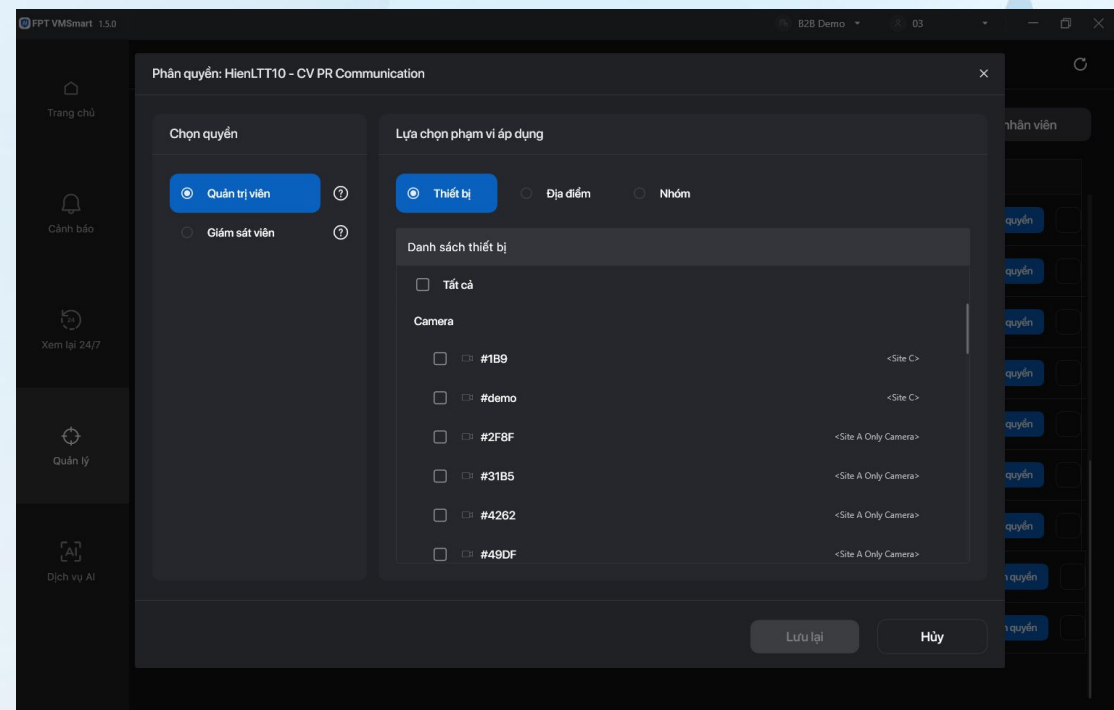
B2: Đối với phần chỉnh sửa thông tin nhân viên, bạn có thể thay đổi tên và chức danh, sau đó nhấn nút **Lưu lại**



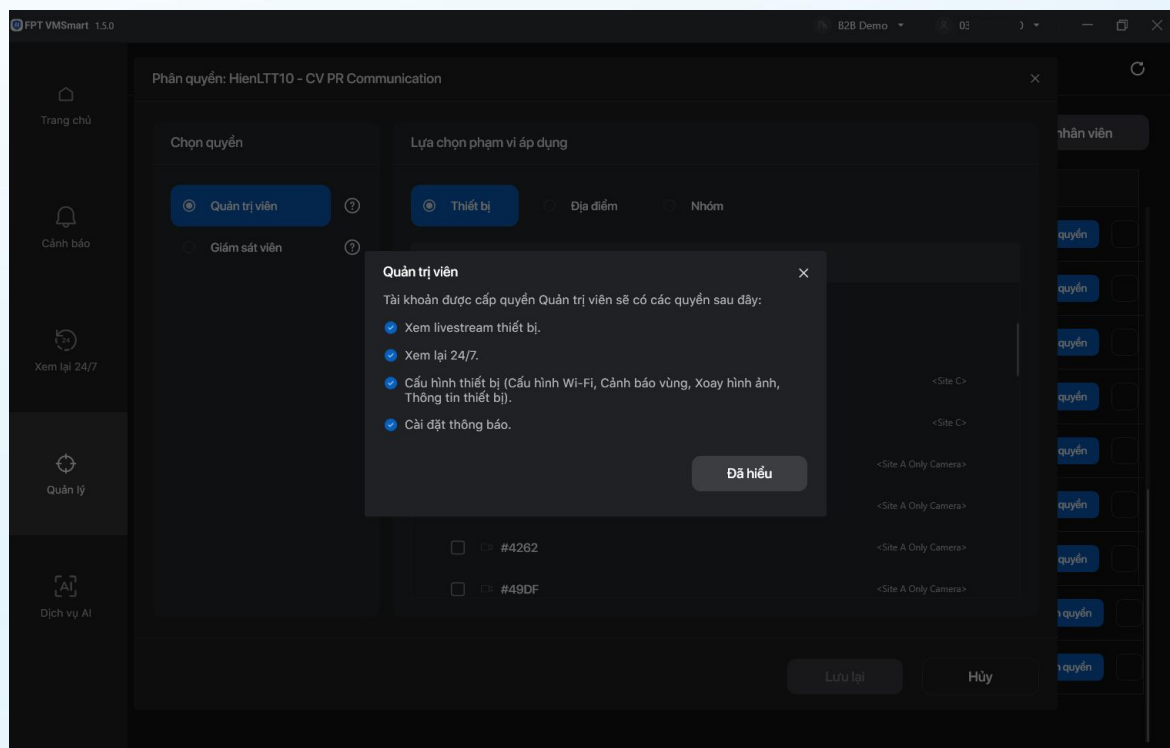
B1: Khi bạn muốn phân quyền dành cho nhân viên, hãy nhấn nút **Phân quyền**



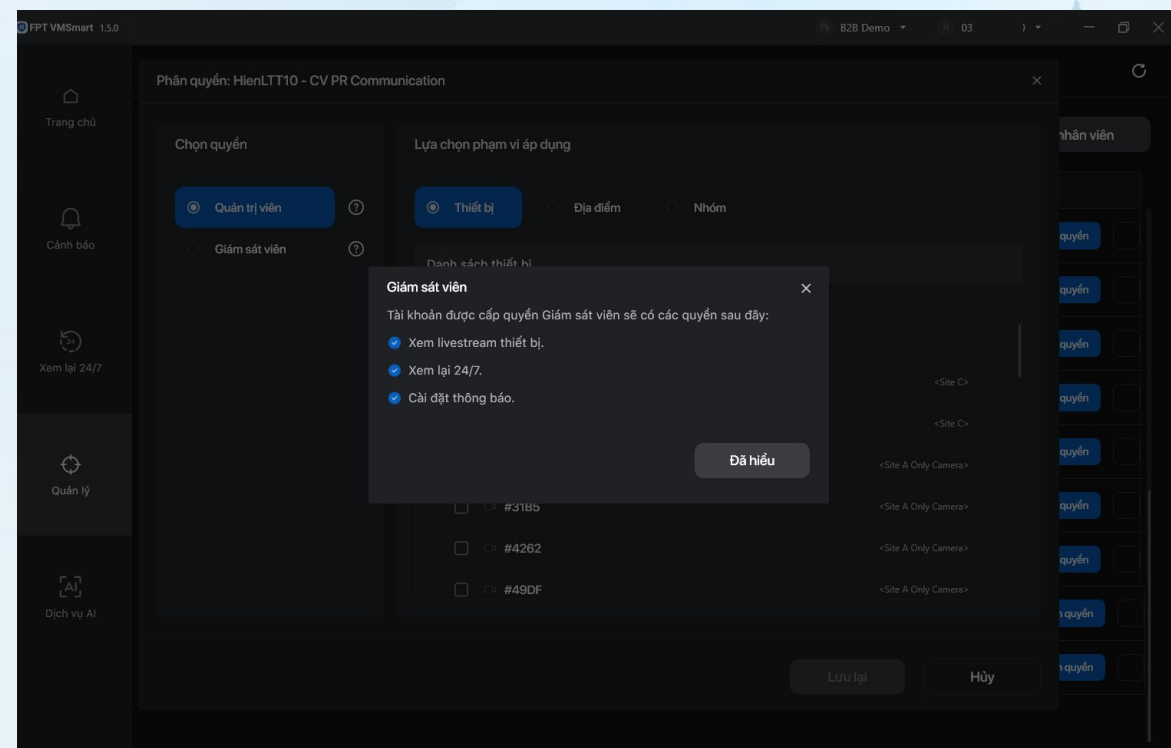
B2: Lựa chọn phân quyền cho nhân viên theo cấp độ **Quản trị viên** và **Giám sát viên**



Chi tiết quyền truy cập của **Quản trị viên**

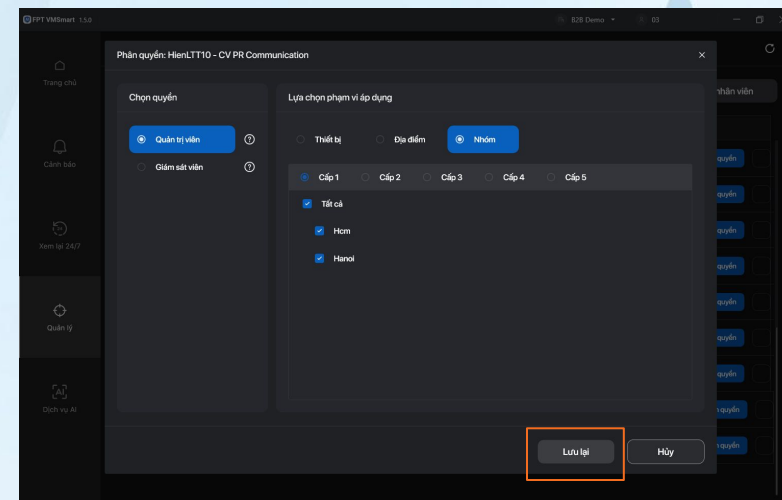
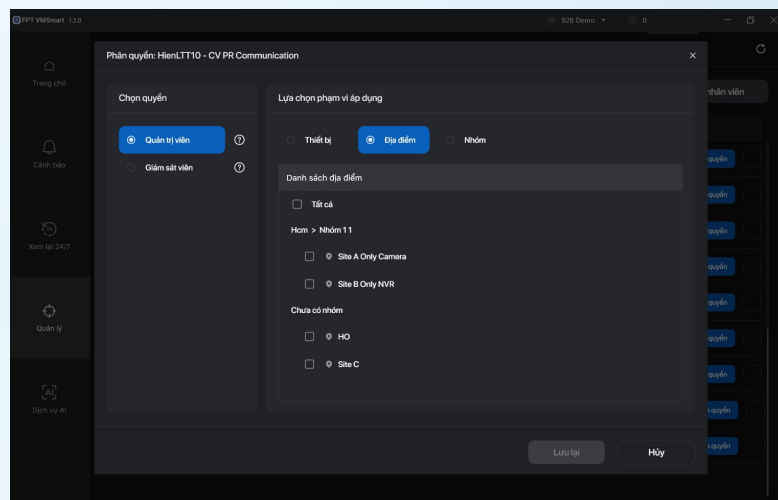
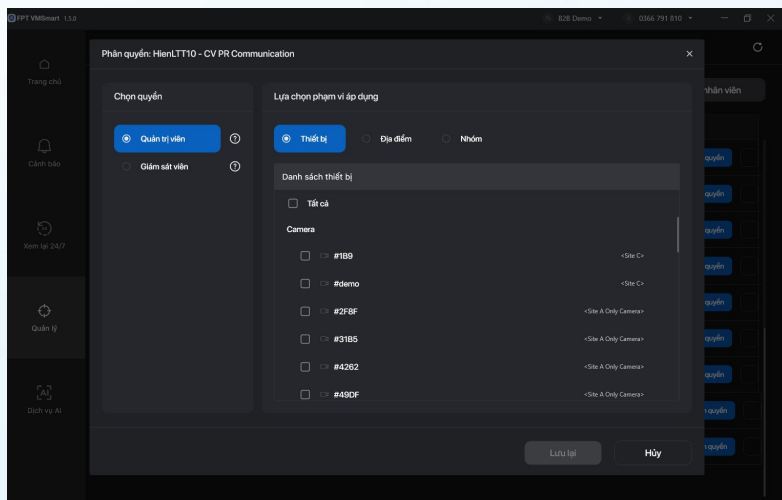


Chi tiết quyền truy cập của **Giám sát viên**



Lựa chọn phạm vi áp dụng:

- Bạn có thể lựa chọn phân quyền xem camera theo: **Thiết bị**, **Địa điểm** và **Nhóm**
- Sau đó, nhấn **Lưu lại** để hoàn tất phân quyền

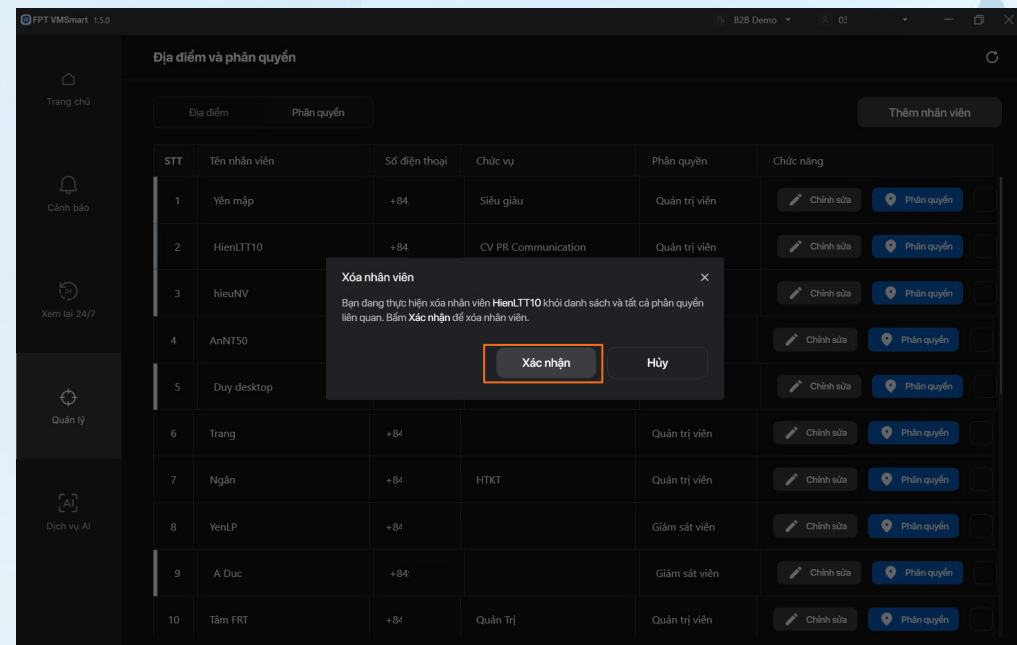
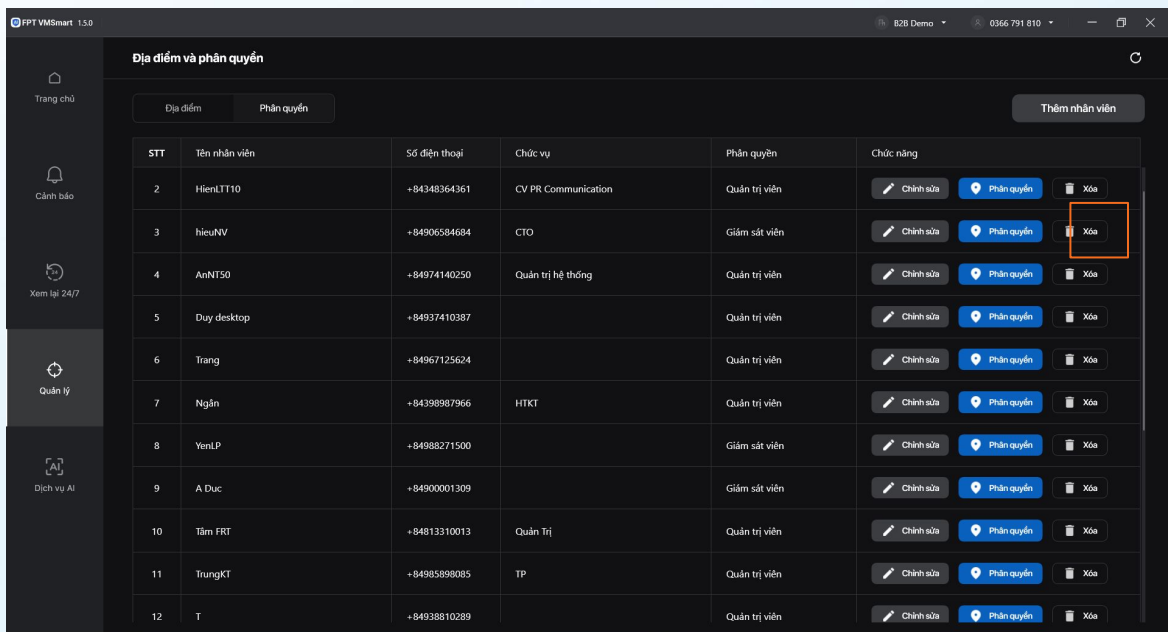


*Lưu ý

- Chỉ có thể phân quyền 1 trong 3 mục Địa điểm/Nhóm/Thiết bị.
- Trường hợp thay đổi mục phân quyền, cần xác nhận thay đổi do hành động này sẽ xóa tất cả thiết lập trước đó sau khi hoàn tất.
- Việc thay đổi cấp trong mục Nhóm cũng sẽ được tính là thay đổi phạm vi phân quyền và cần xác nhận.

B1: Khi bạn muốn xóa nhân viên khỏi hệ thống, bạn hãy nhấn vào nút **Xóa** như trong hình

B2: Hệ thống sẽ đưa ra cảnh báo và bạn cần ấn **Xác nhận** để hoàn tất thao tác



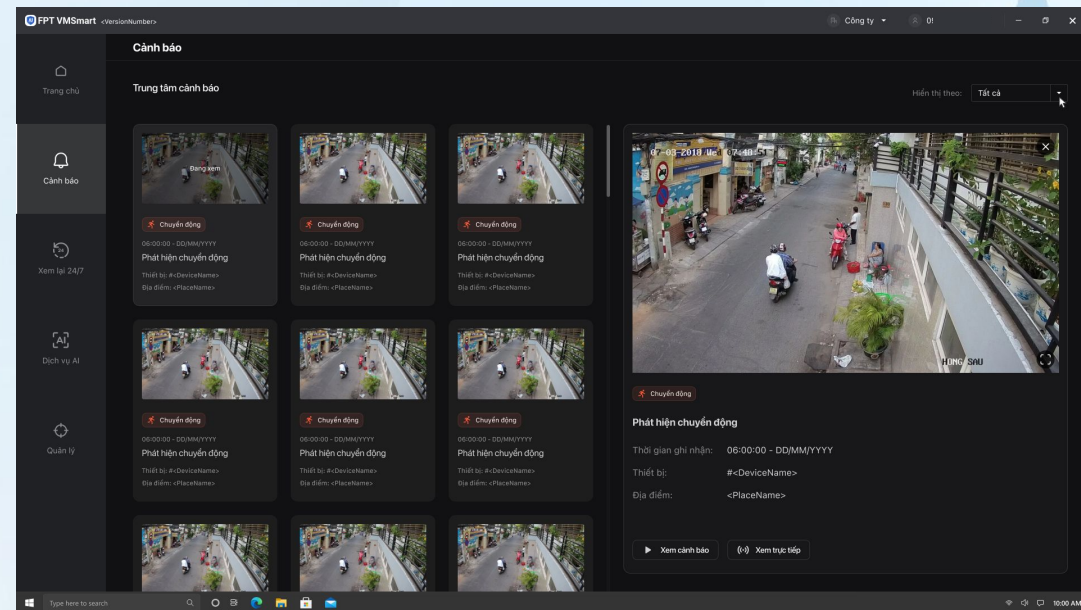
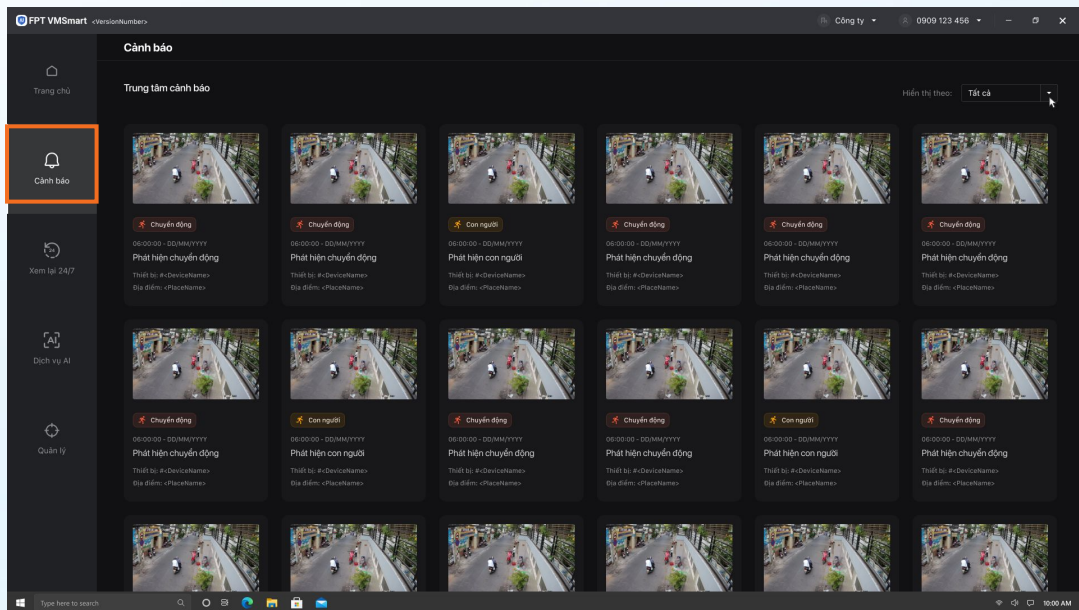
5. Tính năng cảnh báo

Tính năng cảnh báo

Trung tâm cảnh báo

B1: Để truy cập tính năng, hãy nhấp vào phần **Cảnh báo**. Tại đây, toàn bộ cảnh báo sẽ được hiển thị

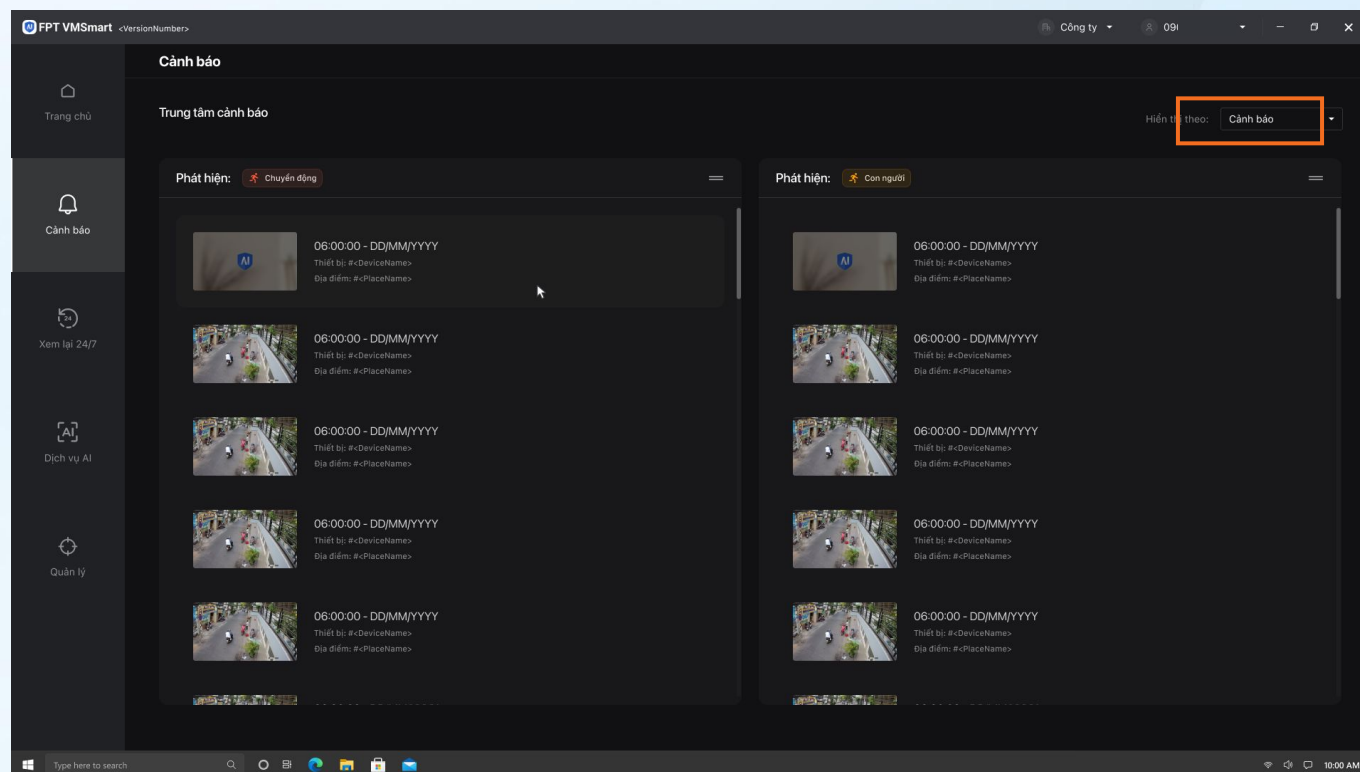
B2: Khi muốn xem một cảnh báo bất kỳ, bạn có thể **nhấp chuột trực tiếp vào video**. Chi tiết video cảnh báo sẽ hiển thị ở góc bên phải màn hình



Tại trung tâm cảnh báo

Bạn lọc và xem cảnh báo theo dạng:

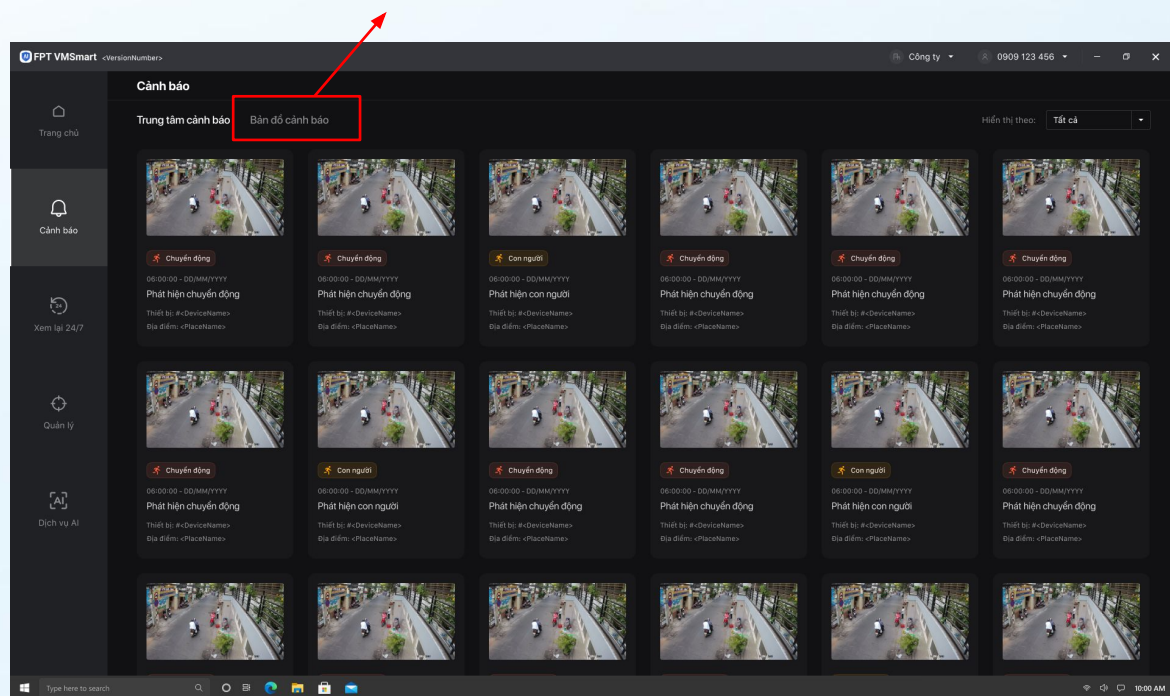
- **Tất cả:** Hiện thị toàn bộ cảnh báo
- **Địa điểm:** Hiện thị toàn bộ cảnh báo phân theo địa điểm
- **Cảnh báo:** Chế độ này sẽ phân loại cảnh báo theo **Hành động** (cảnh báo chuyển động) và **Con người** (cảnh báo khi có người tới gần)



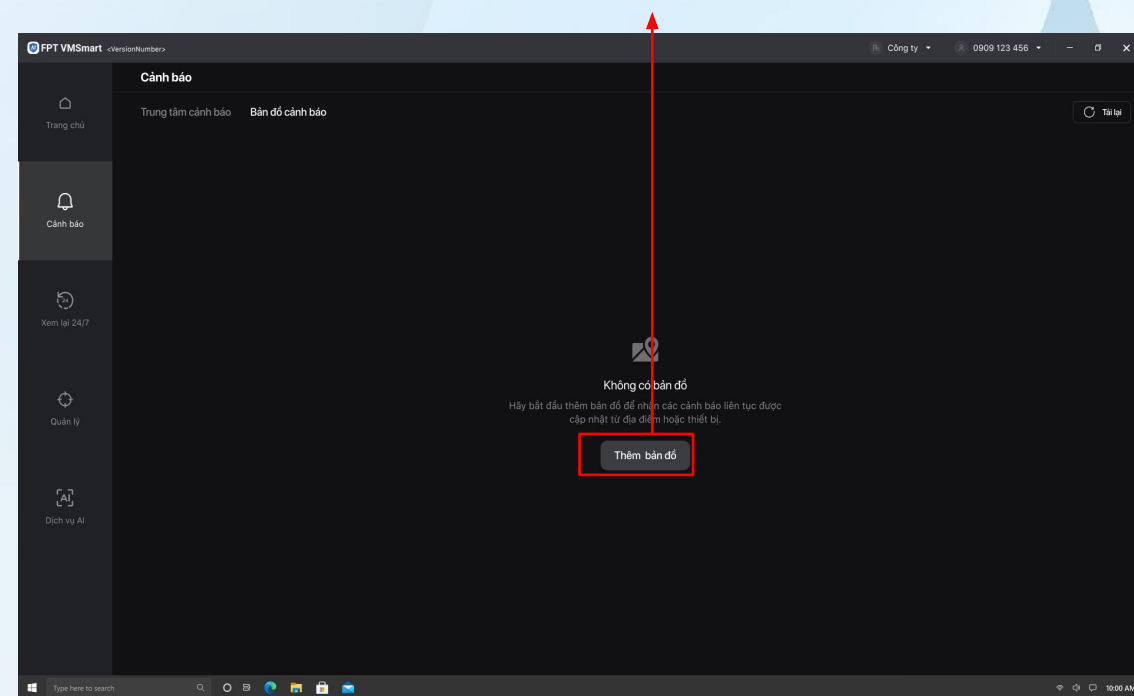
Tính năng cảnh báo

Bản đồ cảnh báo

B1: Để truy cập tính năng, hãy nhấp vào phần **Cảnh báo**. **Tại đây**, toàn bộ cảnh báo sẽ được hiển thị

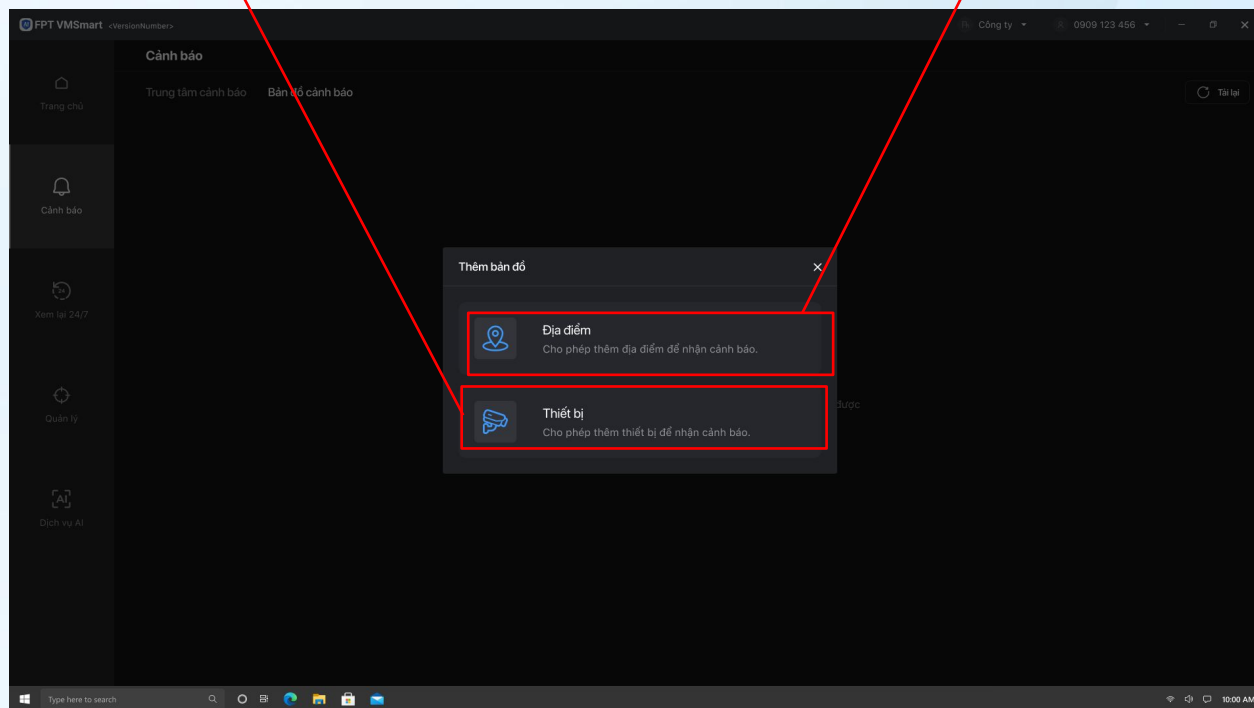


B2: Khi muốn xem một cảnh báo bất kỳ, bạn có thể **nhấp chuột trực tiếp vào video**. Chi tiết video cảnh báo sẽ hiển thị ở góc bên phải màn hình



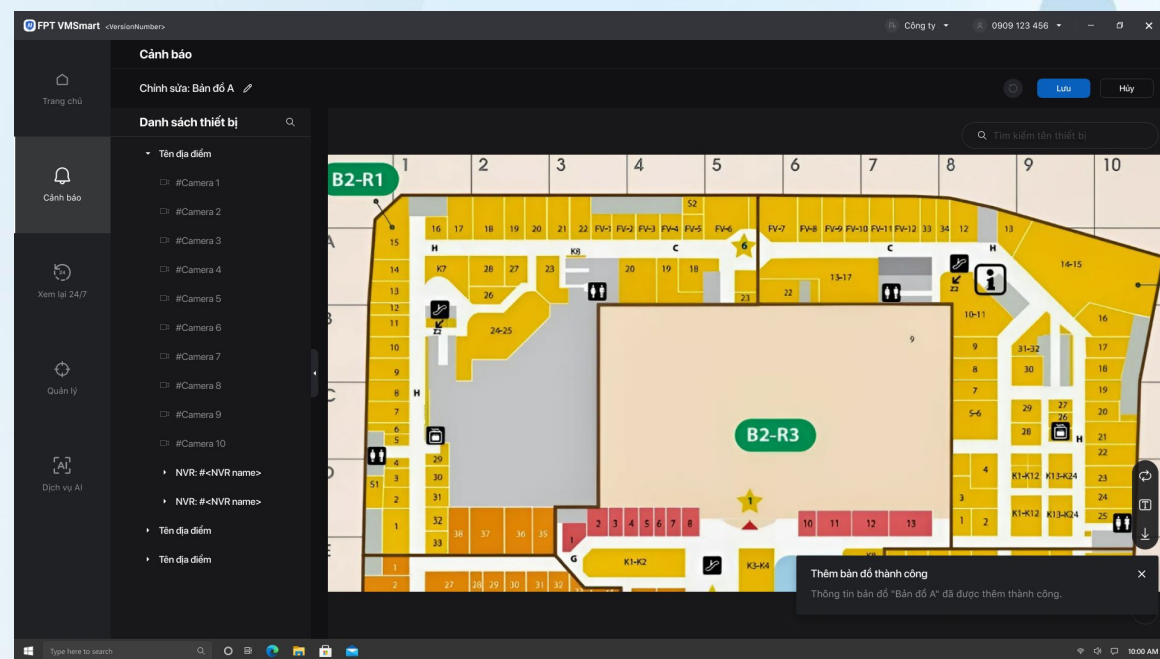
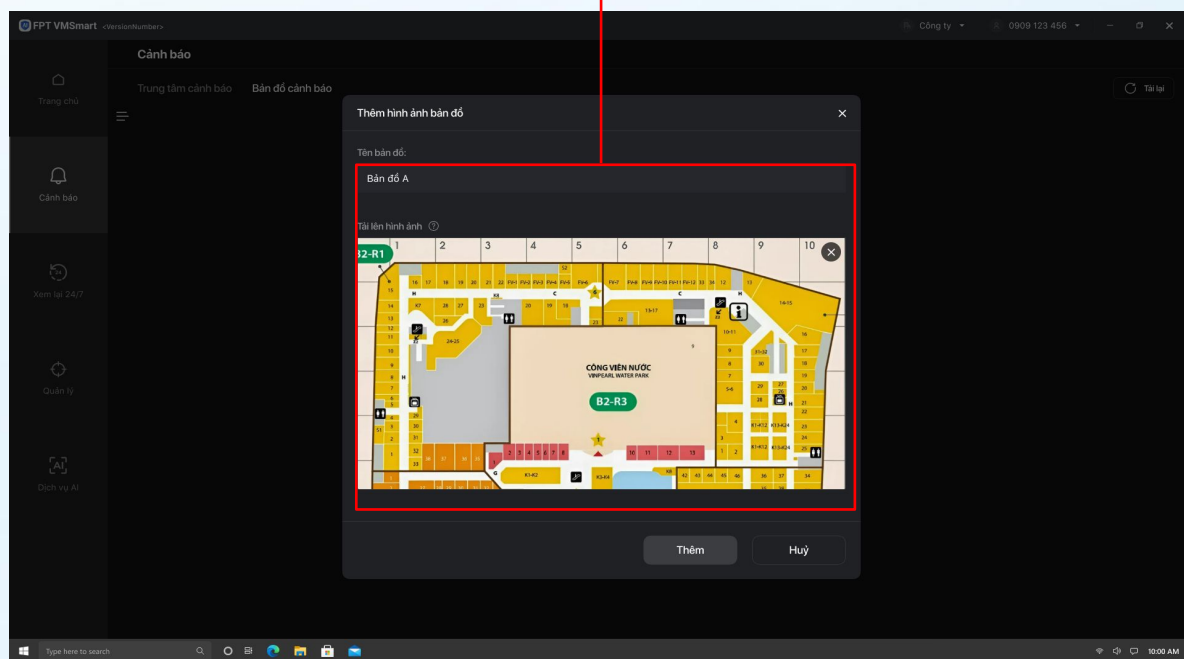
Thêm bản đồ thiết bị

Thêm bản đồ địa điểm



Nhập thông tin “**Bản đồ thiết bị**”

Thêm bản đồ thành công

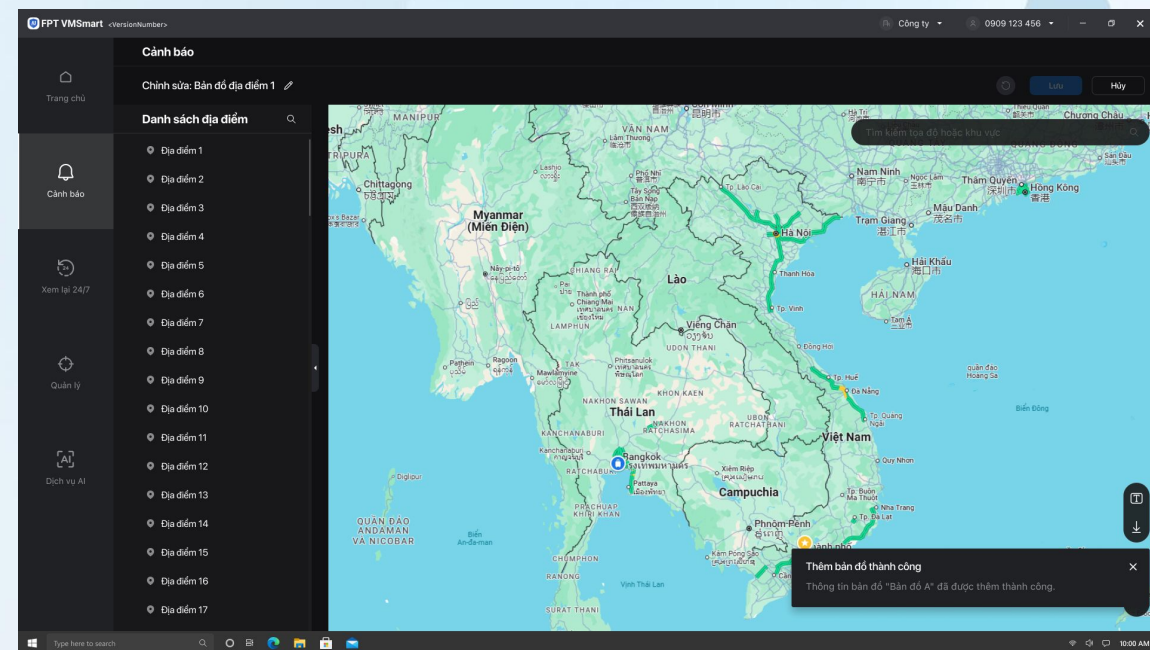
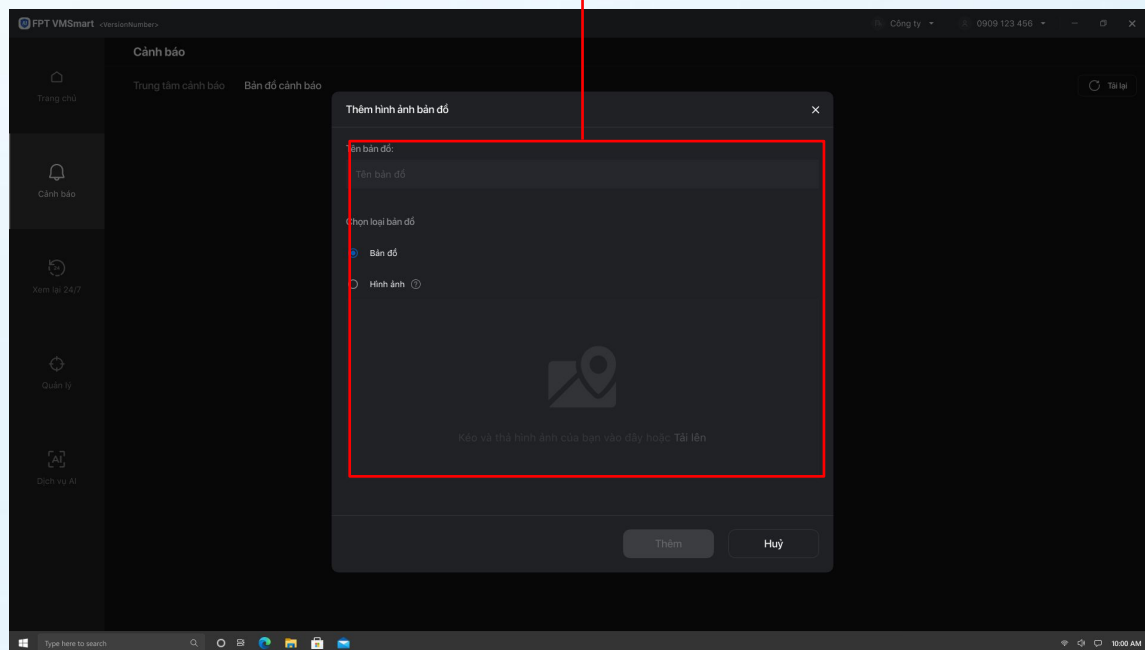


Tính năng cảnh báo

Bản đồ thiết bị

Nhập thông tin “**Bản đồ thiết bị**”

Thêm bản đồ thành công

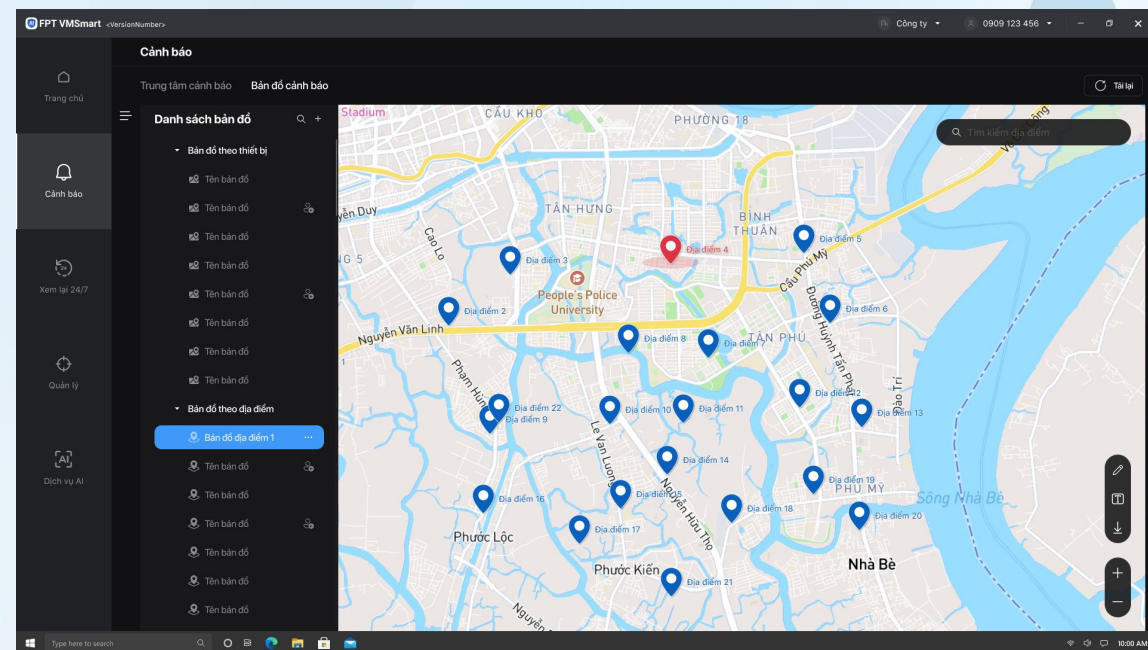
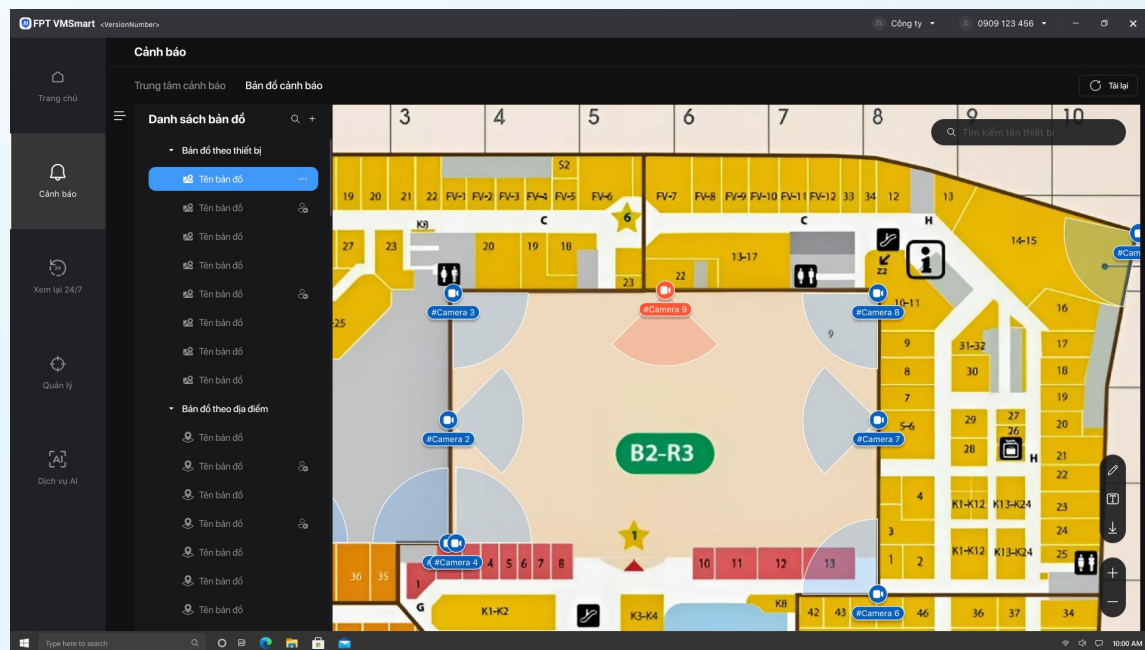


Tính năng cảnh báo

Nhận thông báo trên bản đồ

Khi có cảnh báo xuất hiện trên bản đồ thiết bị

Khi có cảnh báo xuất hiện trên bản đồ địa điểm

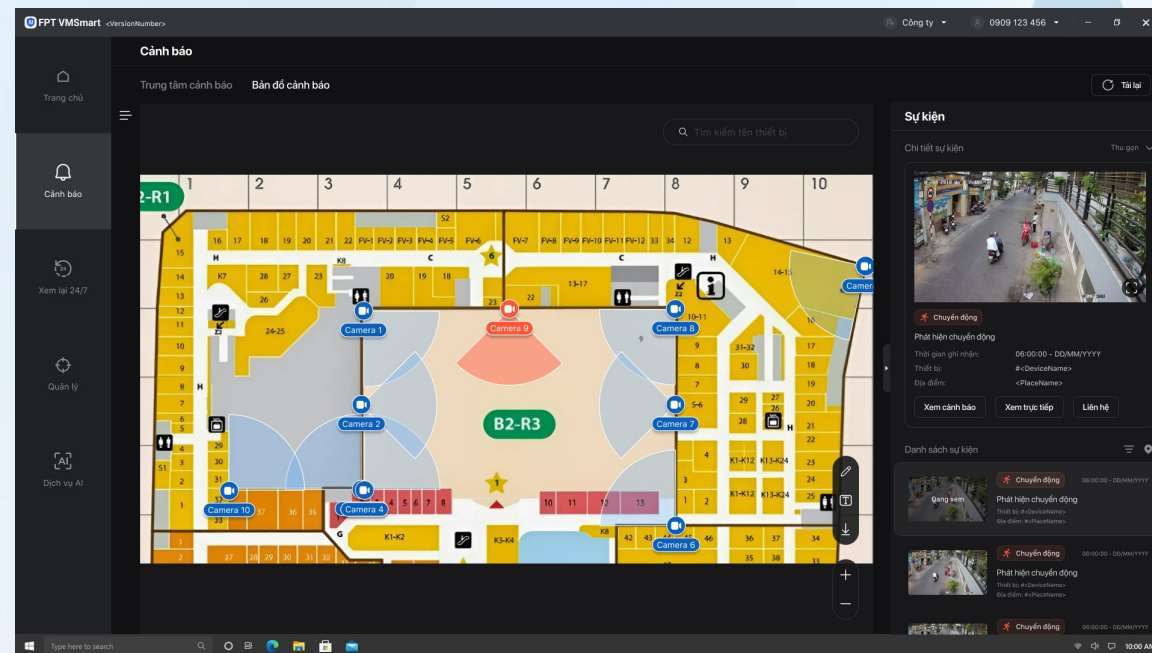
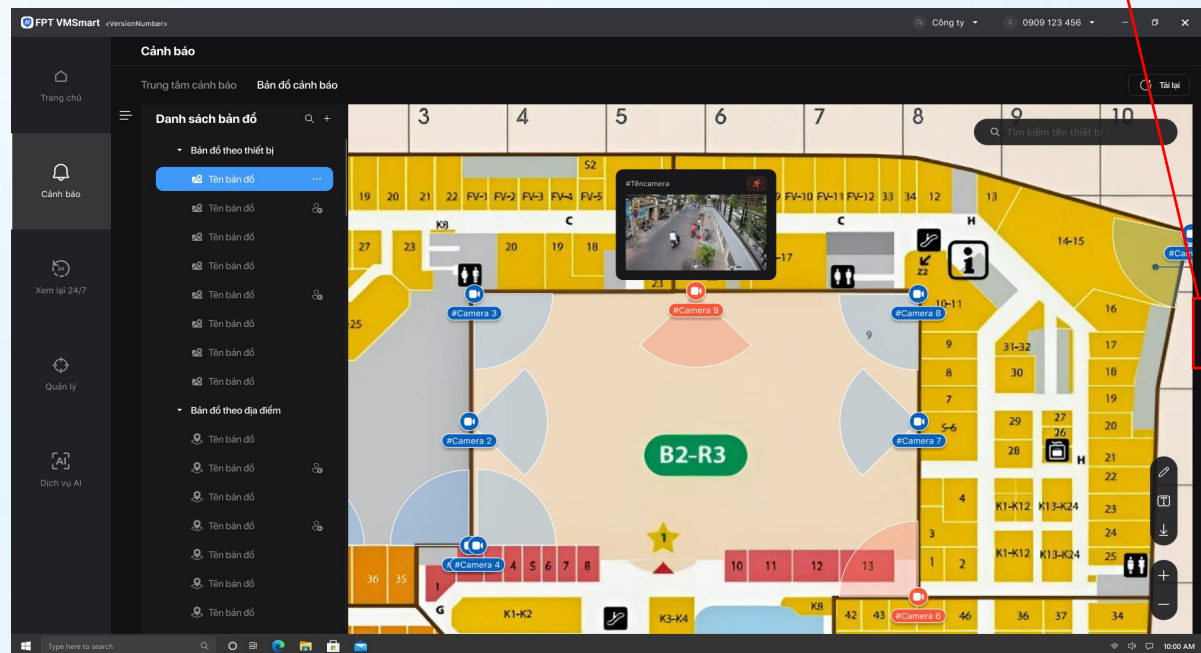


Tính năng cảnh báo

Xem thông báo trên bản đồ

B1: Nhấn vào **thumbnail** để mở rộng thanh xem chi tiết.

B2. Nhấn **icon** để mở rộng



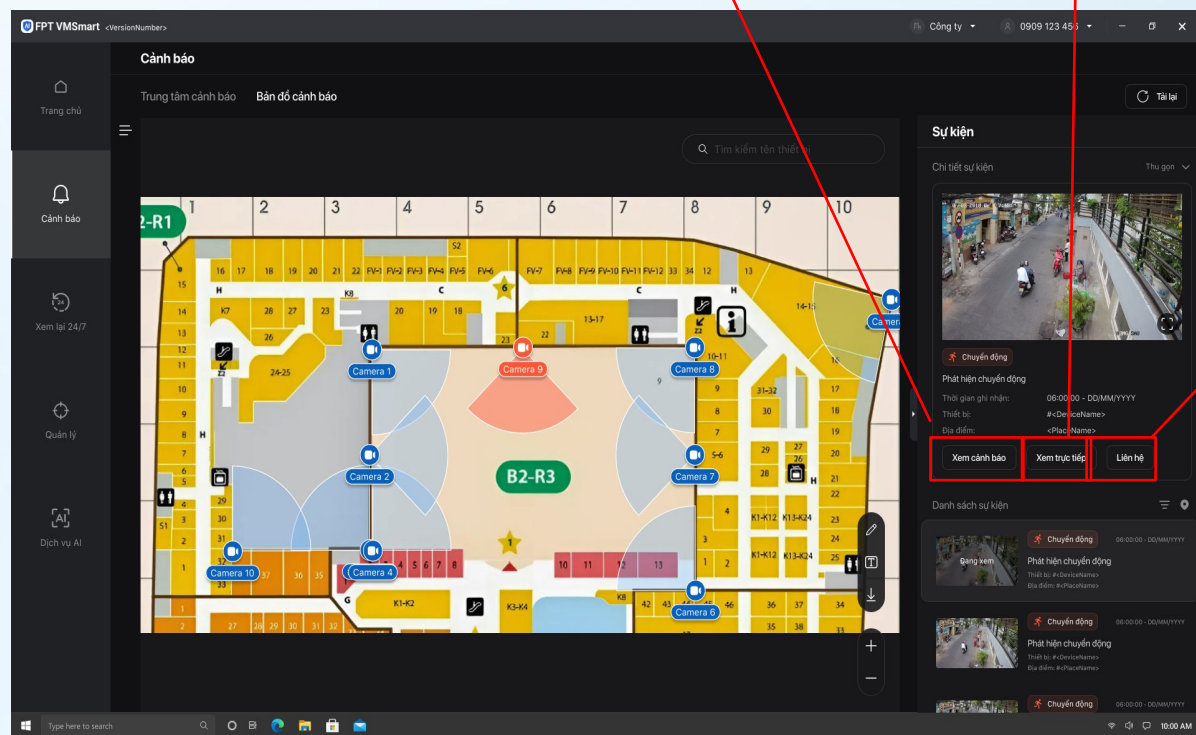
Tính năng cảnh báo

Xem thông báo trên bản đồ

Nhấn xem cảnh báo

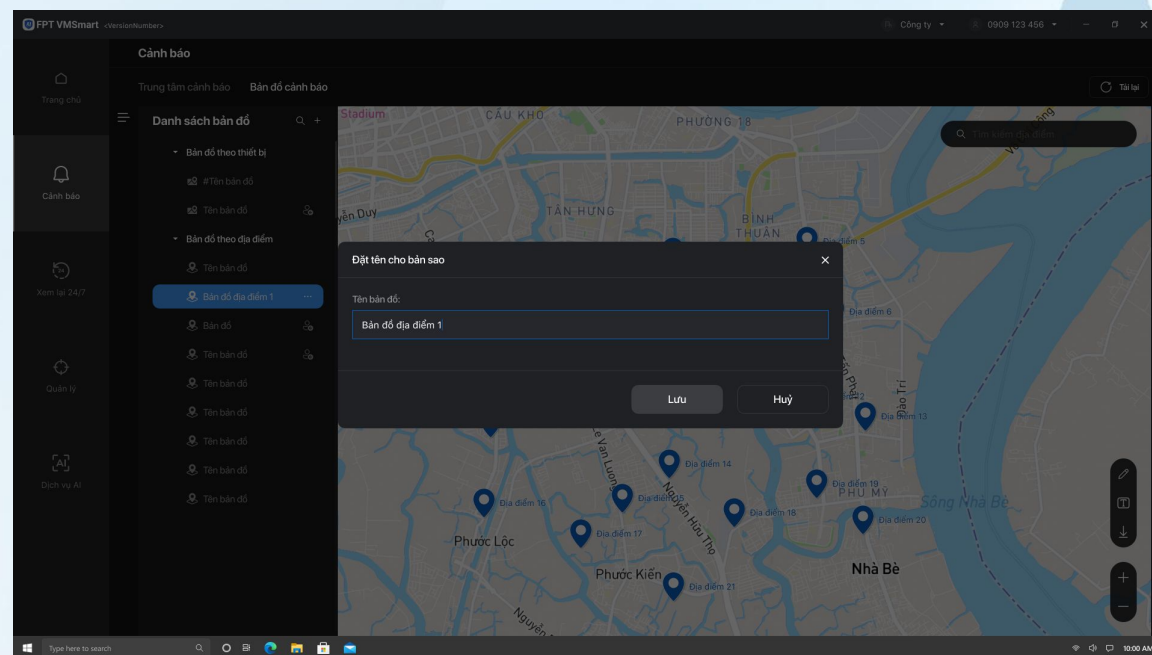
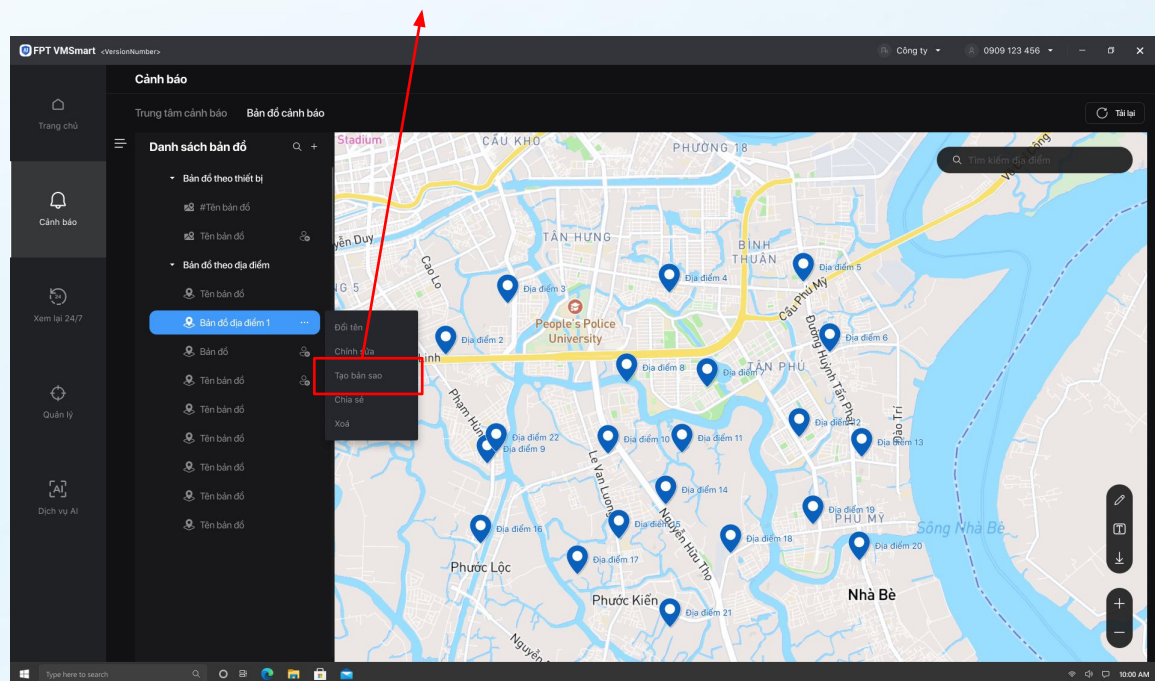
Xem livestreams

Hiển thị thông tin liên hệ



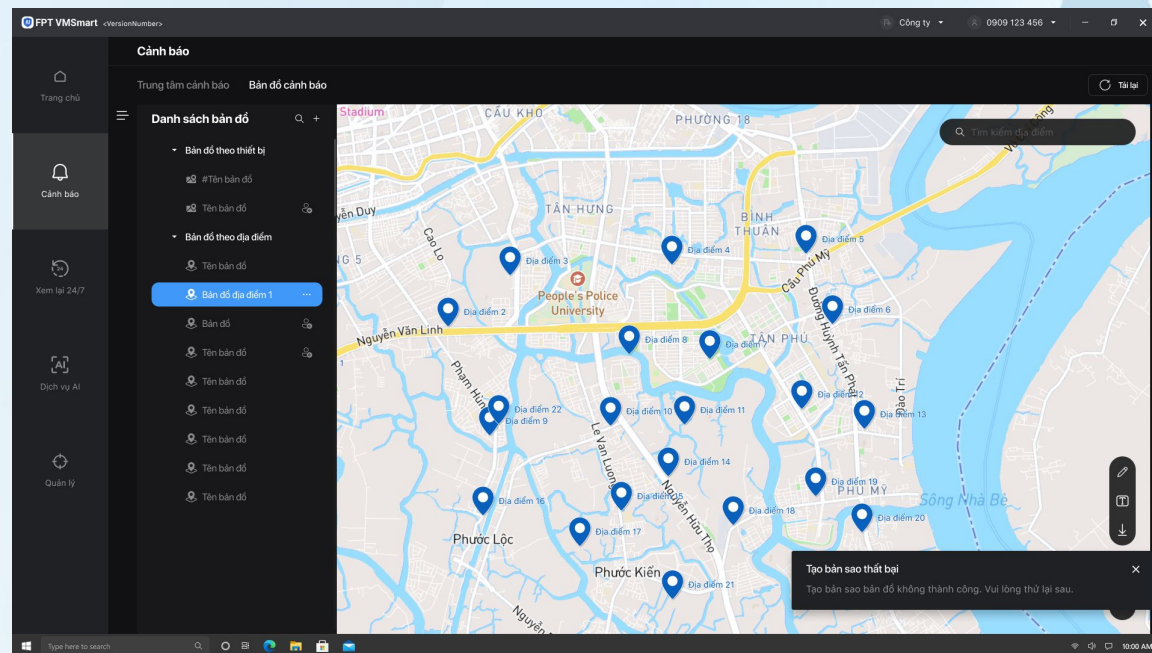
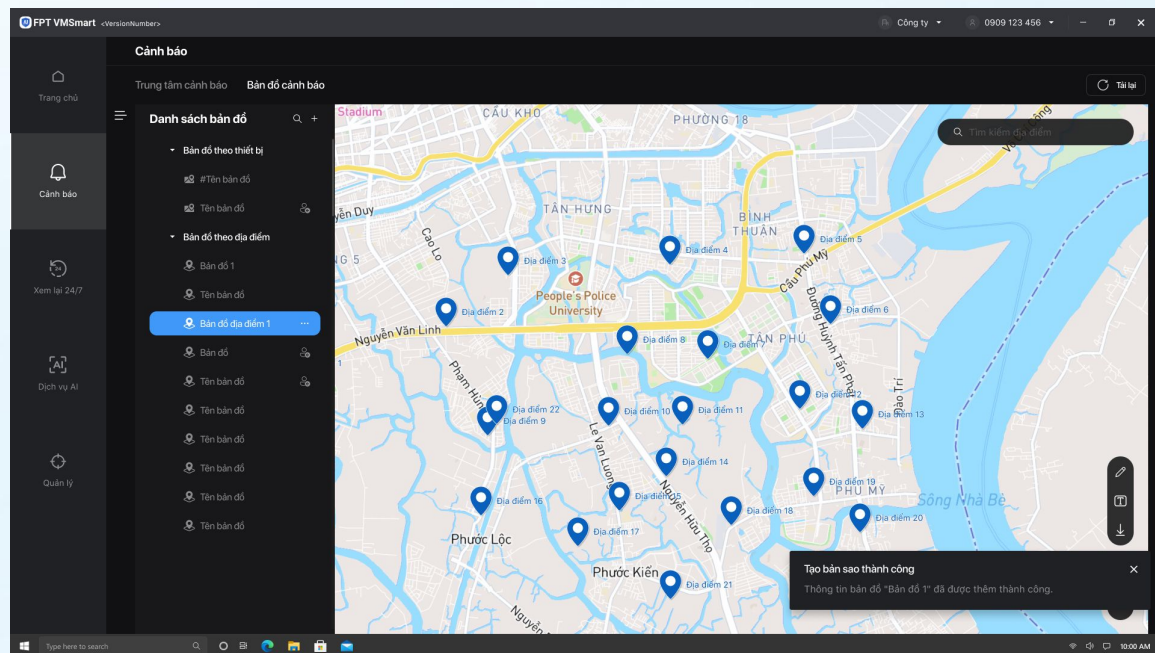
B1: Nhấn **“Tạo bản sao”**

B2. Đặt tên cho bản sao của bản đồ



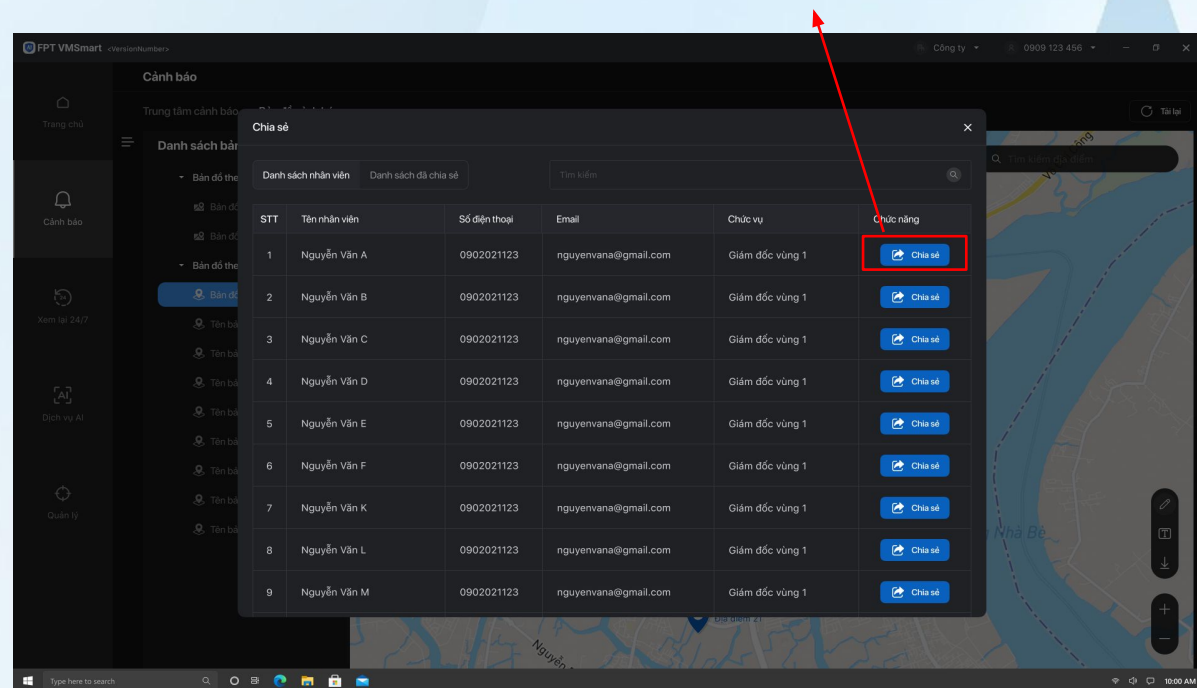
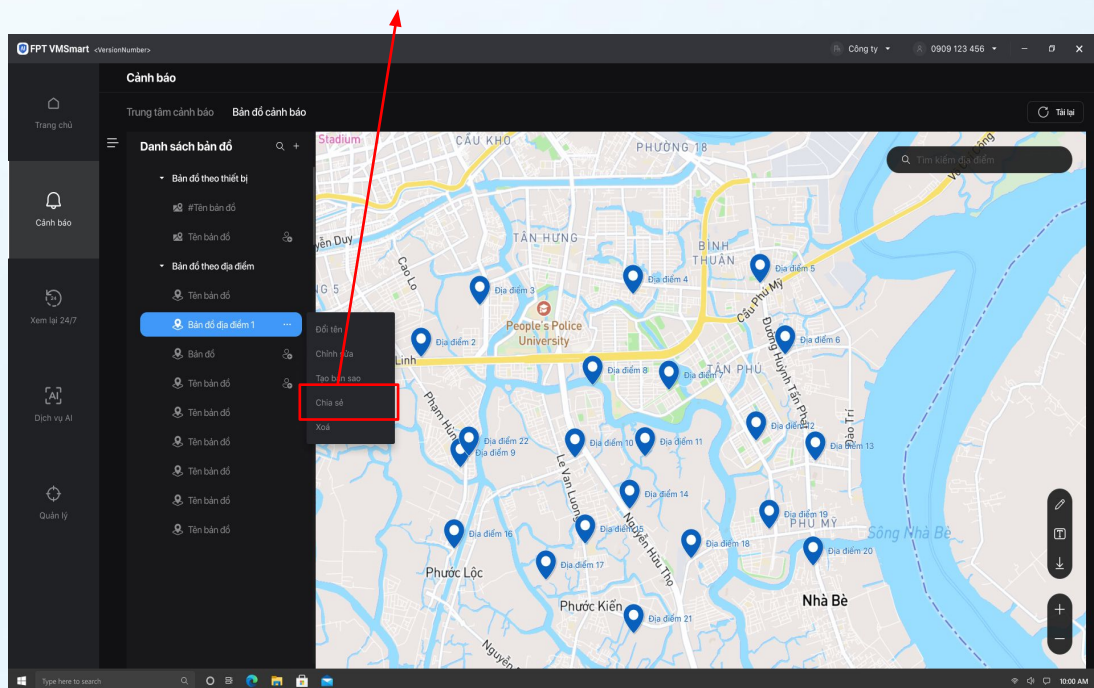
Tạo bản sao thành công

Tạo bản sao thất bại



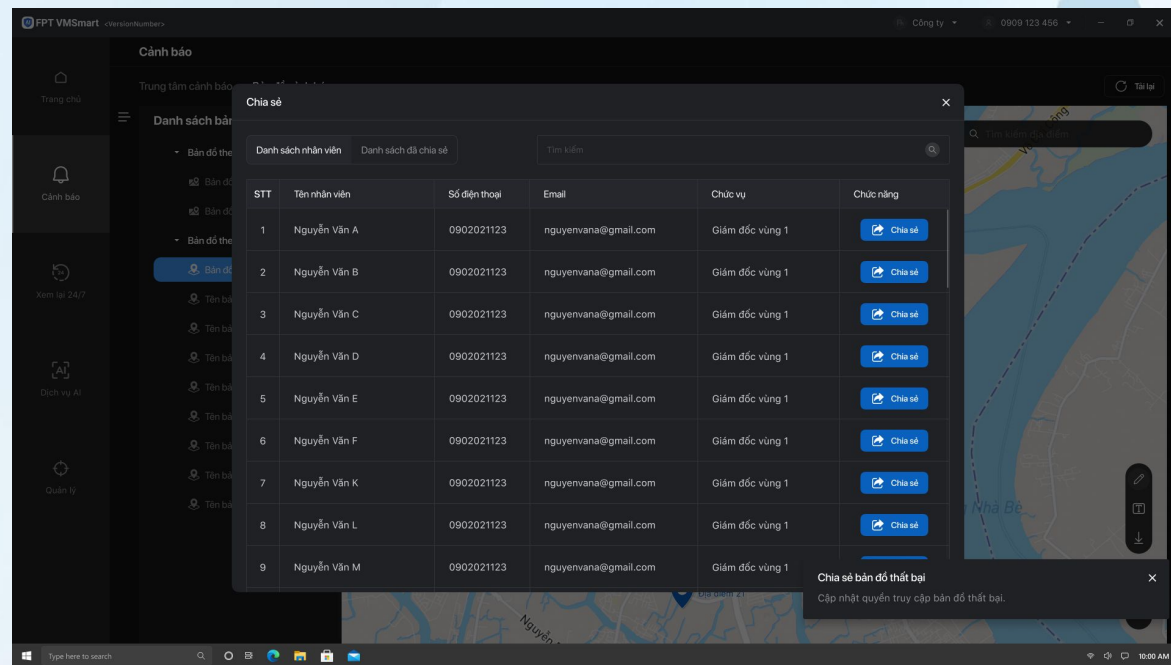
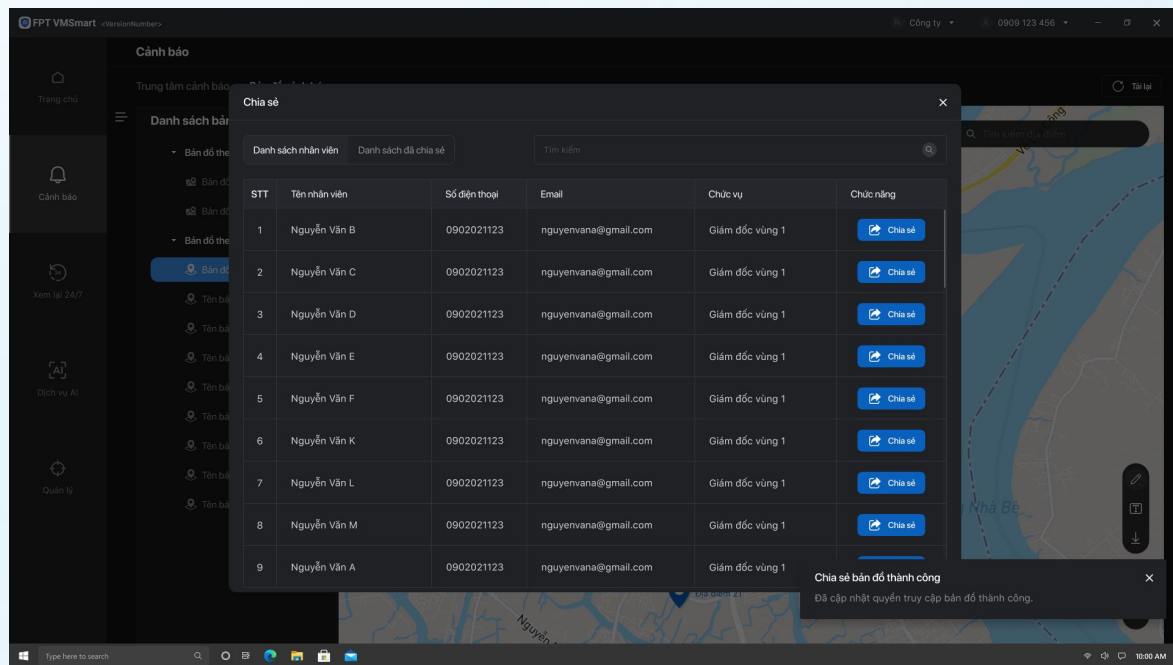
B1: Nhấn **“Chia sẻ”** để chia sẻ bản đồ

B2: Chọn nhân viên và nhấn nút **“Chia sẻ”** để chia sẻ bản đồ



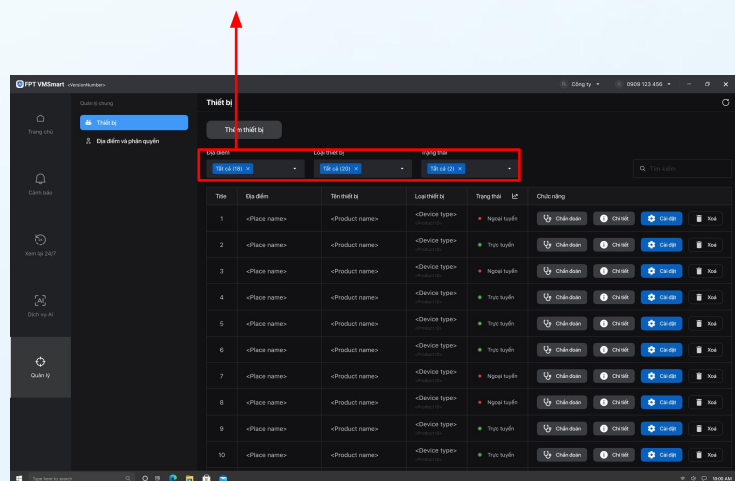
Chia sẻ thành công

Chia sẻ thất bại

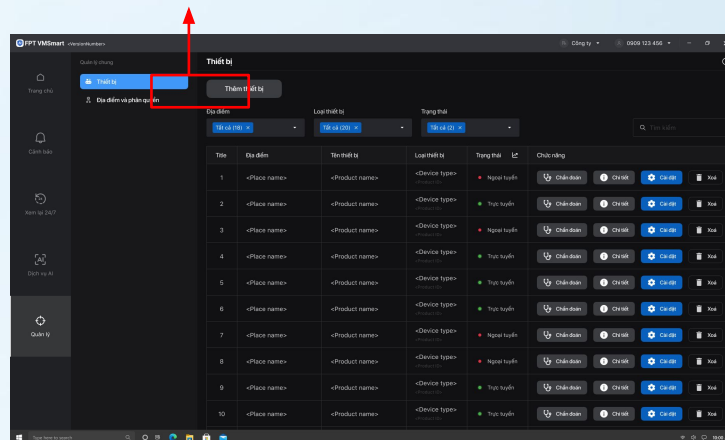


6. Quản lý thiết bị

Chọn các điều kiện để lọc thiết bị.

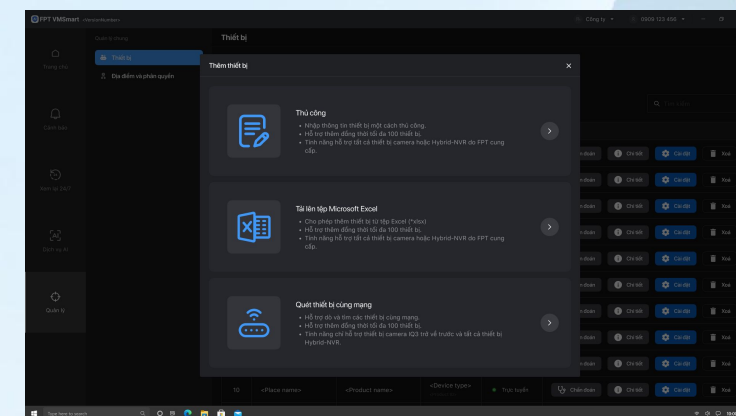


Nhấn “**Thêm thiết bị**” để thêm thiết bị camera/NVR vào tài khoản



Thêm thủ công

Thêm bằng file Excel



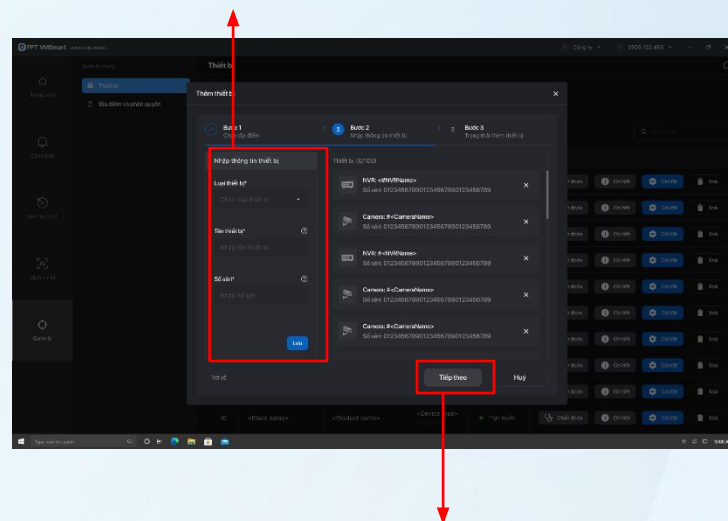
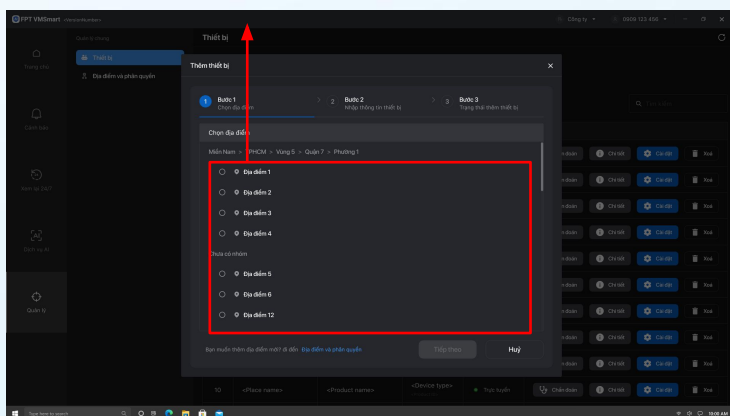
Quét thiết bị cùng mạng

1. Thêm thủ công

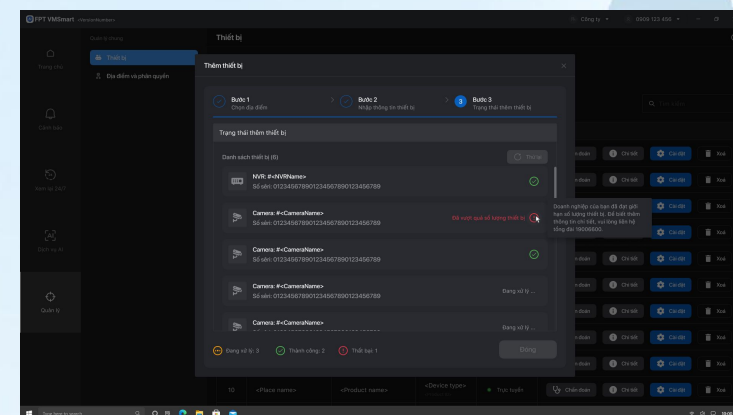
B1: Chọn địa điểm muốn thêm thiết bị và nhấn **Tiếp theo**

B2: Nhập thông tin thiết bị muốn thêm và nhấn **Lưu**.

Danh sách kết quả sau quá trình thêm thiết bị

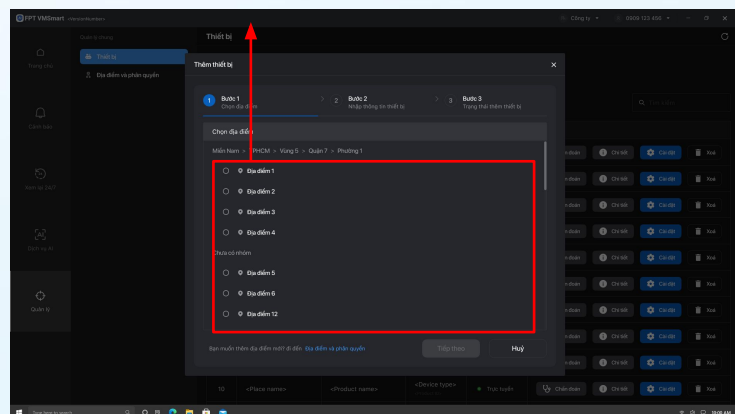


B3: Nhấn **Tiếp theo** để thêm

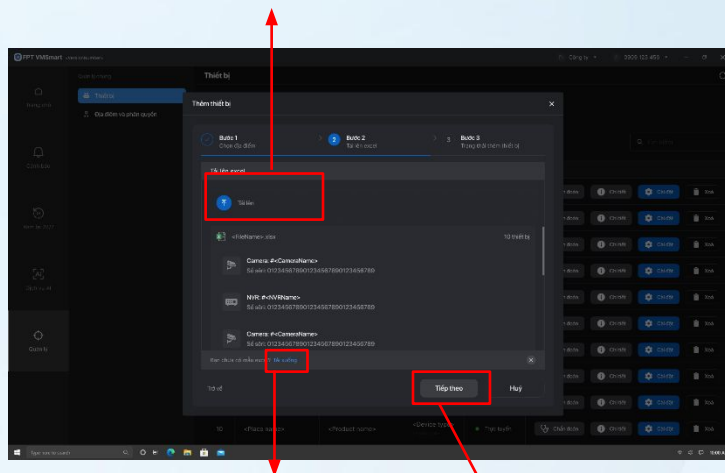


2. Thêm bằng file Excel

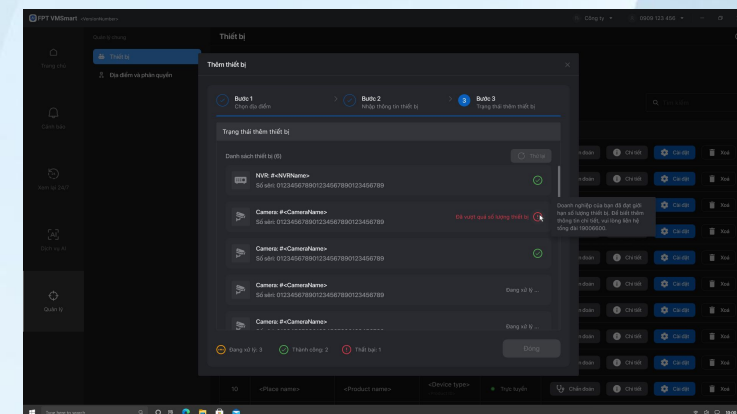
B1: Chọn địa điểm muốn thêm thiết bị



B3: Nhập thông tin thiết bị muốn thêm và nhấn **Lưu**.



Danh sách kết quả sau quá trình thêm thiết bị



B2: Nhấn Tải xuống để tải về mẫu file Excel.

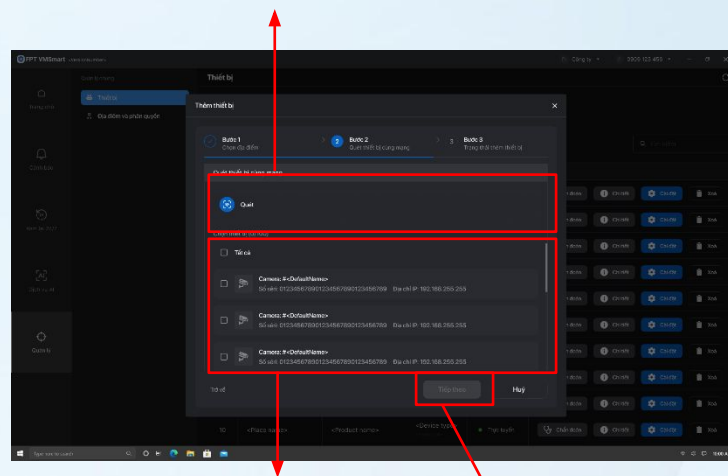
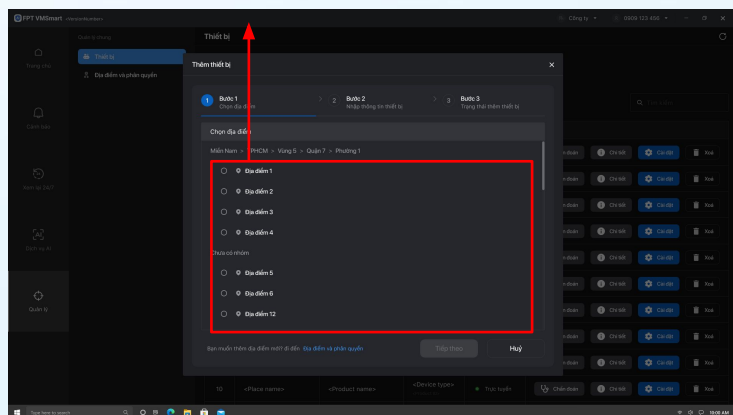
B4: Nhấn Tiếp theo để thêm thiết bị.

3. Quét thiết bị cùng mạng

B1: Chọn địa điểm muốn thêm thiết bị

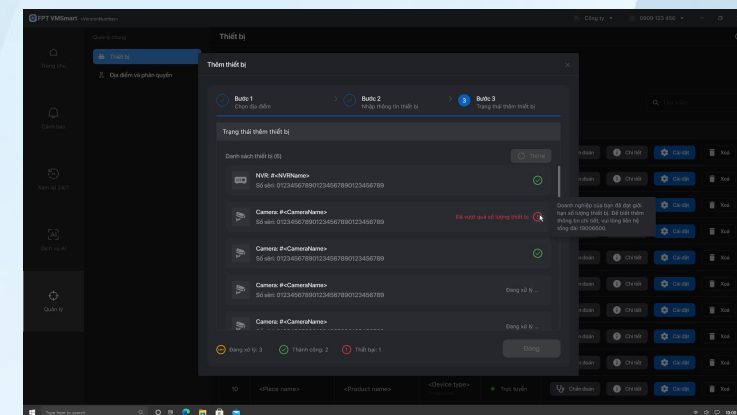
B2: Nhấn **Quét** để quét thiết bị cùng mạng.

Danh sách kết quả sau quá trình thêm thiết bị



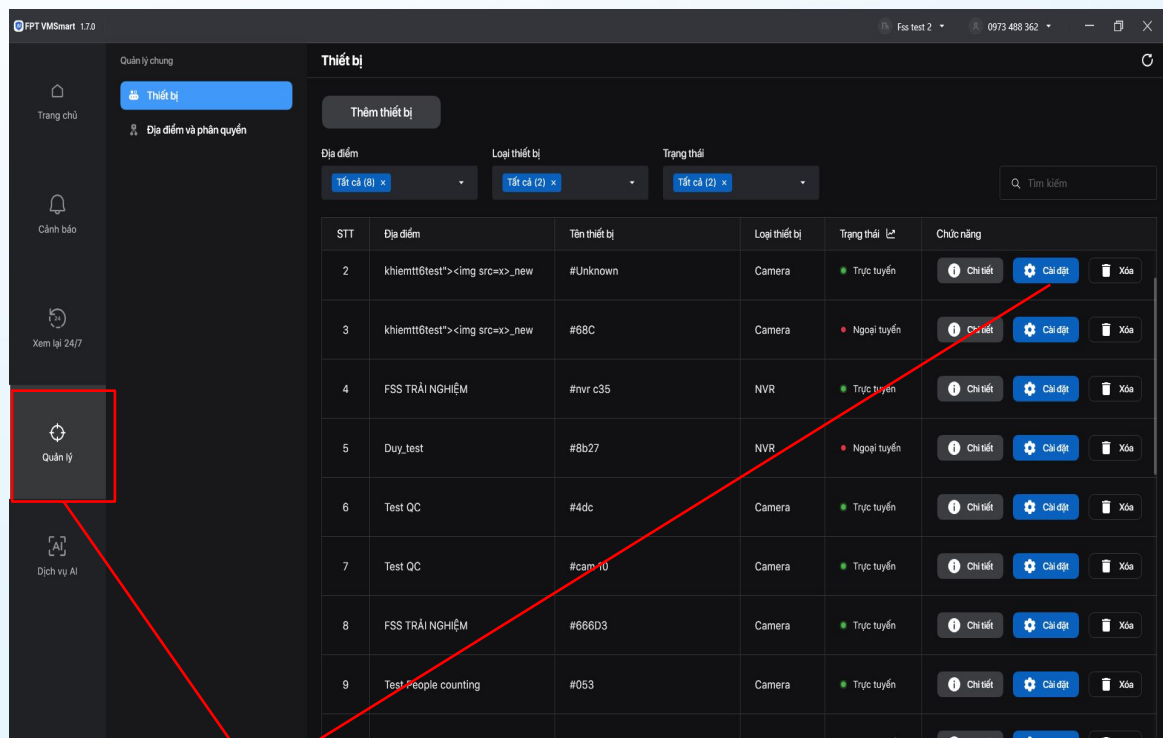
B3: Chọn thiết bị muốn thêm

B4: Nhấn **Tiếp theo** để thêm thiết bị.

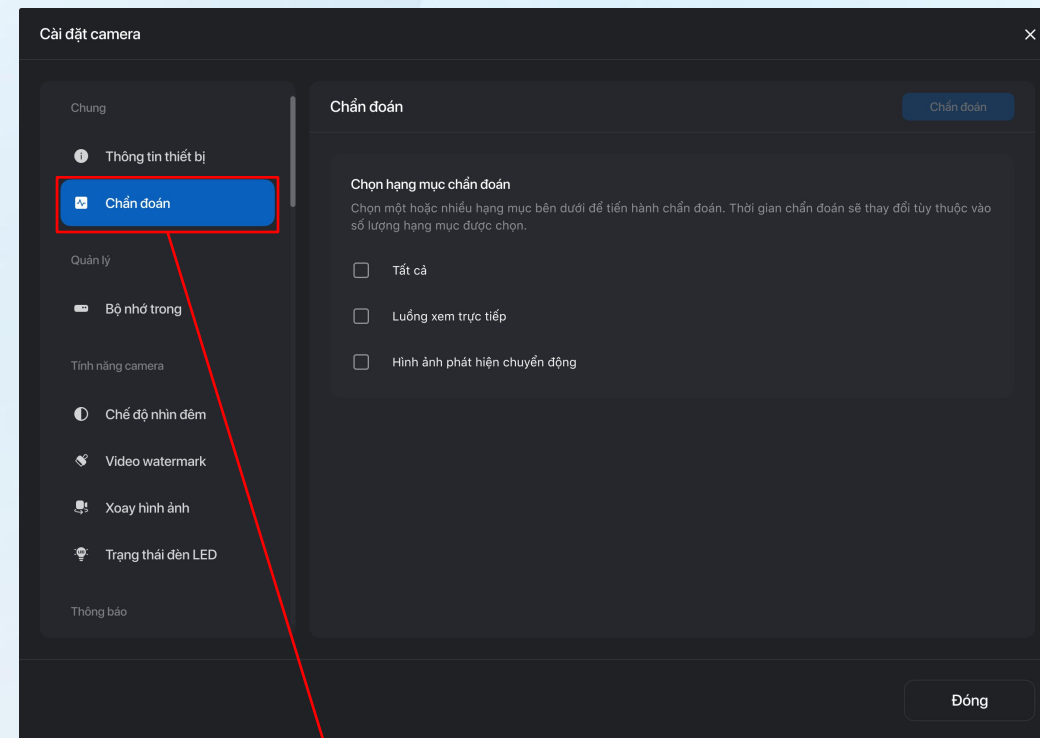


1. Chẩn đoán camera

Phạm vi áp dụng: Chỉ áp dụng cho dòng camera IQ2, IQ2S, IQ 3 và Play

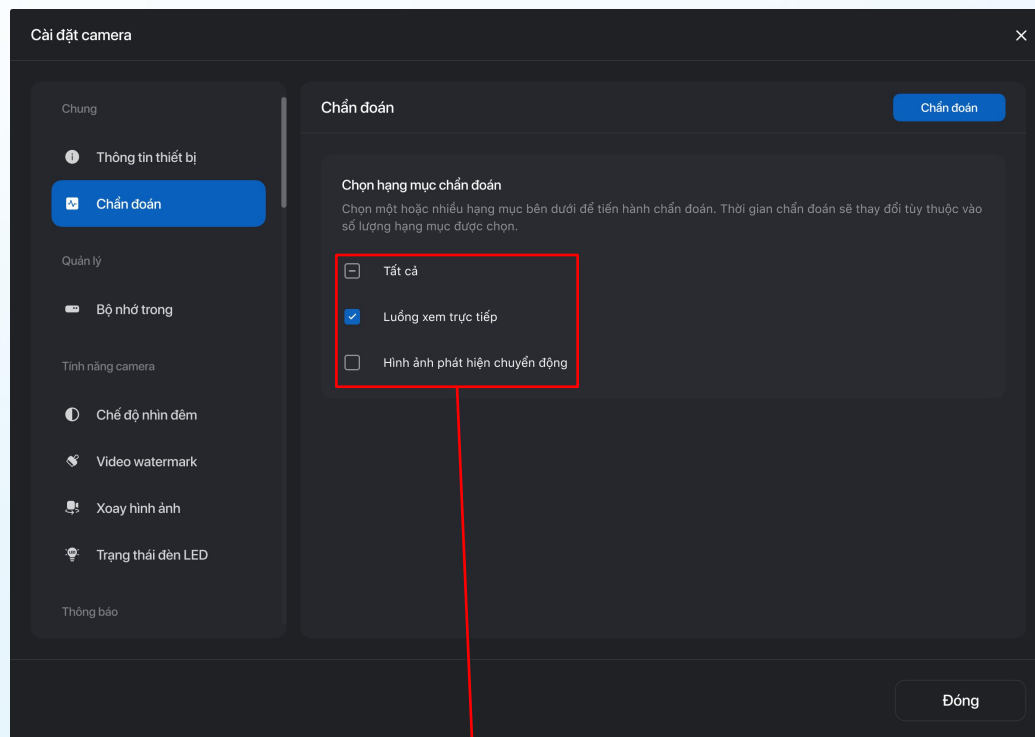


B1: Chọn nút **“Quản lý”** và chọn **“Cài đặt”** để xem cài đặt của camera

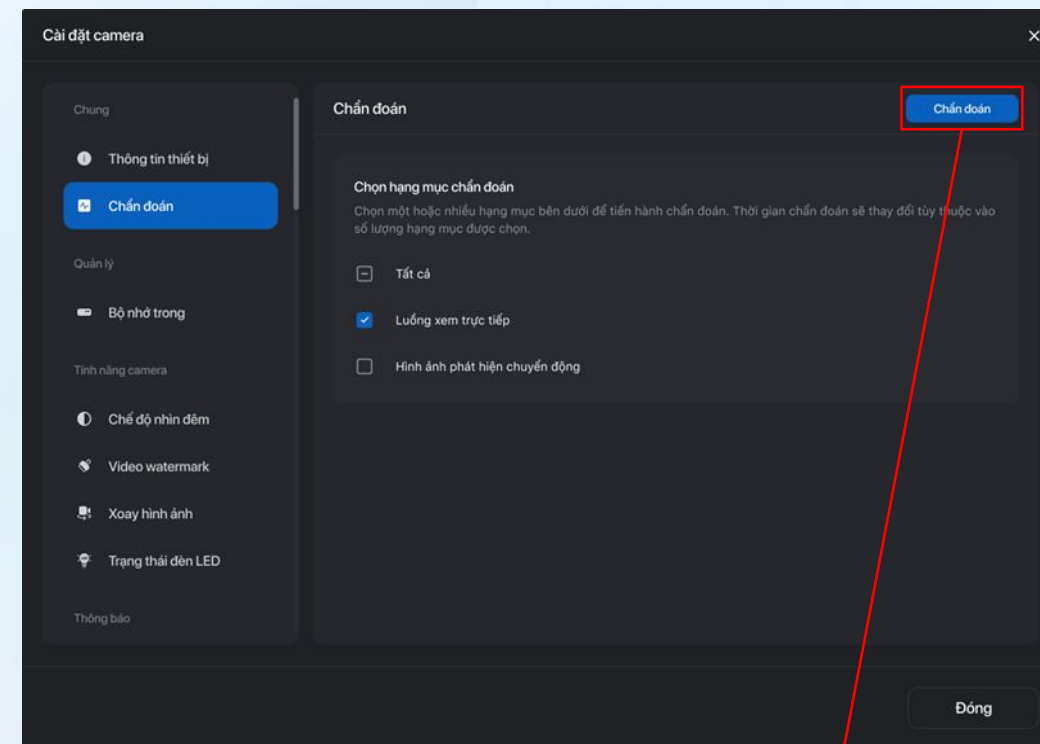


B2: Lựa chọn **“Chẩn đoán”** để chẩn đoán NVR

1. Chẩn đoán camera



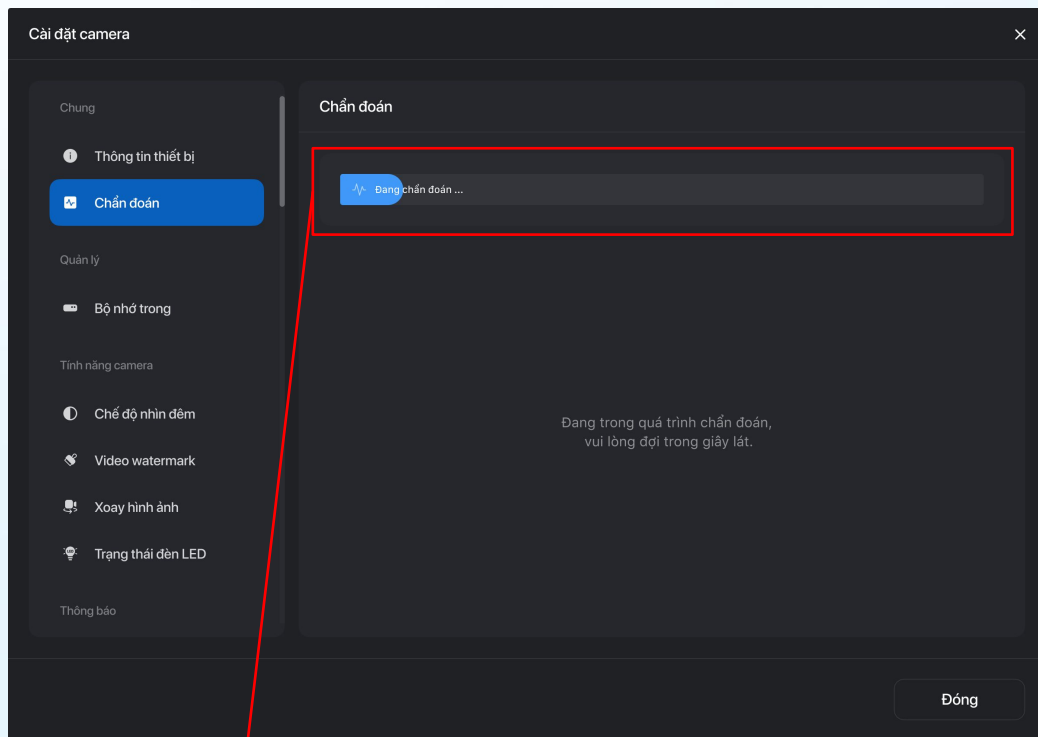
B3: Lựa chọn **một, nhiều hoặc tất cả** hạng mục để chẩn đoán



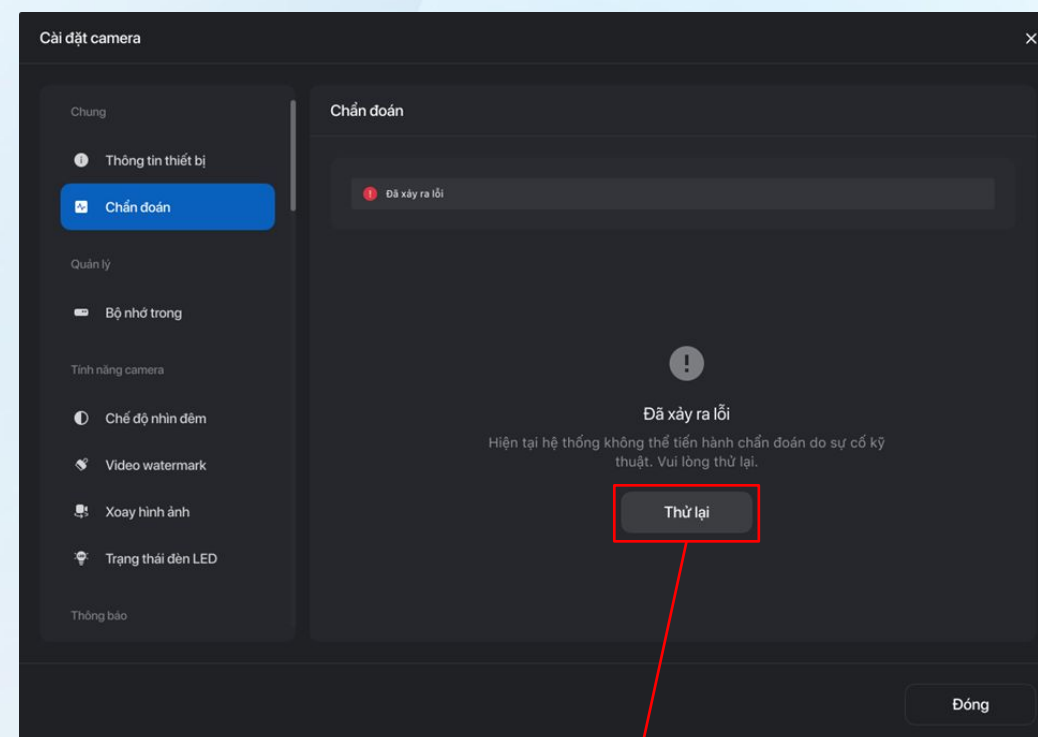
B4: Nhấn nút **Chẩn đoán** để bắt đầu quá trình chẩn đoán

1. Chẩn đoán camera

Lưu ý: Trong quá trình hệ thống chạy chẩn đoán, nếu đóng ứng dụng hoặc tắt tính năng, hoặc chuyển tính năng, phải bắt đầu lại chẩn đoán từ bước 3.

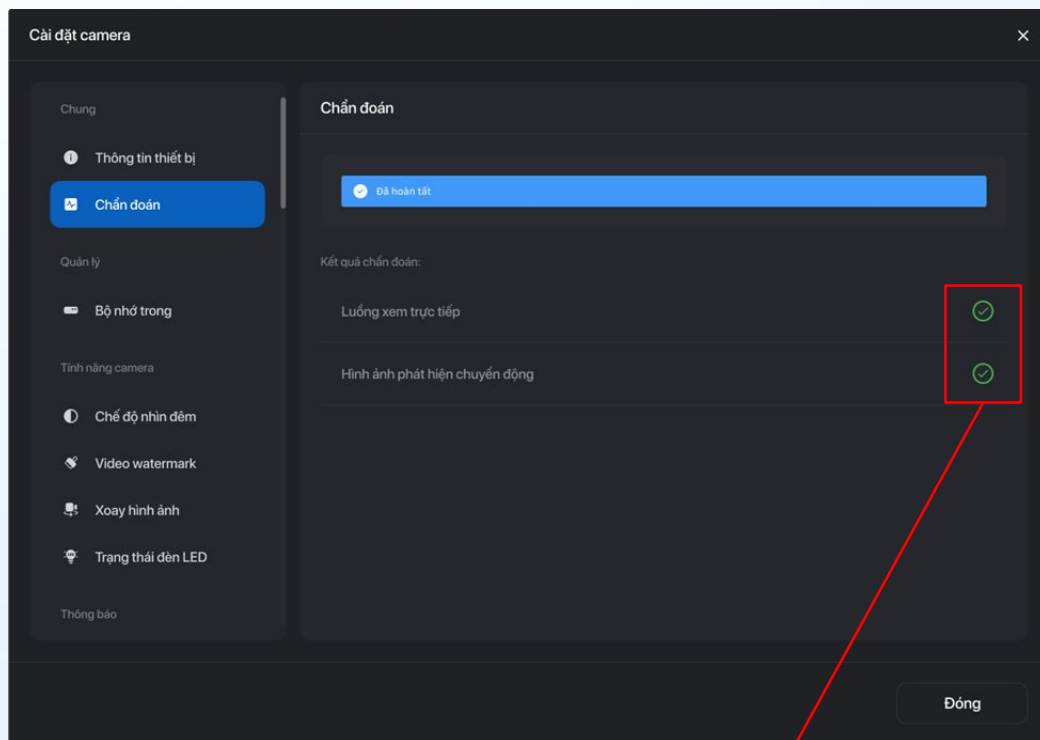


B5: Hệ thống đang chẩn đoán các hạng mục đã chọn.

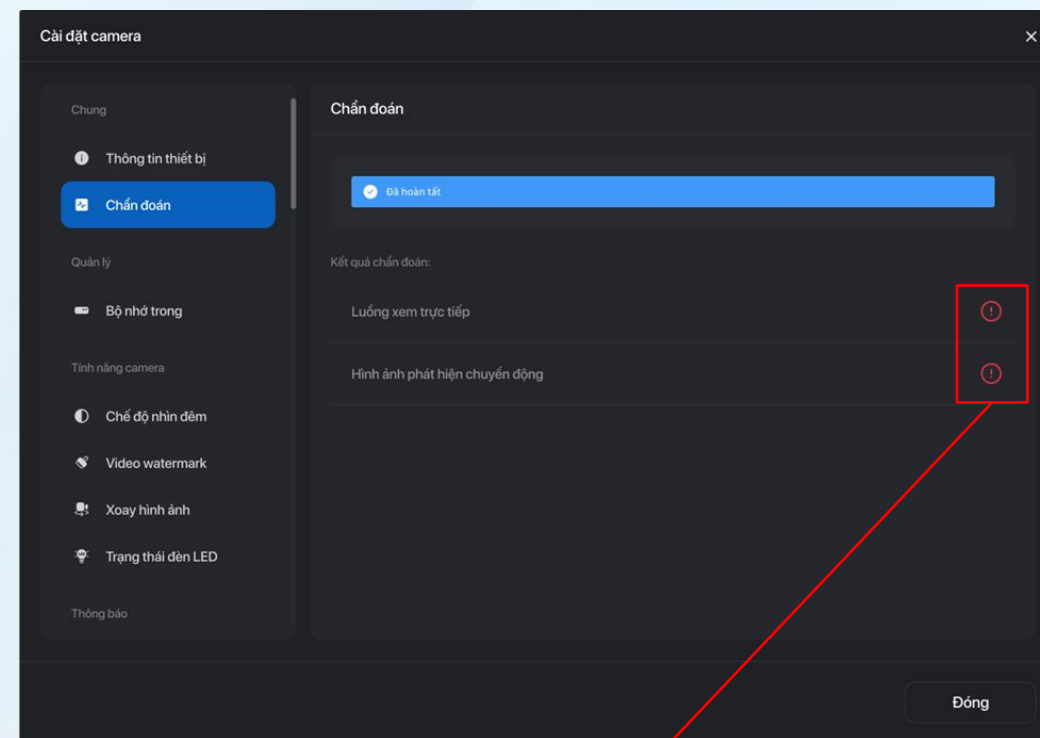


B6: Trong quá trình hệ thống chạy chẩn đoán, có thể xảy ra lỗi do sự cố kỹ thuật. Nhấn nút **Thử lại** để thử lại quá trình chẩn đoán với các hạng mục đã chọn

1. Chẩn đoán camera



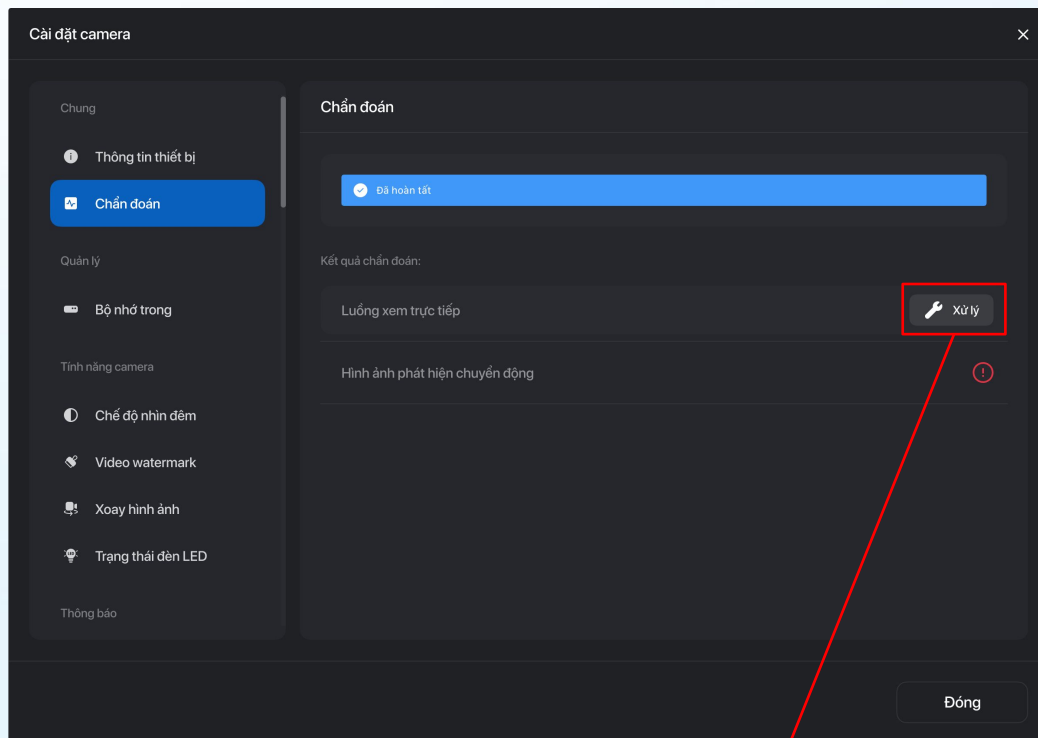
B7: Hệ thống chẩn đoán các hạng mục thành công và không có/không còn lỗi



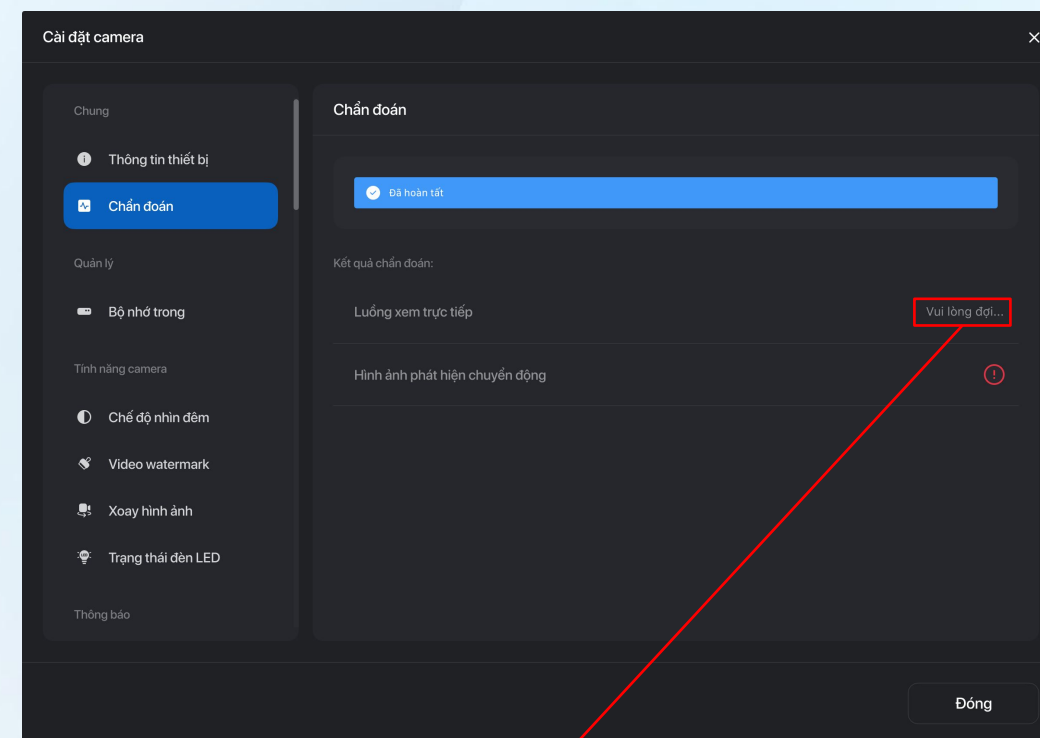
B8: Hệ thống chẩn đoán các hạng mục thành công và có lỗi, hiển thị với icon !

1. Chẩn đoán camera

Lưu ý: Để xác minh lỗi đã được xử lý, người dùng cần chạy lại quá trình chẩn đoán.

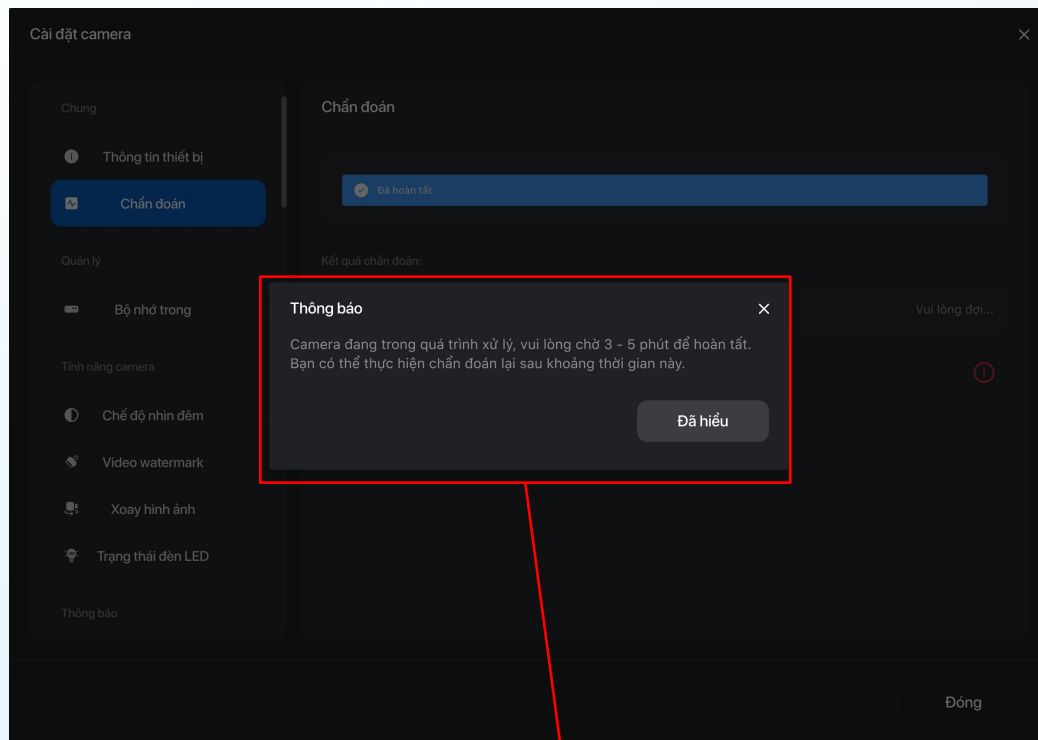


B8: Khi di chuột vào icon , nút **“Xử lý”** sẽ xuất hiện. Nhấn để xử lý lỗi của hạng mục.



B9: Hệ thống đang tiến hành xử lý lỗi với trạng thái **“Vui lòng đợi”**

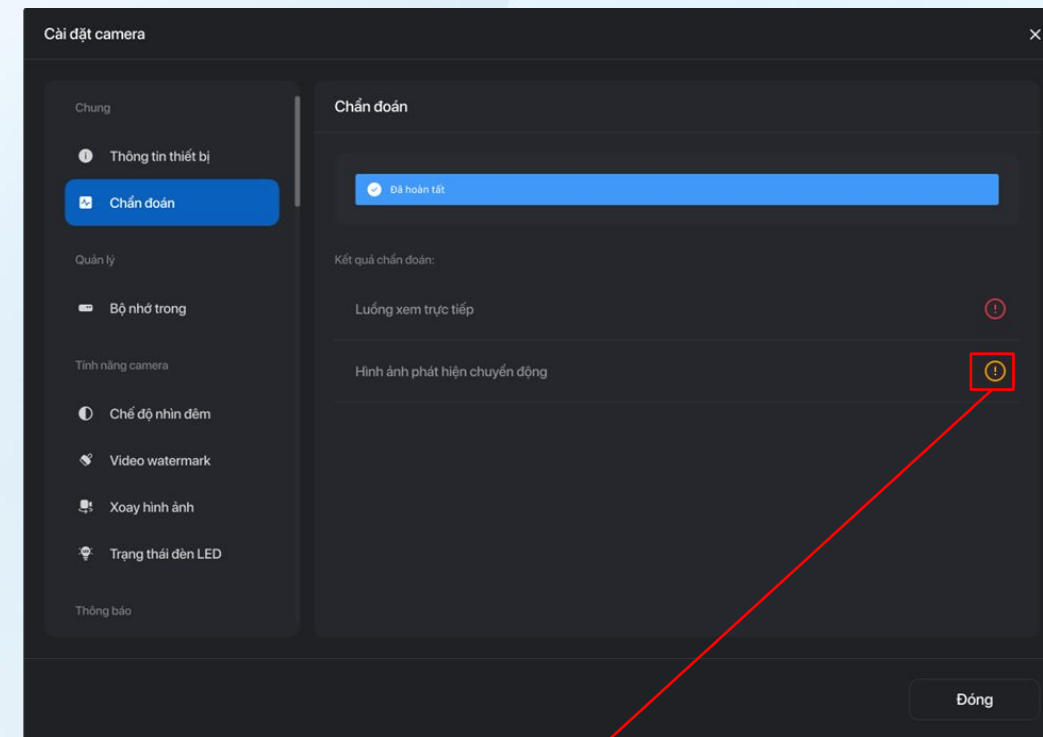
1. Chẩn đoán camera



B10: Khi trạng thái là **“Vui lòng đợi”** và xảy ra một trong các trường hợp sau:

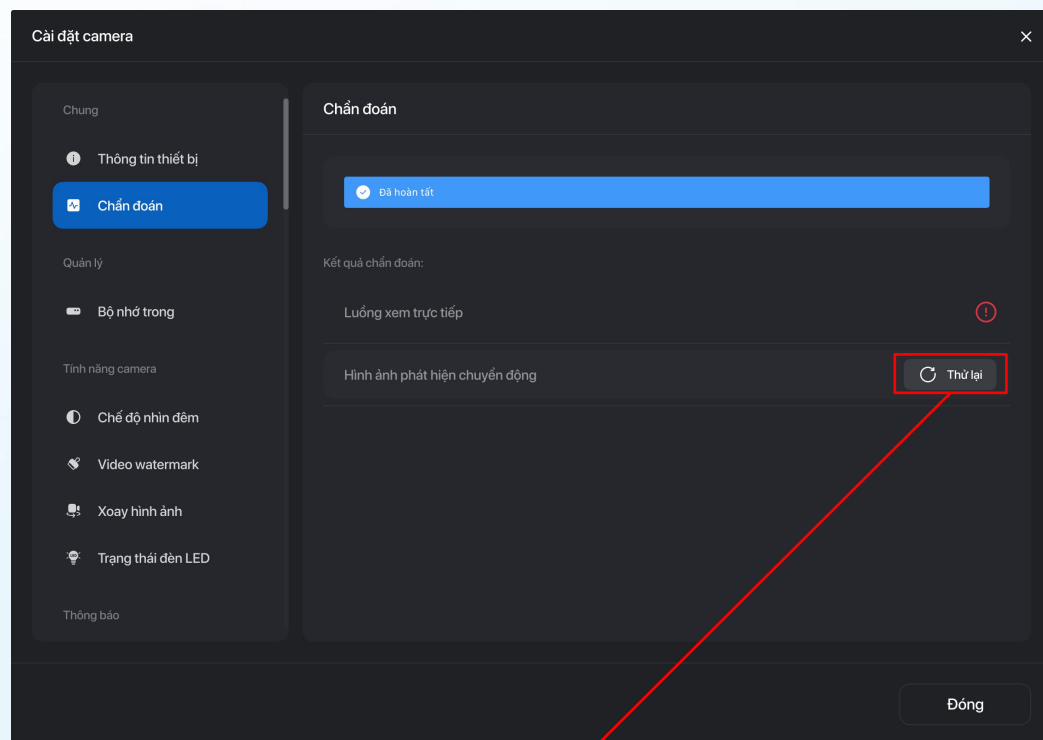
- Tắt ứng dụng, tính năng hoặc chọn menu khác
- Người dùng khác thao tác cùng thiết bị

Hệ thống sẽ lưu thao tác xử lý theo Serial Number của camera và trạng thái xử lý trong 3 phút để tránh lặp lại.

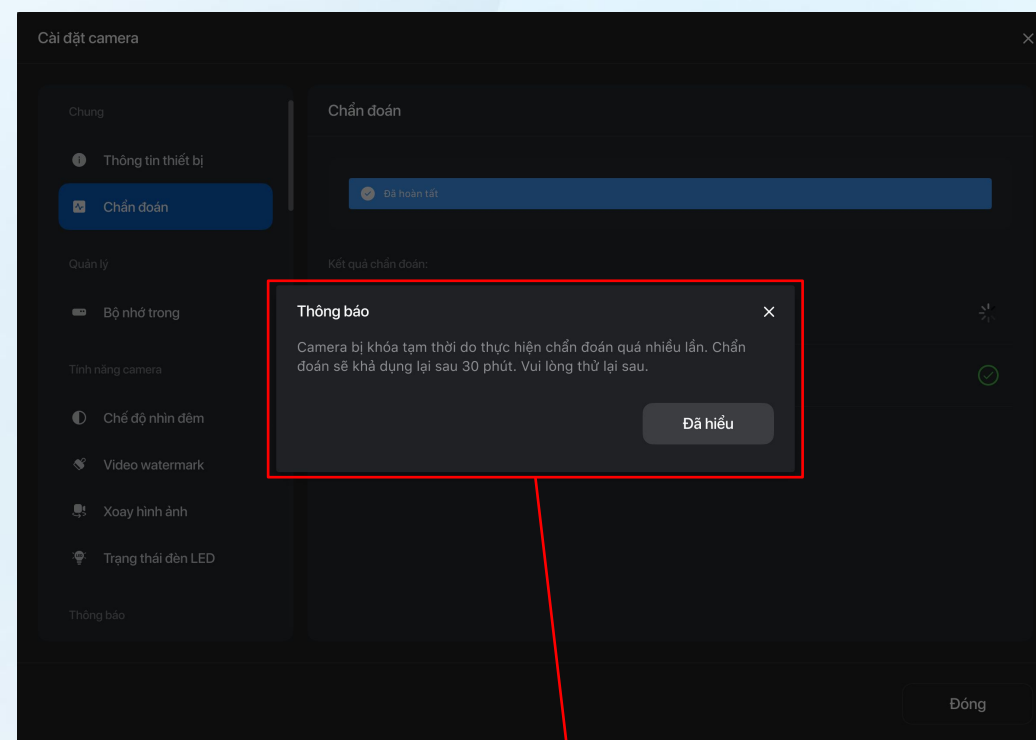


B11: Khi hệ thống không kết nối được camera (đang reboot, mất nguồn,...) trạng thái chẩn đoán sẽ hiển thị icon

1. Chẩn đoán camera

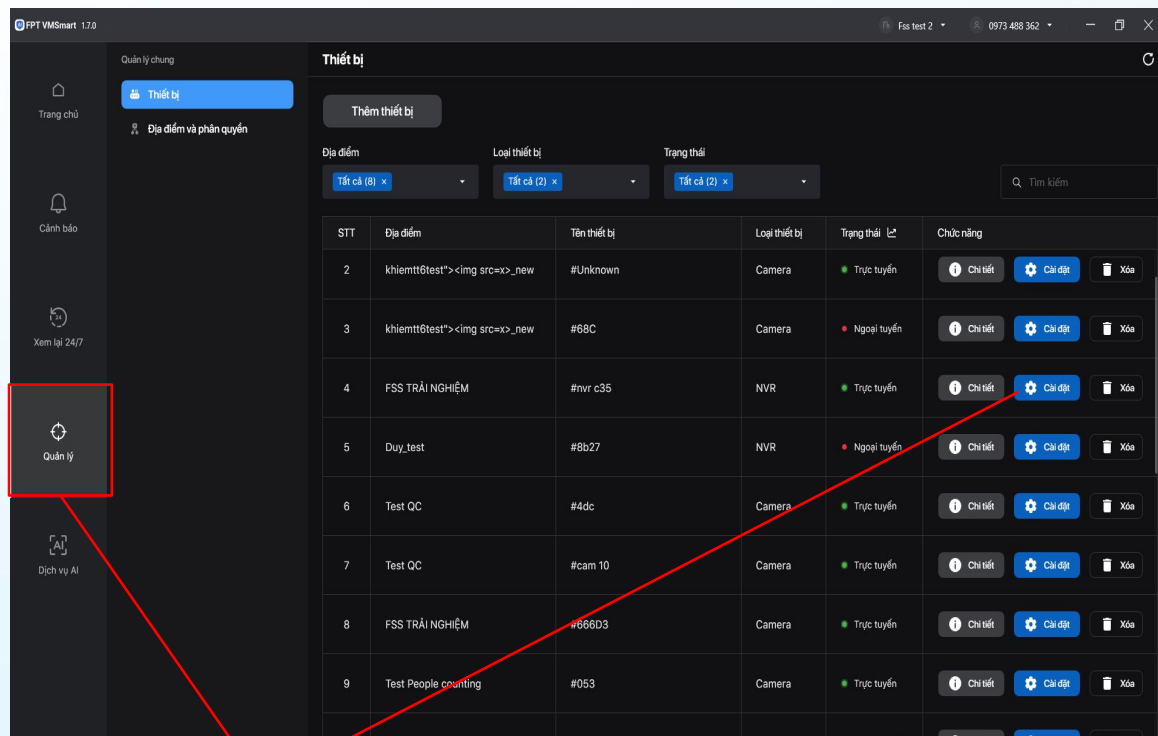


B12: Khi di chuột vào icon , nút **“Thử lại”** sẽ xuất hiện.
Nhấn để thử chẩn đoán lại của hạng mục

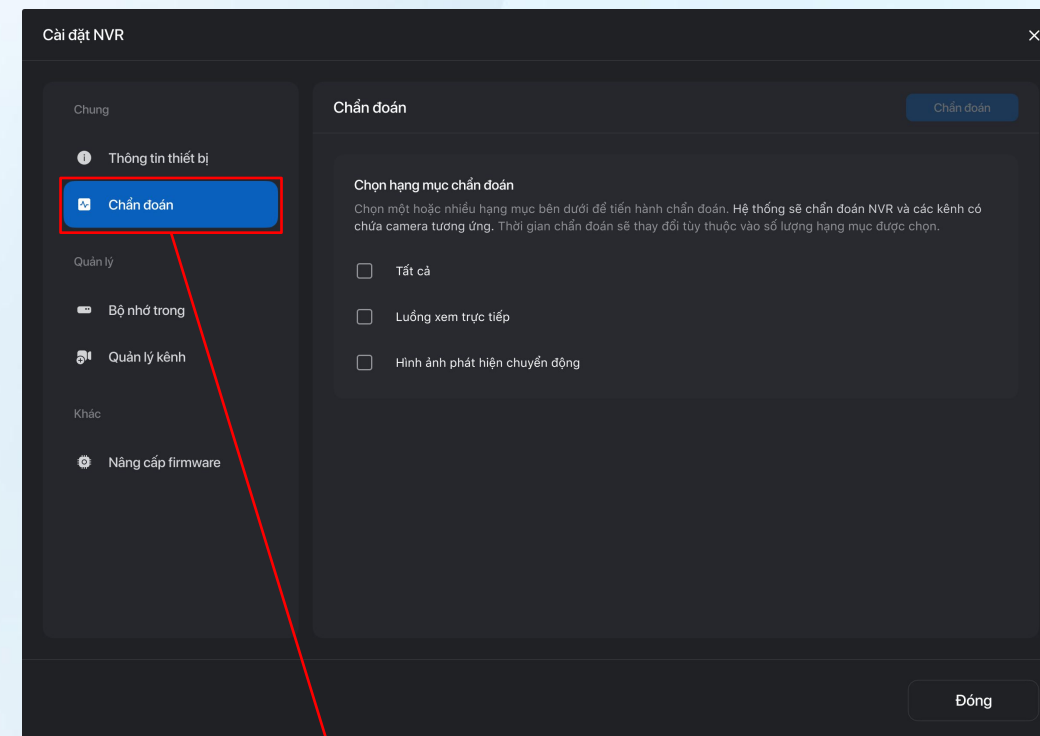


B13: Khi nhấn thử lại nhiều lần, camera sẽ khóa và không cho phép hệ thống chẩn đoán

2. Chẩn đoán NVR

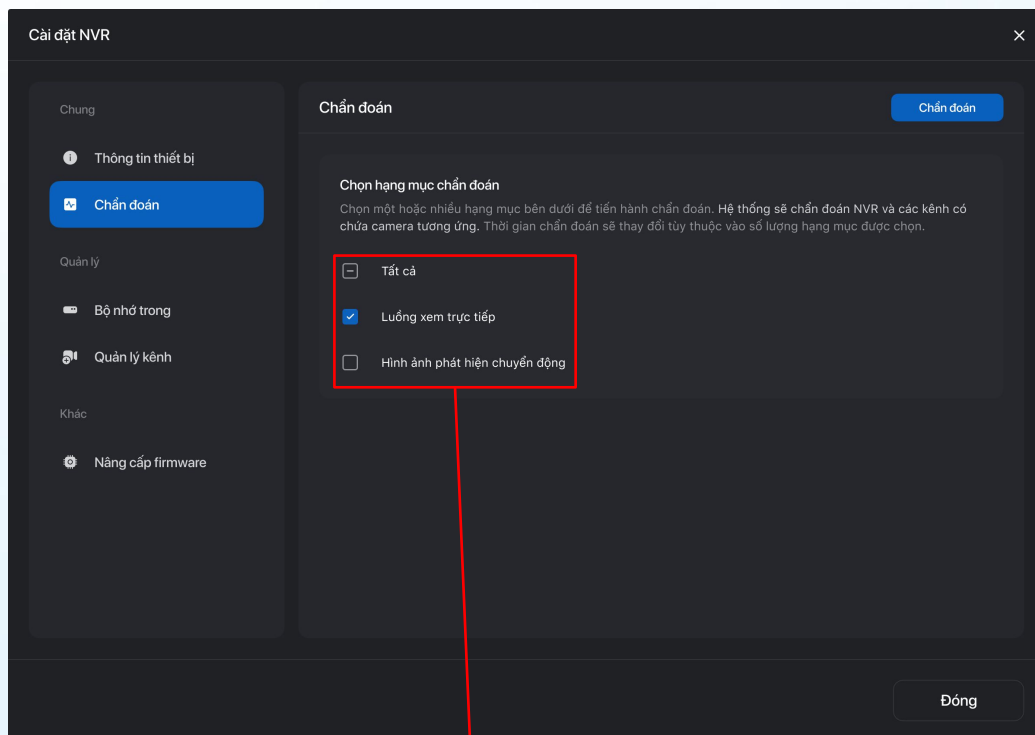


B1: Chọn nút **“Quản lý”** và chọn **“Cài đặt”** để xem cài đặt của NVR

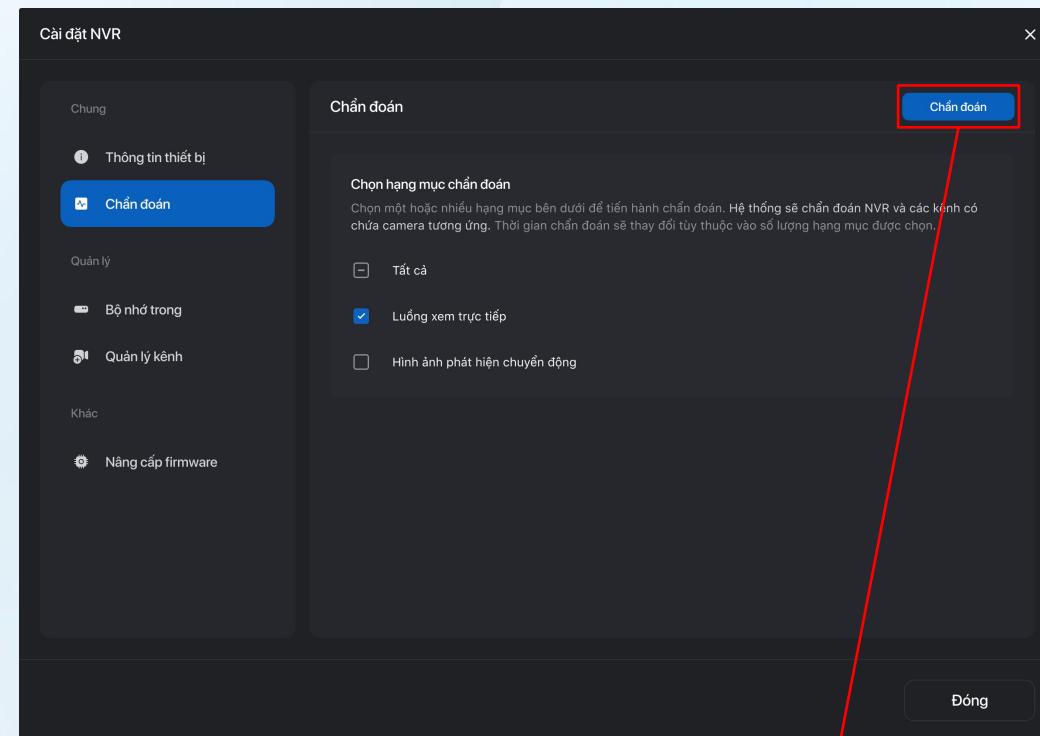


B2: Lựa chọn **“Chẩn đoán”** để chẩn đoán NVR

2. Chẩn đoán NVR



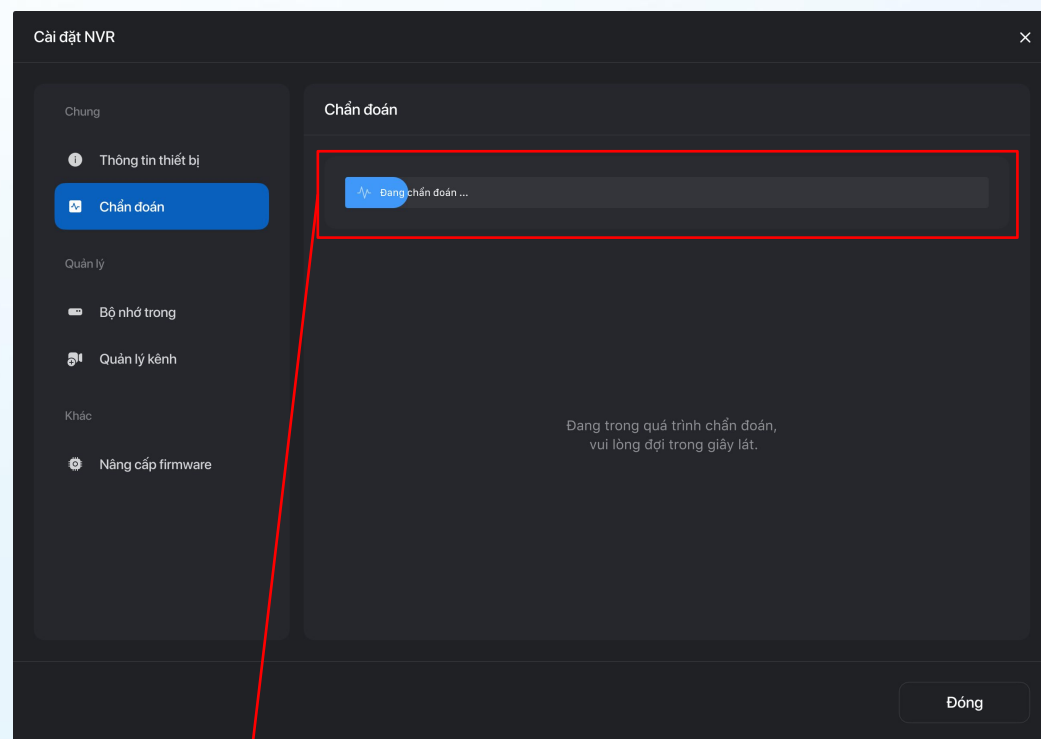
B3: Lựa chọn **một, nhiều hoặc tất cả** hạng mục để chẩn đoán



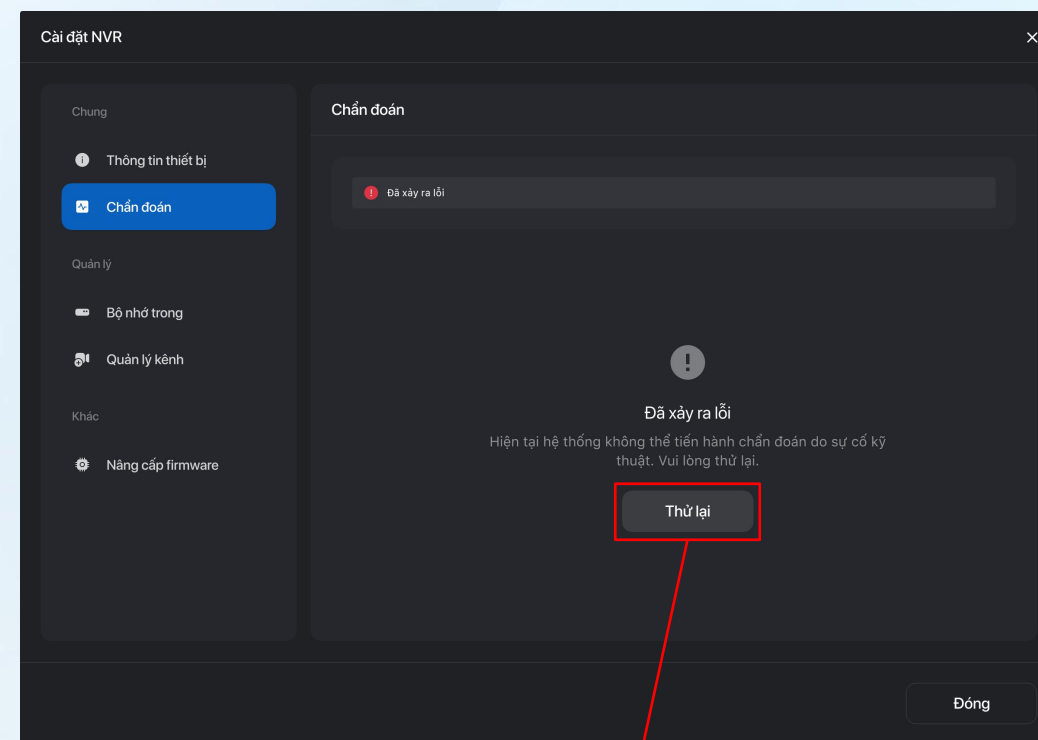
B4: Nhấn nút **Chẩn đoán** để bắt đầu quá trình chẩn đoán

2. Chẩn đoán NVR

Lưu ý: Trong quá trình hệ thống chạy chẩn đoán, nếu đóng ứng dụng hoặc tính năng, hoặc chuyển tính năng, phải bắt đầu lại chẩn đoán từ bước 3.

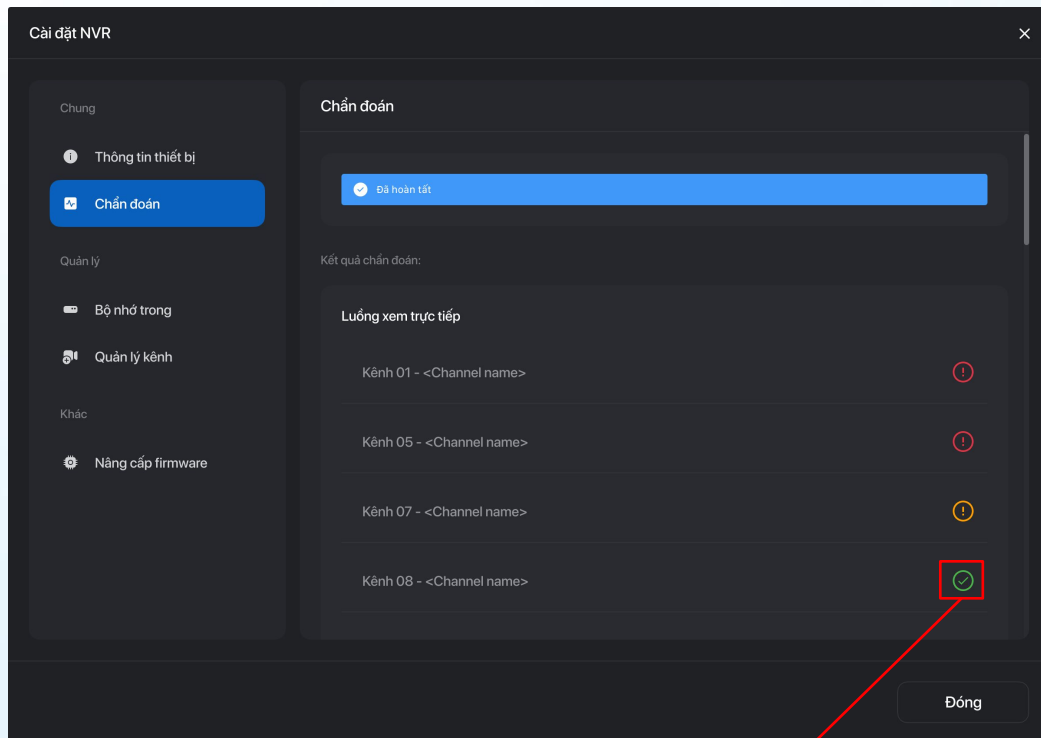


B5: Hệ thống đang chẩn đoán các hạng mục đã chọn.

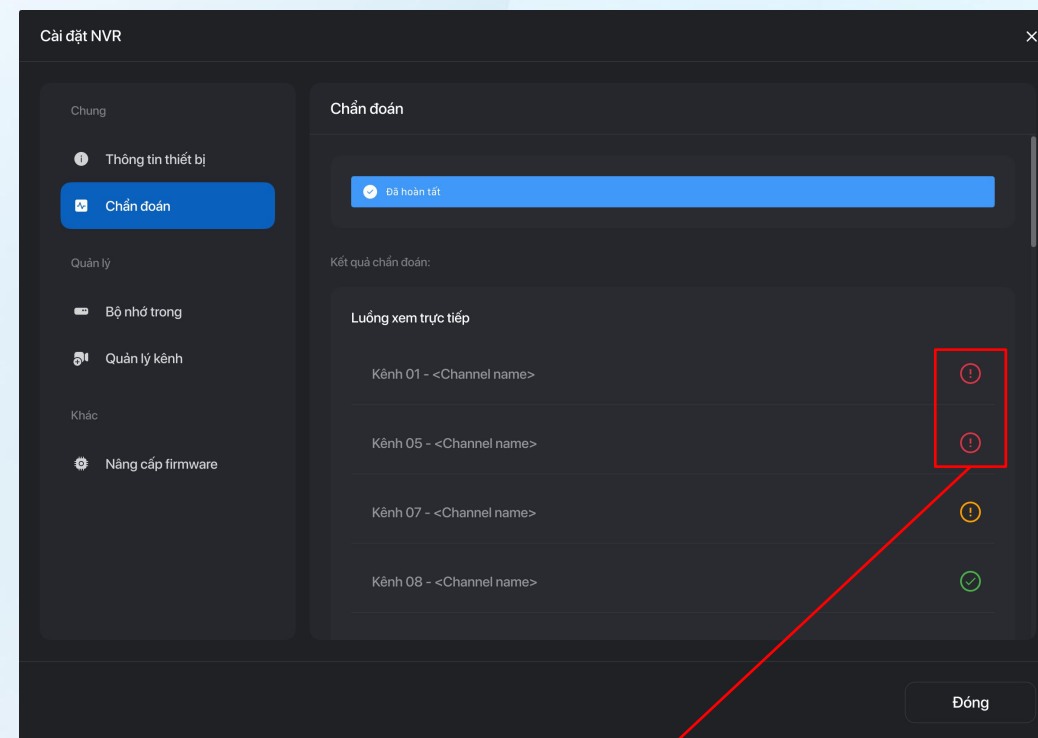


B6: Trong quá trình hệ thống chạy chẩn đoán, có thể xảy ra lỗi do sự cố kỹ thuật. Nhấn nút **Thử lại** để thử lại quá trình chẩn đoán với các hạng mục đã chọn

2. Chẩn đoán NVR



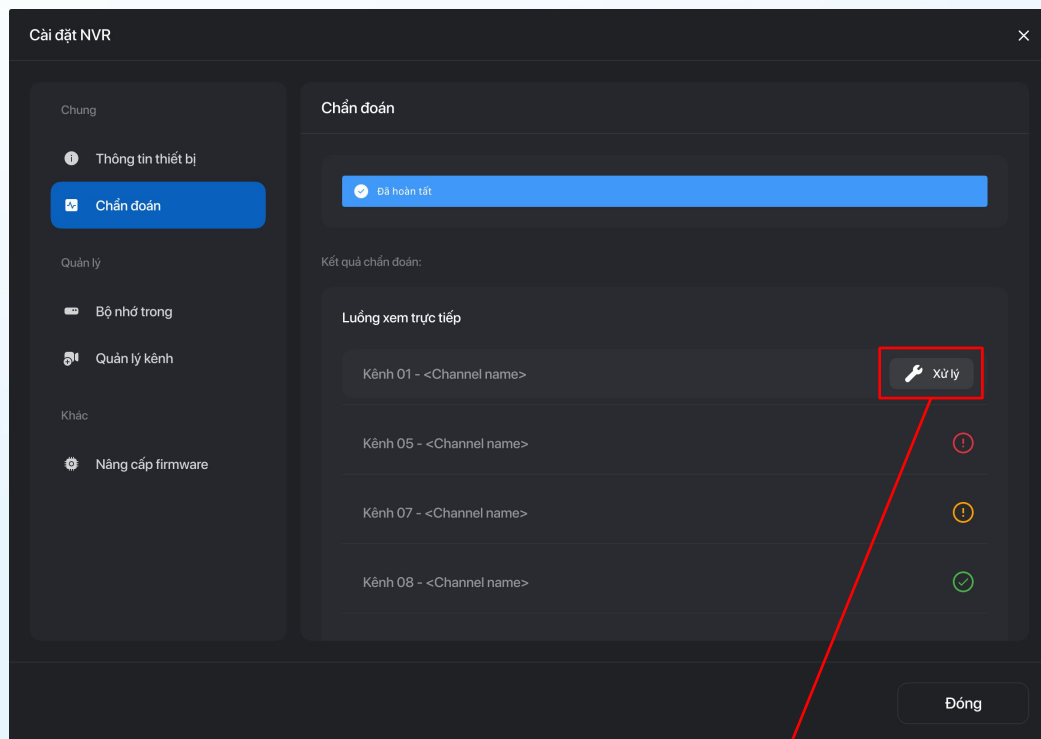
B7: Hệ thống chẩn đoán các hạng mục thành công và không có/không còn lỗi



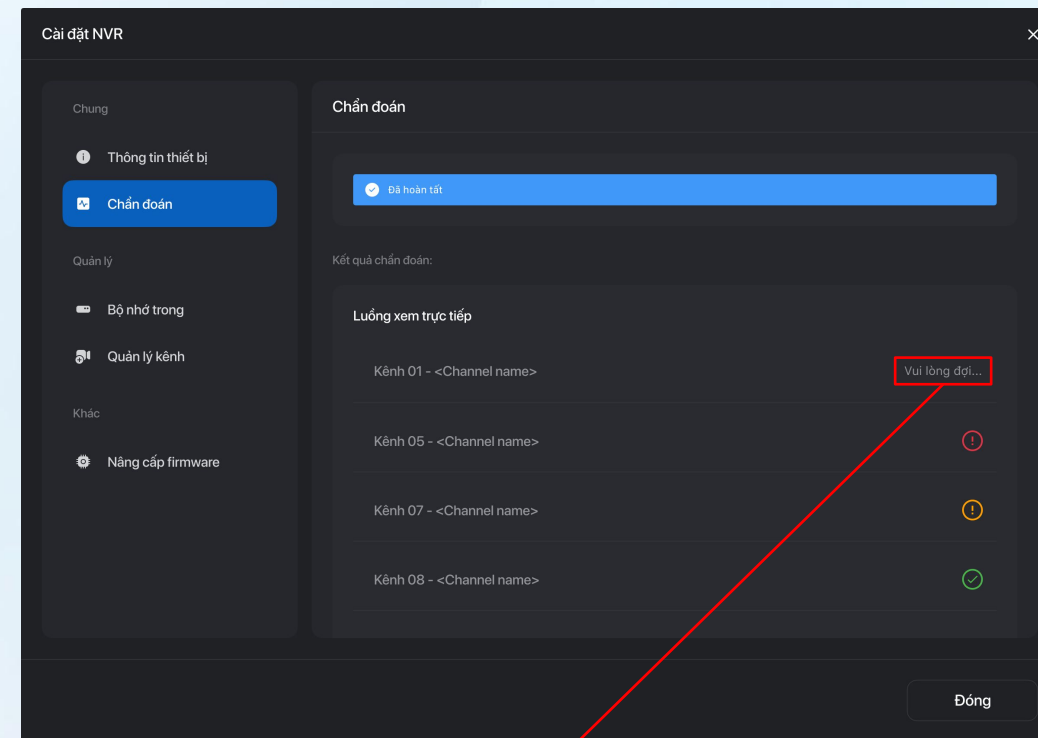
B8: Hệ thống chẩn đoán các hạng mục thành công và có lỗi, hiển thị với icon 

2. Chẩn đoán NVR

Lưu ý: Để xác minh lỗi đã được xử lý, người dùng cần chạy lại quá trình chẩn đoán.

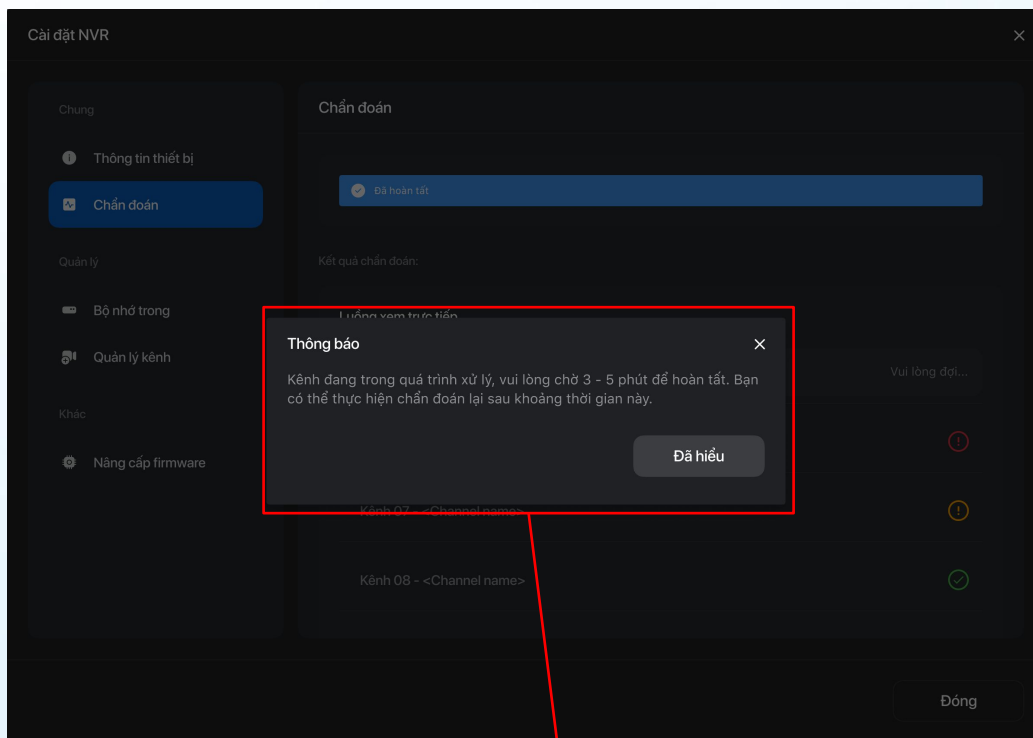


B8: Khi di chuột vào icon , nút **“Xử lý”** sẽ xuất hiện. Nhấn để xử lý lỗi của hạng mục.



B9: Hệ thống đang tiến hành xử lý lỗi với trạng thái **“Vui lòng đợi”**

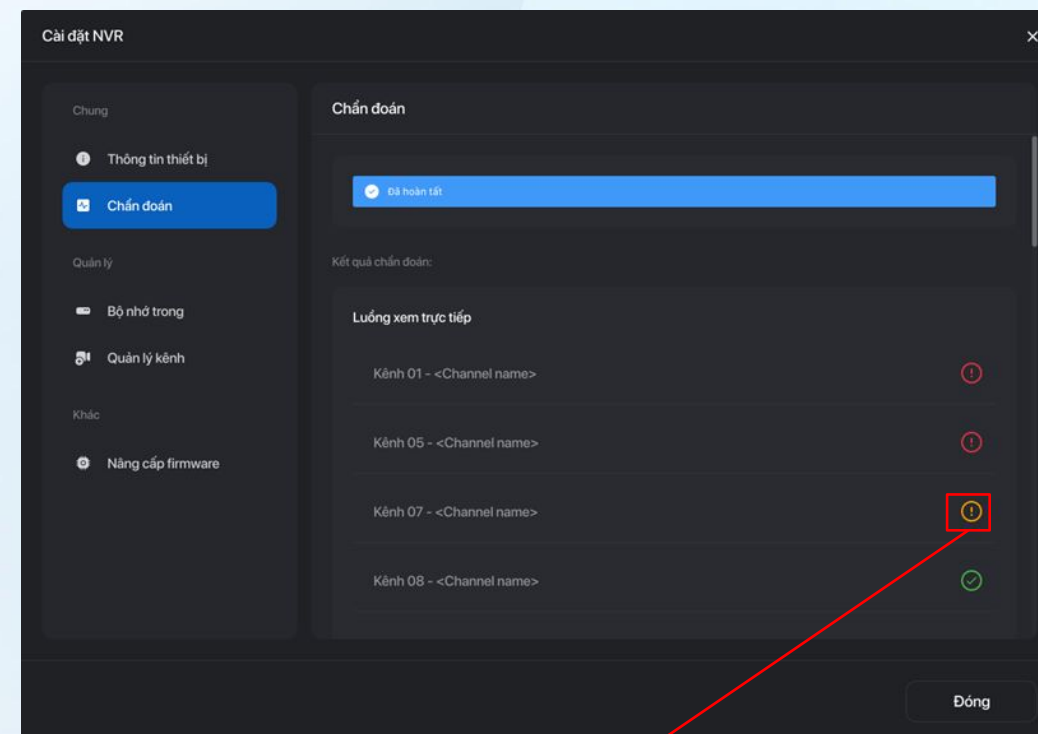
2. Chẩn đoán NVR



B10: Khi trạng thái là **“Vui lòng đợi”** và xảy ra một trong các trường hợp sau:

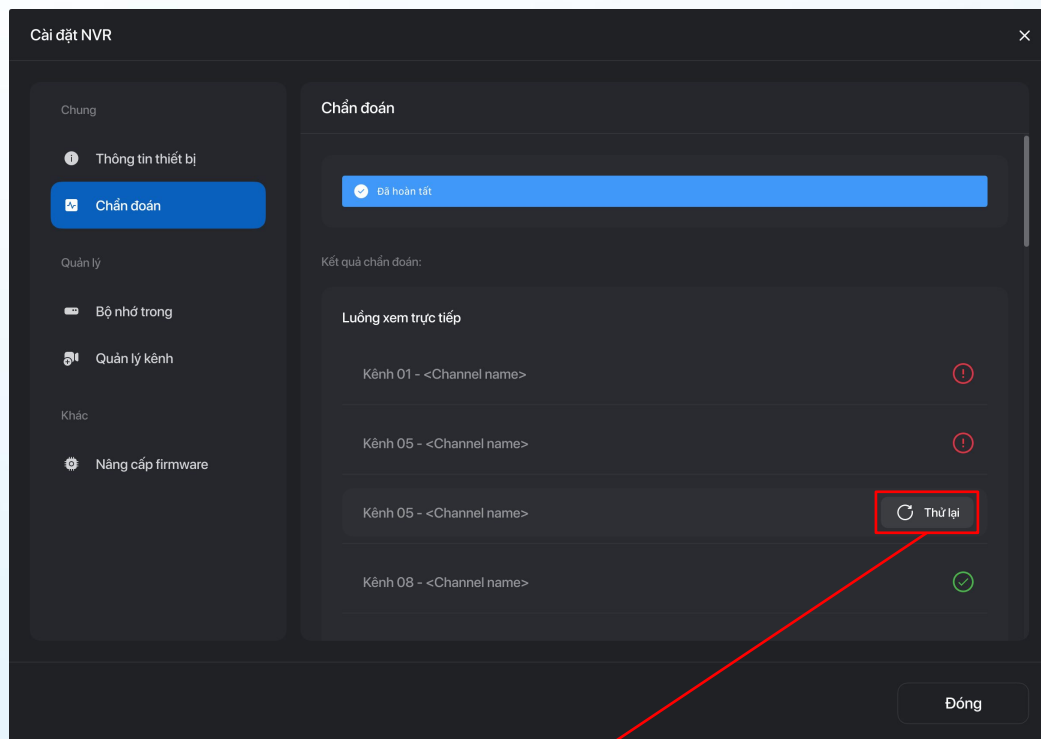
- Tắt ứng dụng, tính năng hoặc chọn menu khác
- Người dùng khác thao tác cùng thiết bị

Hệ thống sẽ lưu thao tác xử lý theo Serial Number của camera và trạng thái xử lý trong 3 phút để tránh lặp lại.

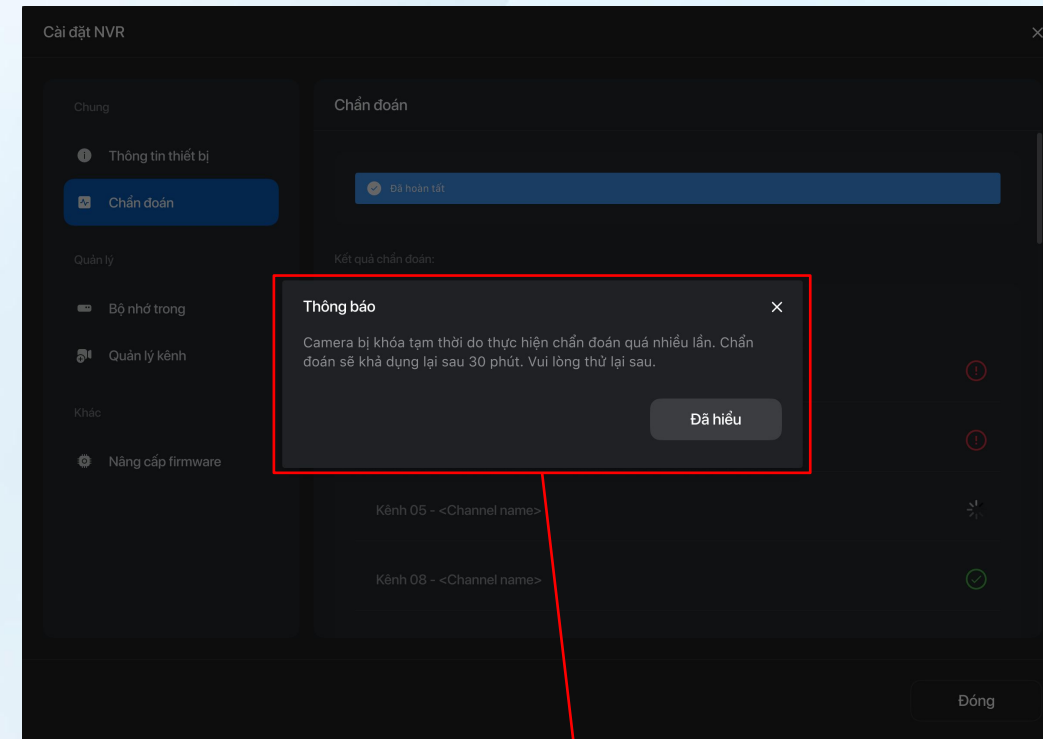


B11: Khi hệ thống không kết nối được camera (đang reboot, mất nguồn,...) trạng thái chẩn đoán sẽ hiển thị icon ⚠️

2. Chẩn đoán NVR

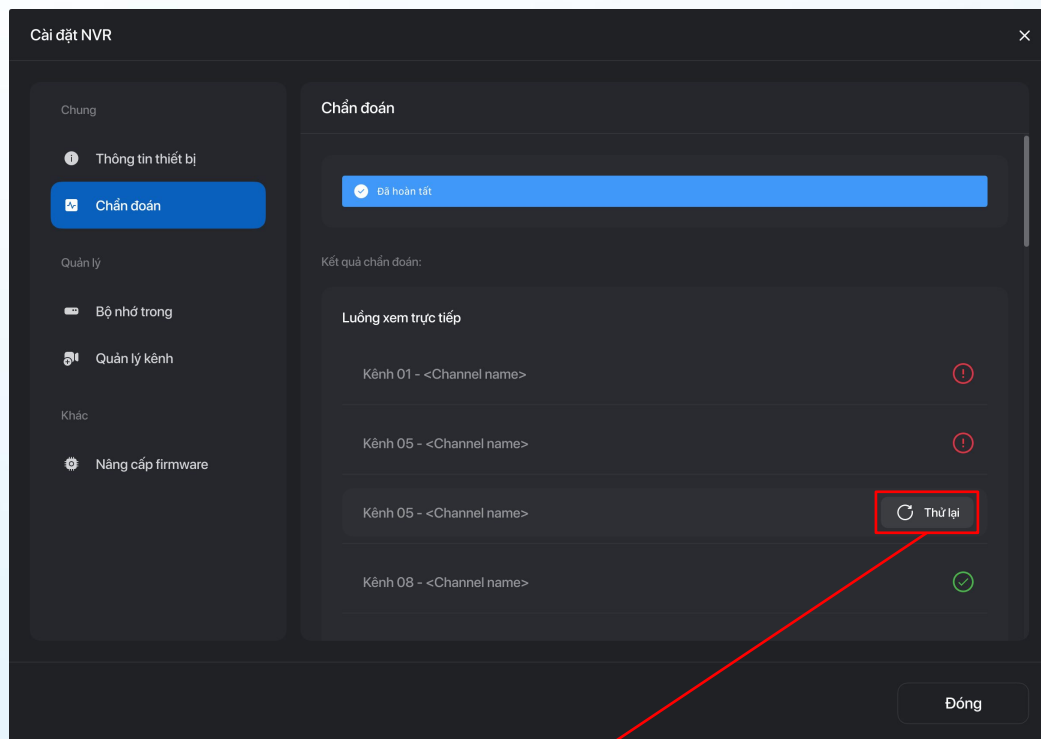


B12: Khi di chuột vào icon , nút **“Thử lại”** sẽ xuất hiện. Nhấn để thử chẩn đoán lại của hạng mục.

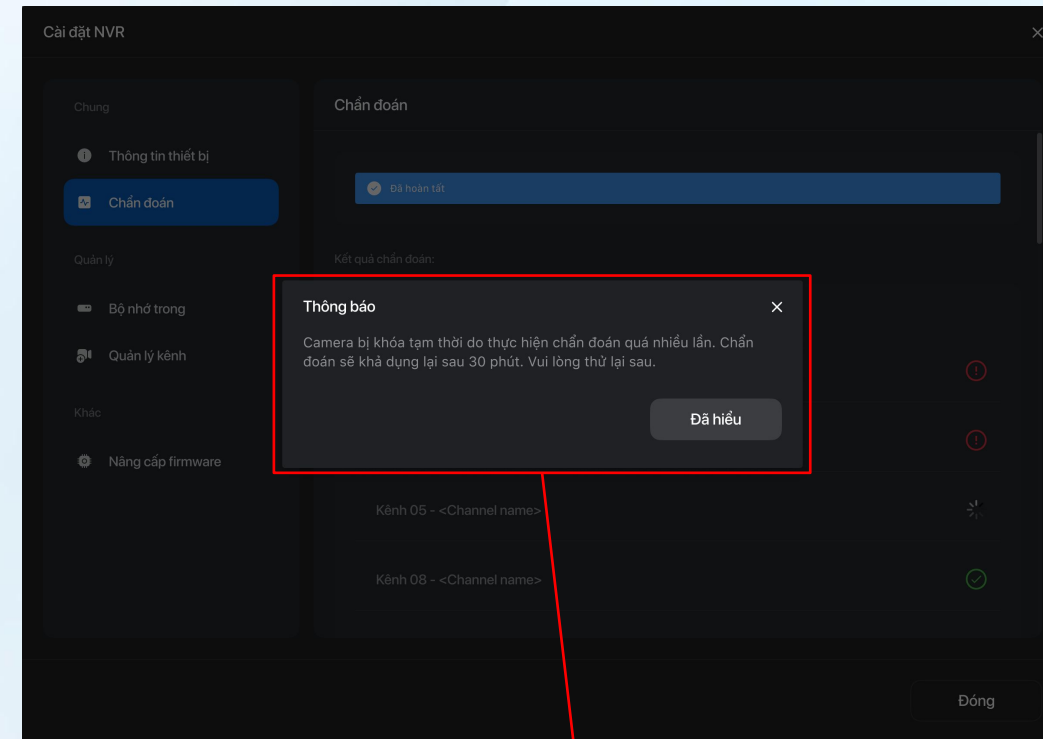


B13: Khi nhấn thử lại nhiều lần, camera sẽ khóa và không cho phép hệ thống chẩn đoán

2. Chẩn đoán NVR

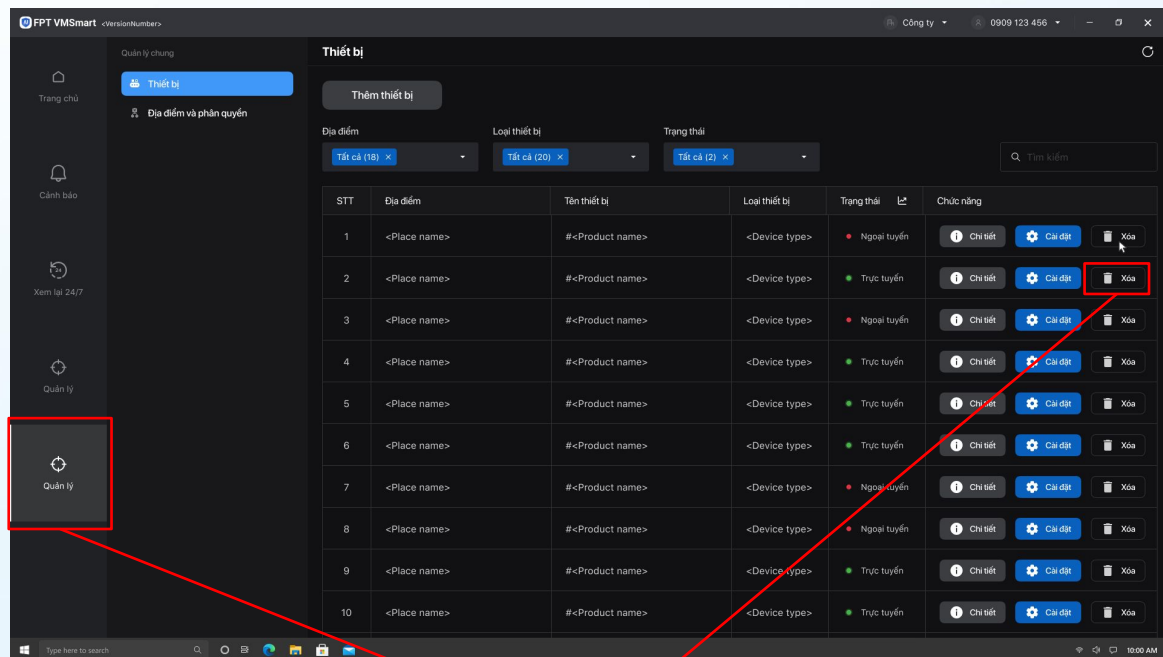


B12: Khi di chuột vào icon ⚠️, nút **“Thử lại”** sẽ xuất hiện. Nhấn để thử chẩn đoán lại của hạng mục.

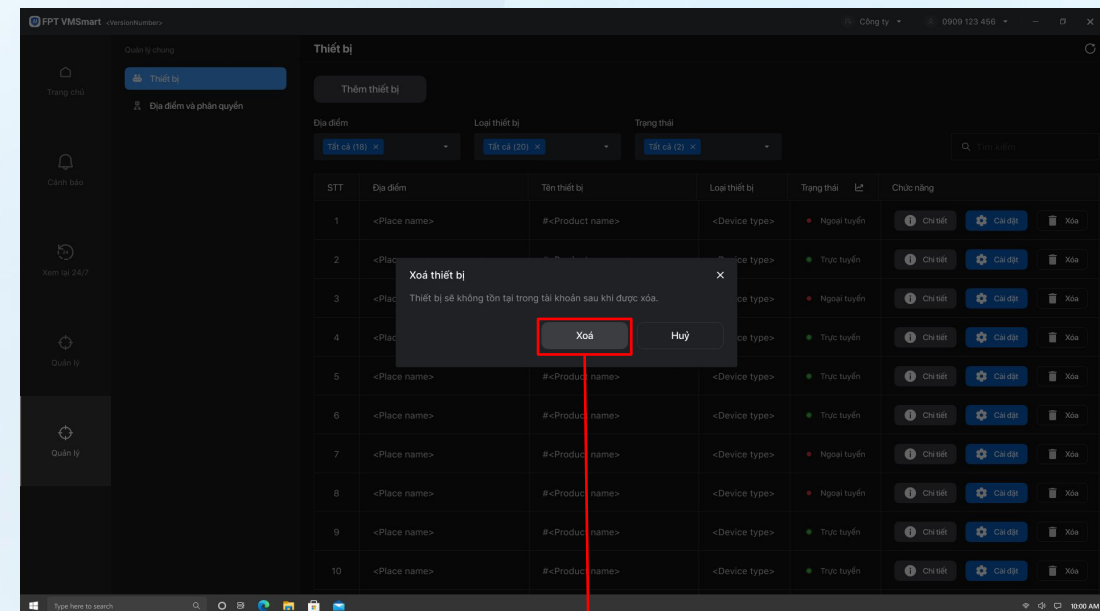


B13: Khi nhấn thử lại nhiều lần, camera sẽ khóa và không cho phép hệ thống chẩn đoán

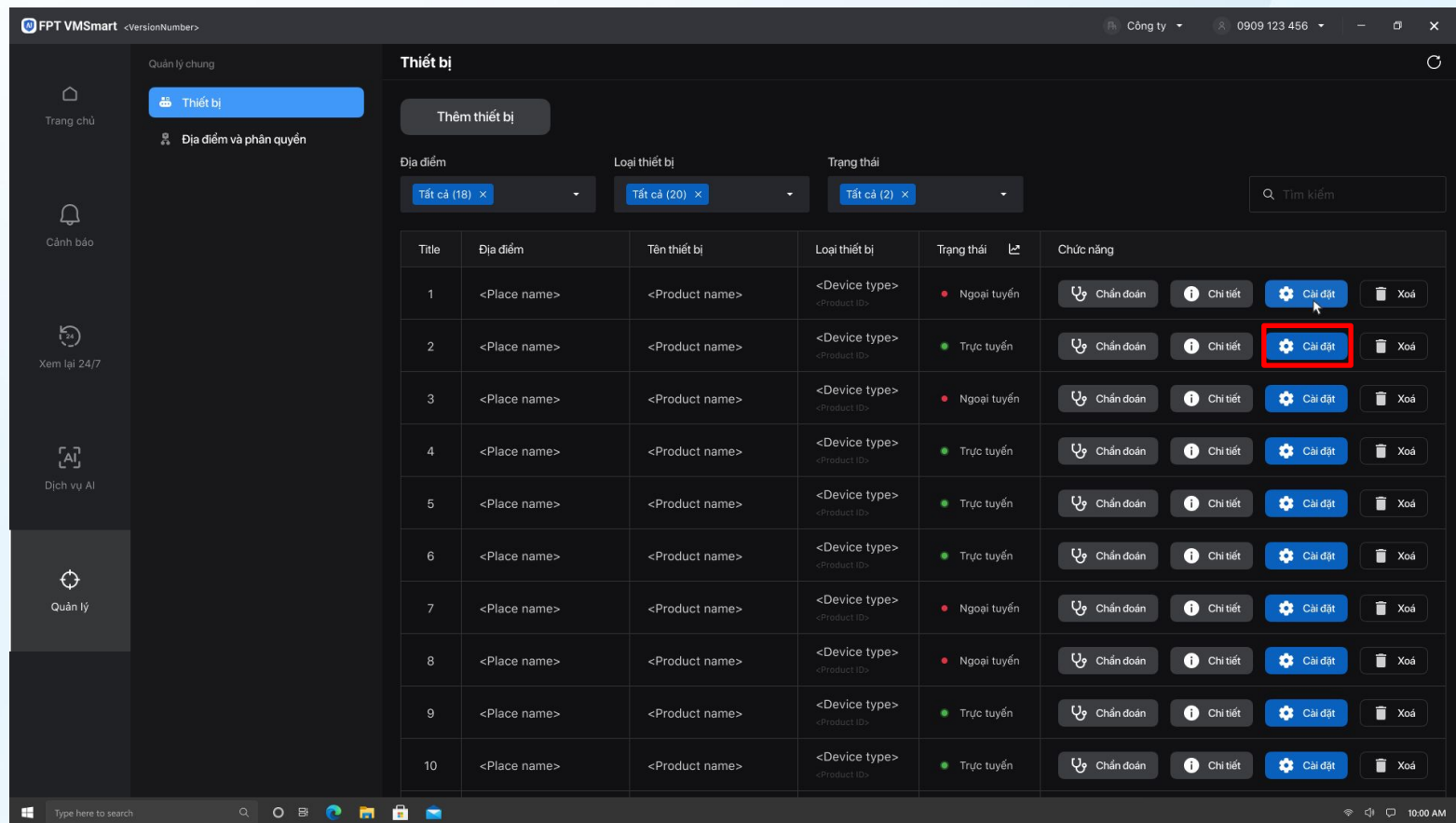
Lưu ý: Chỉ Owner có quyền xóa thiết bị. Khi xóa, Admin/Share mất quyền và không thấy thiết bị.



B1: Chọn nút **“Quản lý”** và chọn **“Xóa”** xóa thiết bị để xóa thiết bị



B2: Lựa chọn **“Xóa”** để xóa thiết bị ra khỏi tài khoản



The screenshot shows the FPT VMSmart interface. On the left is a sidebar with navigation options: Trang chủ, Cảnh báo, Xem lại 24/7, Dịch vụ AI, and Quản lý. The main area is titled 'Thiết bị' (Devices) and includes a 'Thêm thiết bị' (Add device) button. Below this are filters for 'Địa điểm' (Location), 'Loại thiết bị' (Device type), and 'Trạng thái' (Status). A search bar is also present. The main table lists 10 devices. The 'Cài đặt' (Settings) button for the second device is highlighted with a red box.

Title	Địa điểm	Tên thiết bị	Loại thiết bị	Trạng thái	Chức năng
1	<Place name>	<Product name>	<Device type> <Product ID>	● Ngoại tuyến	Chẩn đoán, Chi tiết, Cài đặt, Xóa
2	<Place name>	<Product name>	<Device type> <Product ID>	● Trực tuyến	Chẩn đoán, Chi tiết, Cài đặt, Xóa
3	<Place name>	<Product name>	<Device type> <Product ID>	● Ngoại tuyến	Chẩn đoán, Chi tiết, Cài đặt, Xóa
4	<Place name>	<Product name>	<Device type> <Product ID>	● Trực tuyến	Chẩn đoán, Chi tiết, Cài đặt, Xóa
5	<Place name>	<Product name>	<Device type> <Product ID>	● Trực tuyến	Chẩn đoán, Chi tiết, Cài đặt, Xóa
6	<Place name>	<Product name>	<Device type> <Product ID>	● Trực tuyến	Chẩn đoán, Chi tiết, Cài đặt, Xóa
7	<Place name>	<Product name>	<Device type> <Product ID>	● Ngoại tuyến	Chẩn đoán, Chi tiết, Cài đặt, Xóa
8	<Place name>	<Product name>	<Device type> <Product ID>	● Ngoại tuyến	Chẩn đoán, Chi tiết, Cài đặt, Xóa
9	<Place name>	<Product name>	<Device type> <Product ID>	● Trực tuyến	Chẩn đoán, Chi tiết, Cài đặt, Xóa
10	<Place name>	<Product name>	<Device type> <Product ID>	● Trực tuyến	Chẩn đoán, Chi tiết, Cài đặt, Xóa

B1: Nhấn mở cài đặt camera

Cài đặt camera

Chung

Thông tin thiết bị

Chẩn đoán

Quản lý

Bộ nhớ trong

Tính năng camera

Chế độ nhìn đêm

Video watermark

Xoay hình ảnh

Trạng thái đèn LED

Thông báo

Phương thức cảnh báo

Tự động cảnh báo

Báo động thông minh

Cảnh báo vùng

Khác

Nâng cấp firmware

Khởi động lại camera

Thông tin thiết bị

Lưu lại

Tên thiết bị:

<DeviceName>

Địa điểm:

<PlaceName>

Model

<ProductID>

Số seri

<Product code>

Tình trạng bảo hành

Còn bảo hành

14/08/2026

Địa chỉ IP

118.69.167.42

Ethernet

Không khả dụng

Không khả dụng

Mạng Wi-Fi

00:02:d1:b3:67:3d

192.168.12.82

Phiên bản firmware

<CurrentFirmVer>

Mã QR:



Tải xuống

Nhấn để xem địa chỉ RTSP

Đóng

B2: Nhấn để xem

Cài đặt camera

Chung

Thông tin thiết bị

Chẩn đoán

Quản lý

Bộ nhớ trong

Tính năng camera

Chế độ nhìn đêm

Video watermark

Xoay hình ảnh

Trạng thái đèn LED

Thông báo

Phương thức cảnh báo

Tự động cảnh báo

Báo động thông minh

Cảnh báo vùng

Khác

Nâng cấp firmware

Khởi động lại camera

Thông tin thiết bị

Lưu lại

Tên thiết bị:

<DeviceName>

Địa điểm:

<PlaceName>

Model

<ProductID>

Số seri

<Product code>

Tình trạng bảo hành

Còn bảo hành

14/08/2026

Địa chỉ IP

118.69.167.42

Ethernet

Không khả dụng

Không khả dụng

Mạng Wi-Fi

00:02:d1:b3:67:3d

192.168.12.82

Phiên bản firmware

<CurrentFirmVer>

Mã QR:



Tải xuống

Địa chỉ RTSP

<RTSPAddress>

Nhấn để copy

Đóng

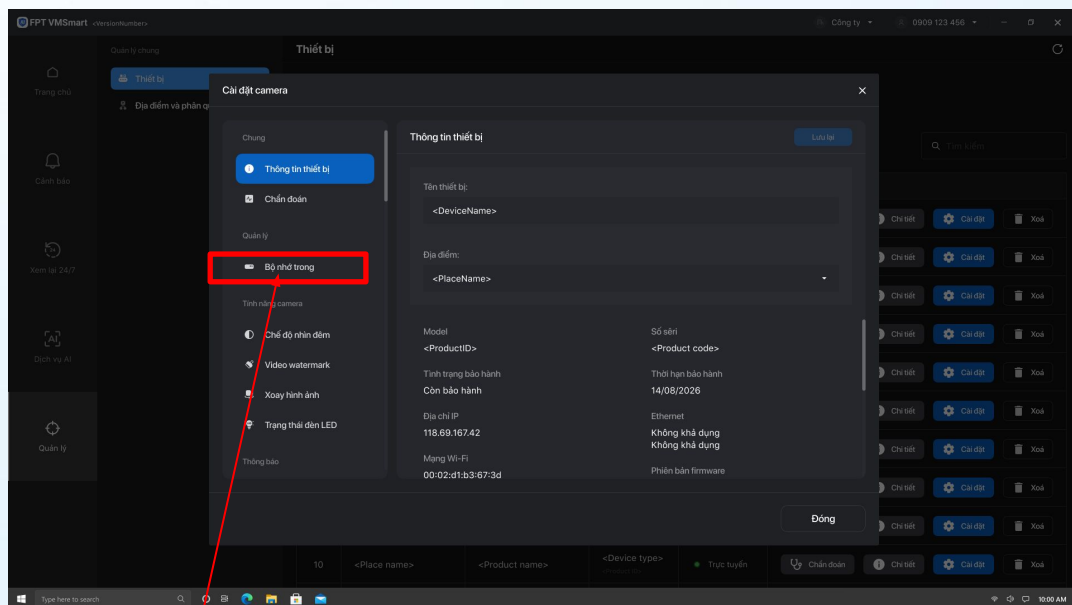
B3: Nhấn để copy

Quản lý thiết bị

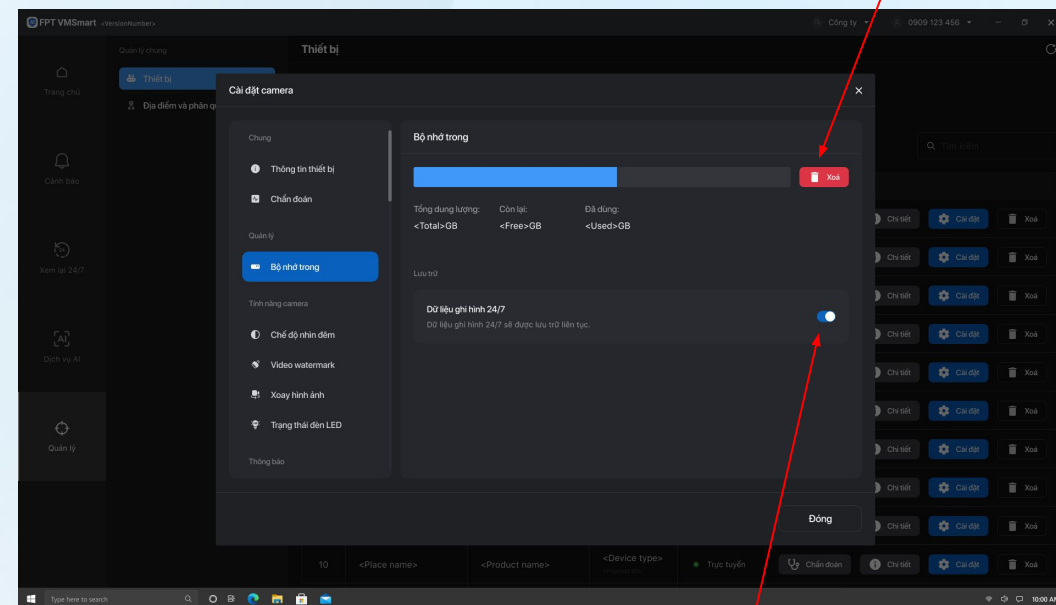
Bộ nhớ trong/thẻ nhớ camera

B3: Xóa dữ liệu

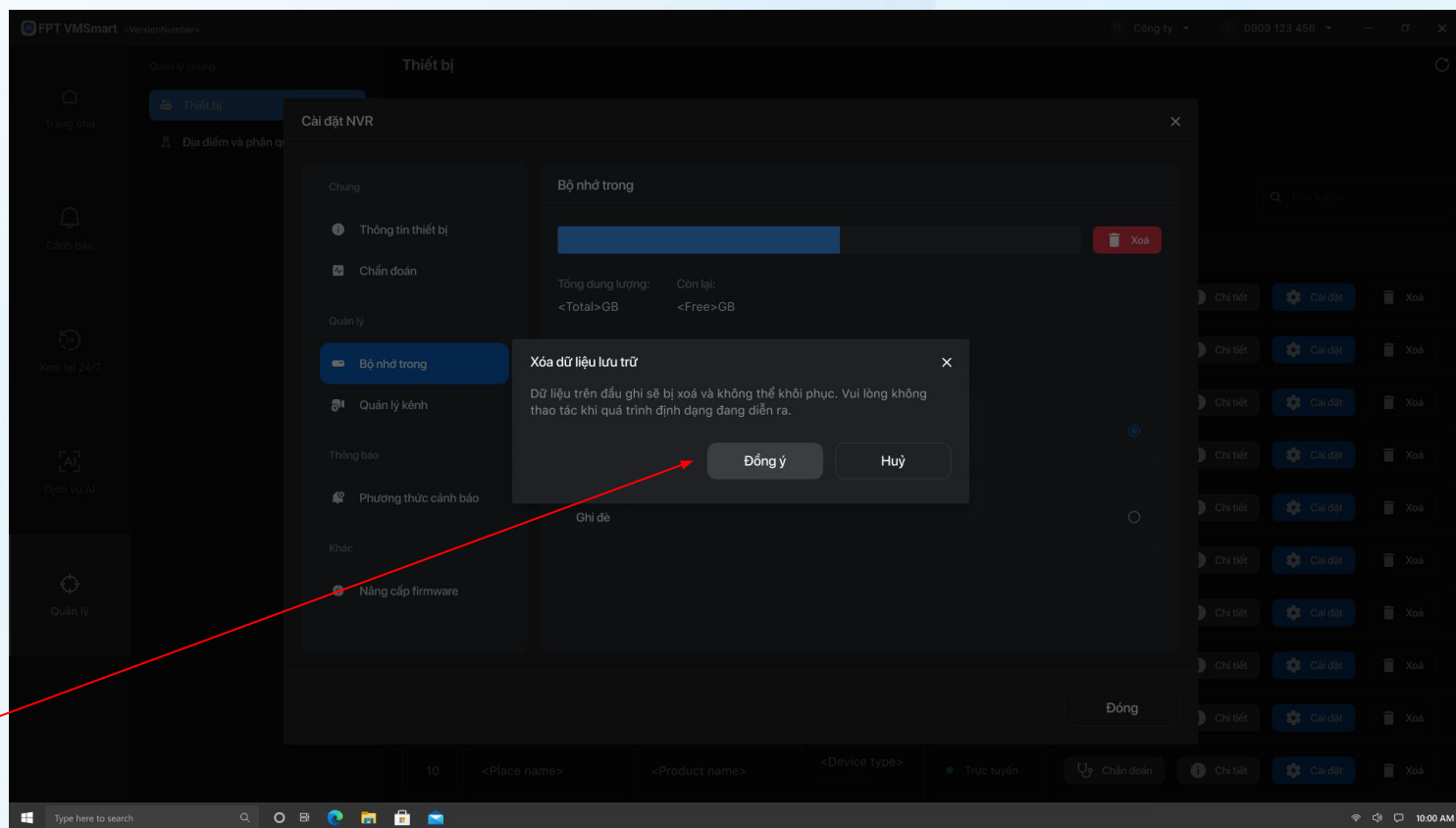
Màn hình quản lý bộ nhớ



B1: Nhấn để mở quản lý bộ nhớ



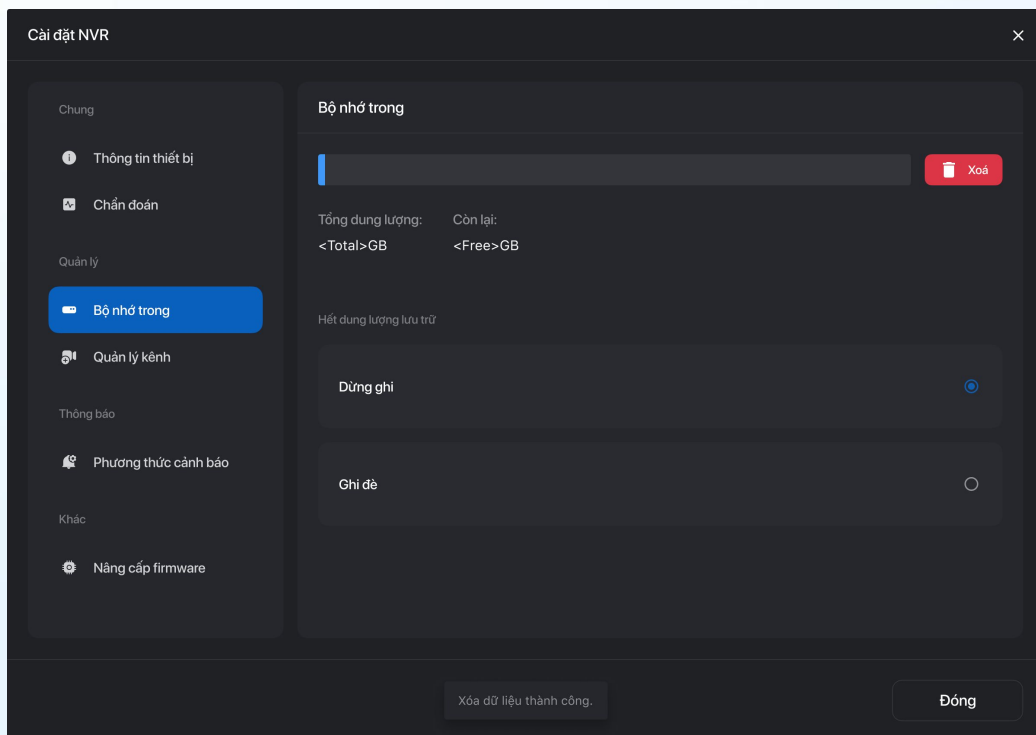
B2: Nhấn để tắt/mở ghi hình 24/7



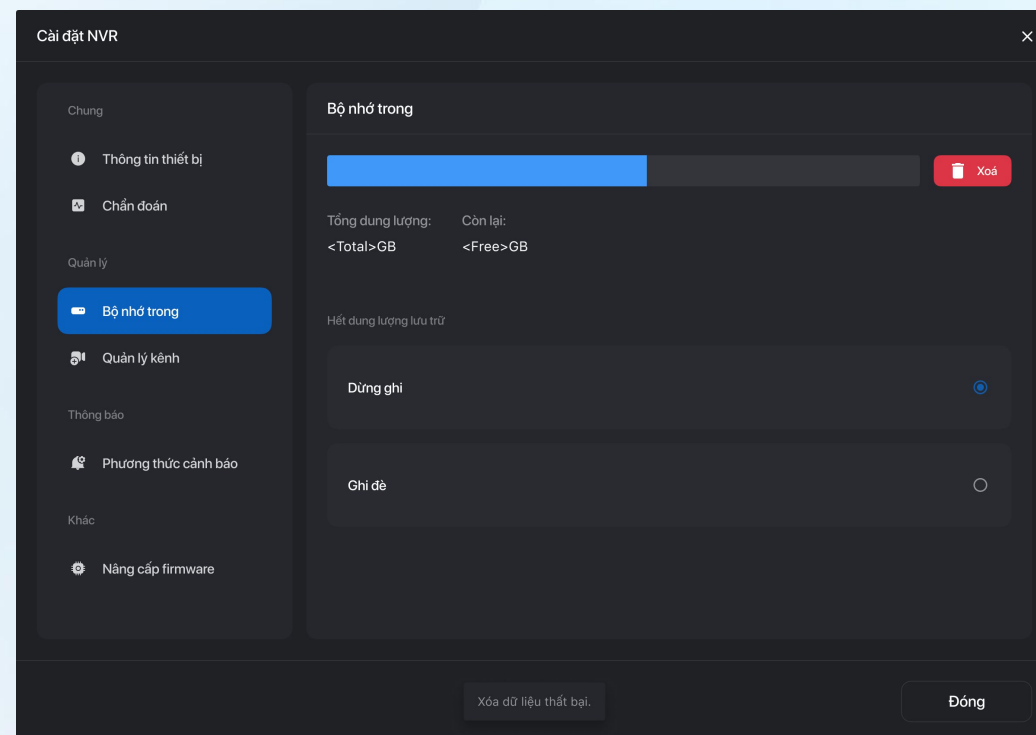
B3: Nhấn đồng ý để xóa

Quản lý thiết bị

Bộ nhớ trong/thẻ nhớ camera

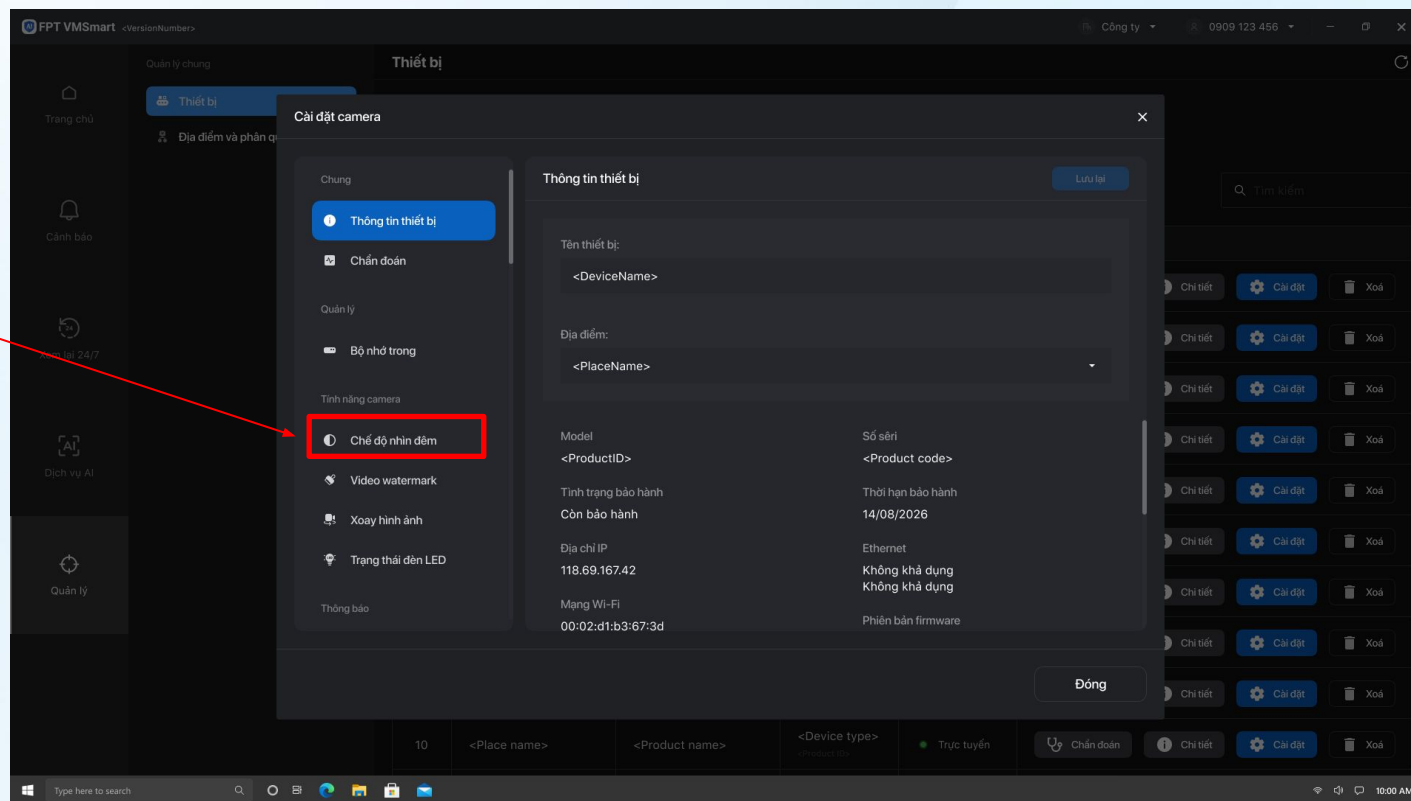


Xóa thành công

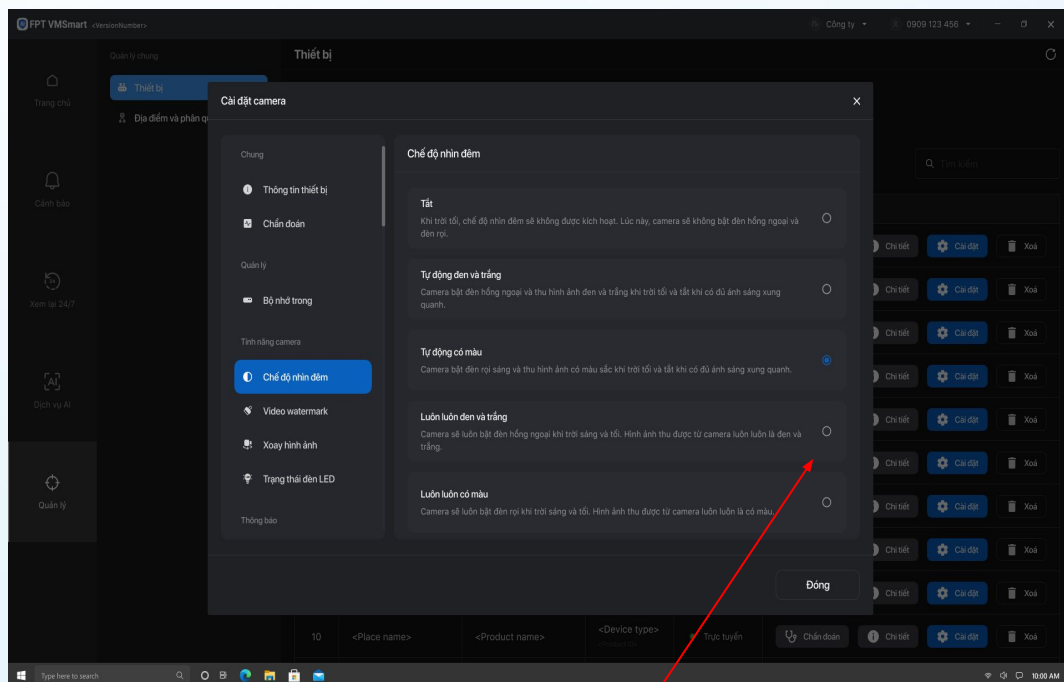


Xóa thất bại

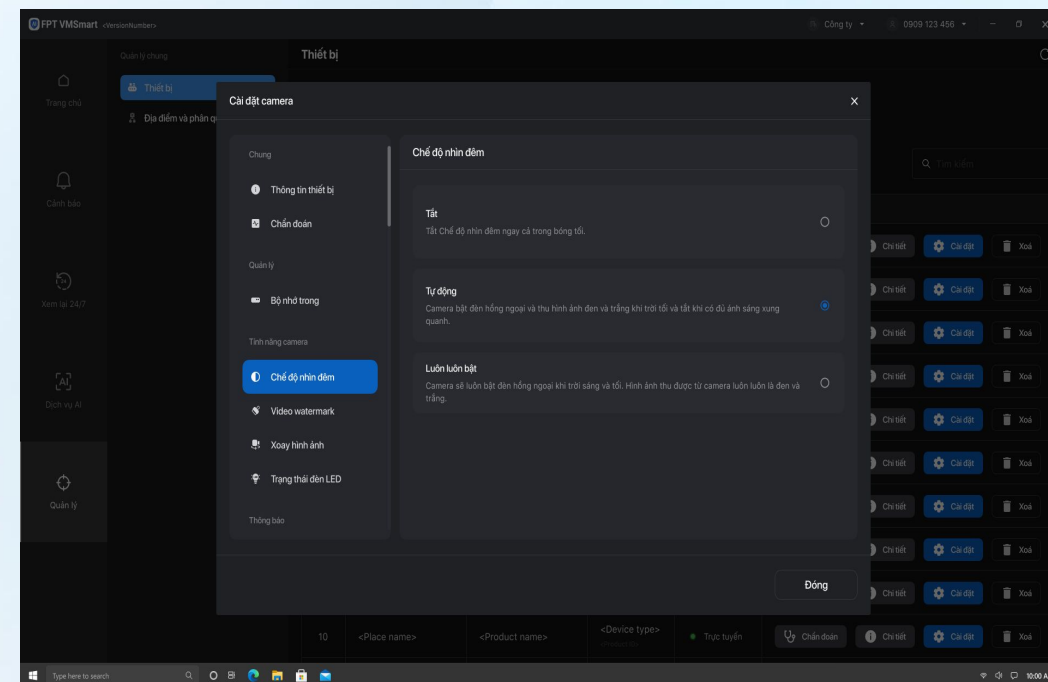
B1: Nhấn để mở cài đặt



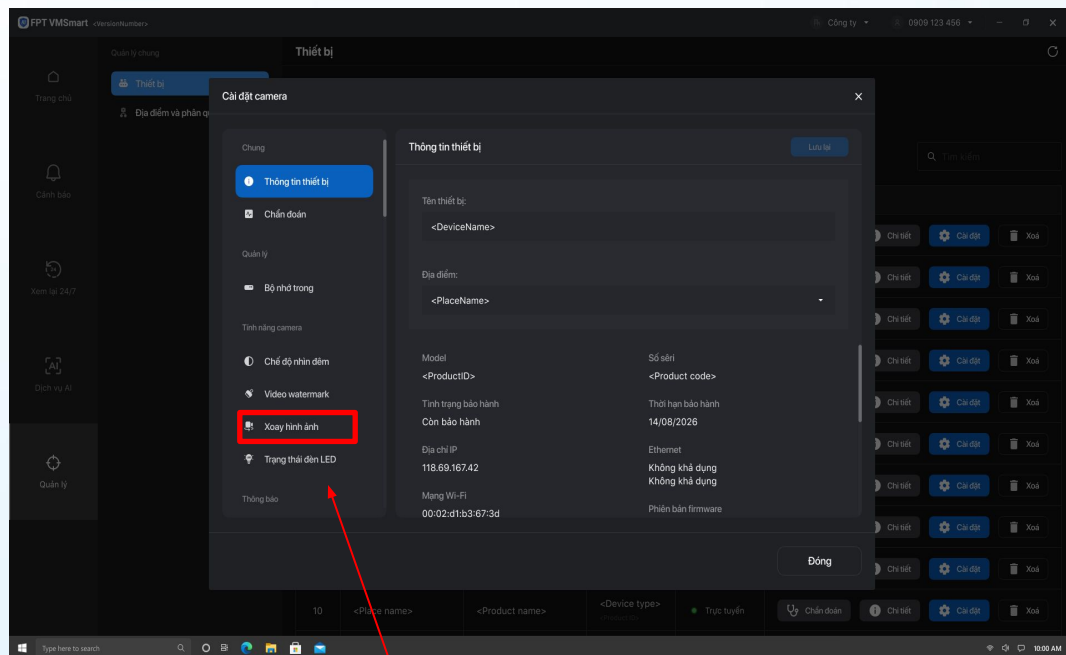
Camera có đèn rọi



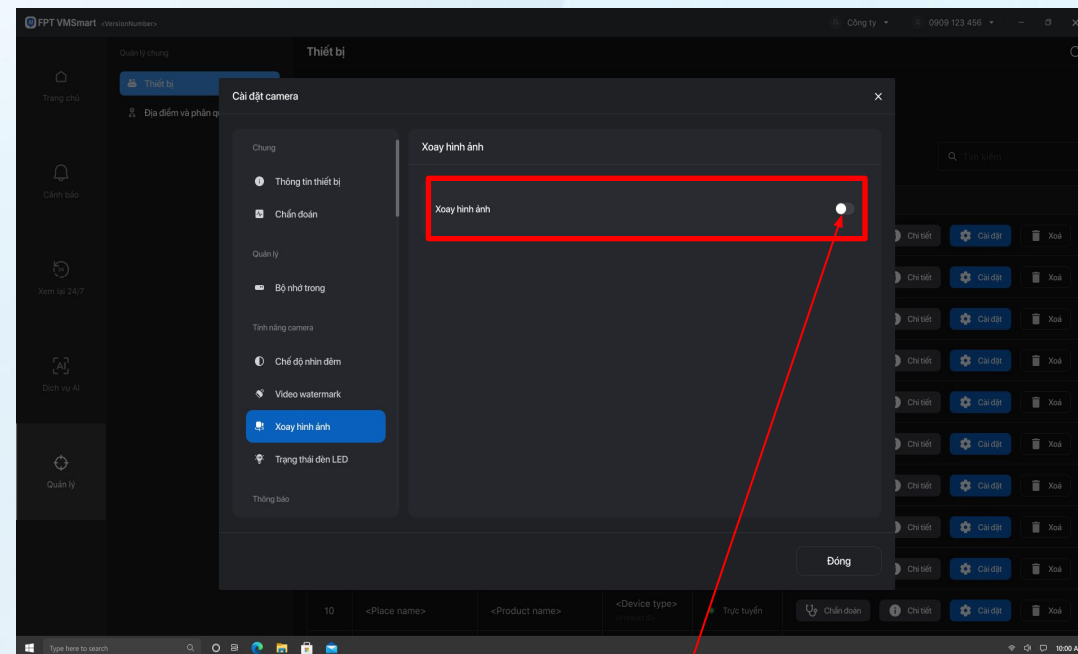
Camera không có đèn rọi



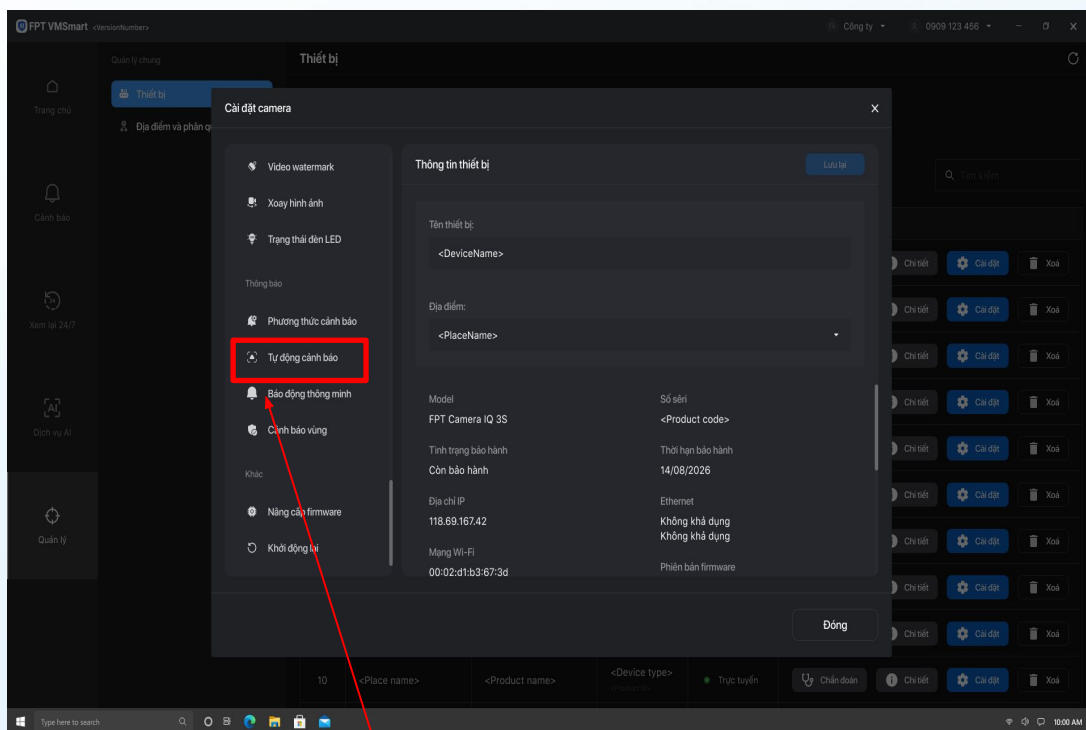
B2: Nhấn chọn để chuyển chế độ



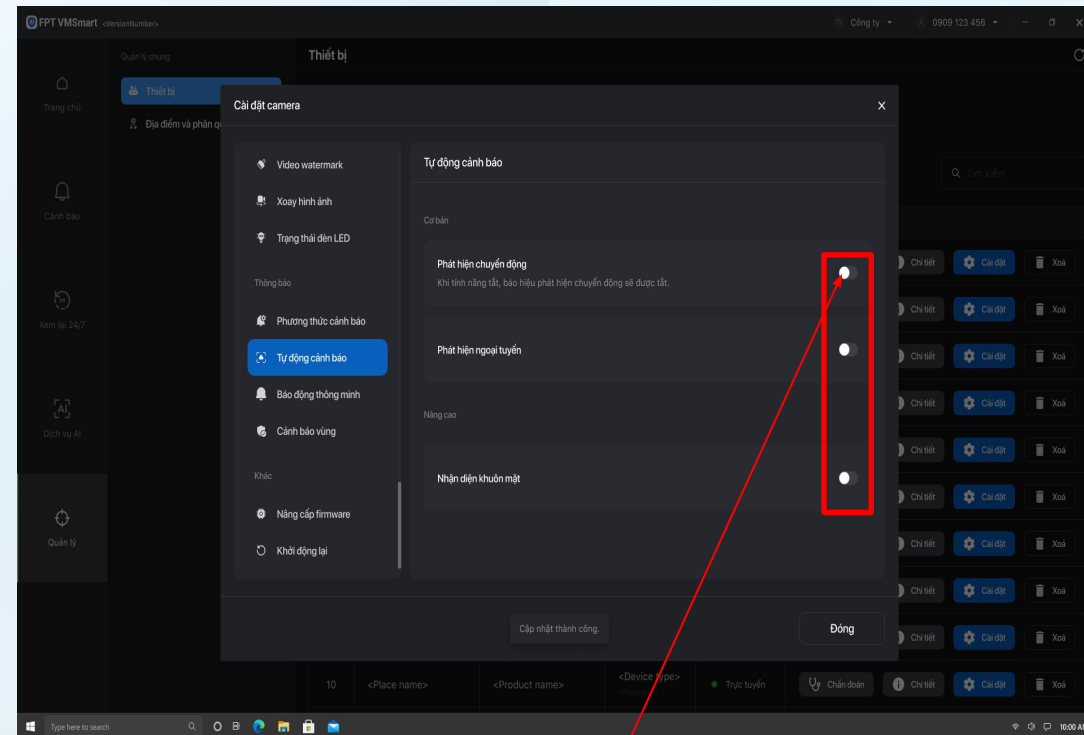
B1: Nhấn để mở cài đặt



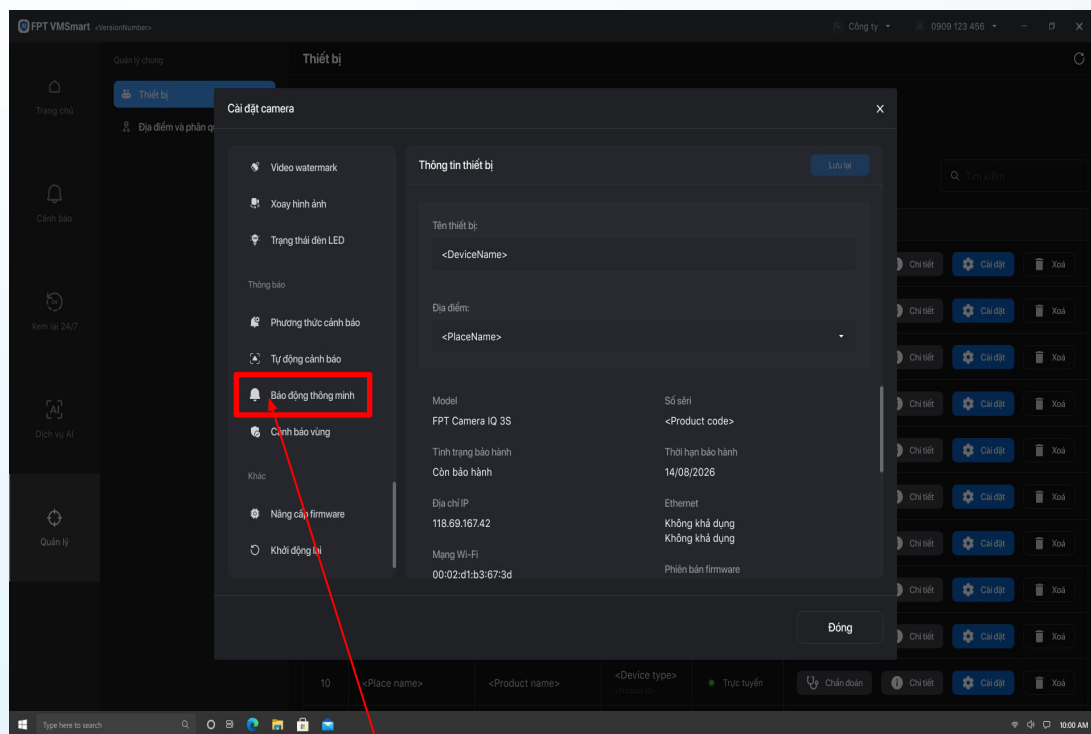
B2: Tắt bật chức năng xoay hình ảnh



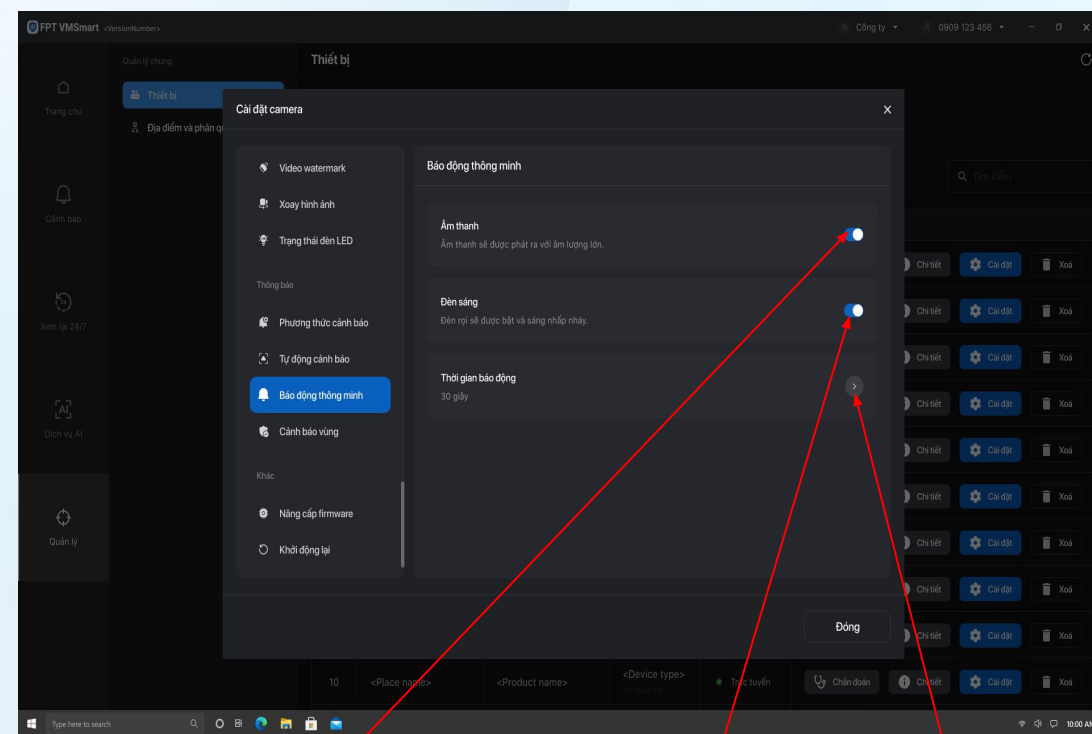
B1: Nhấn để mở cài đặt



B2: Nhấn để bật các các loại phát hiện



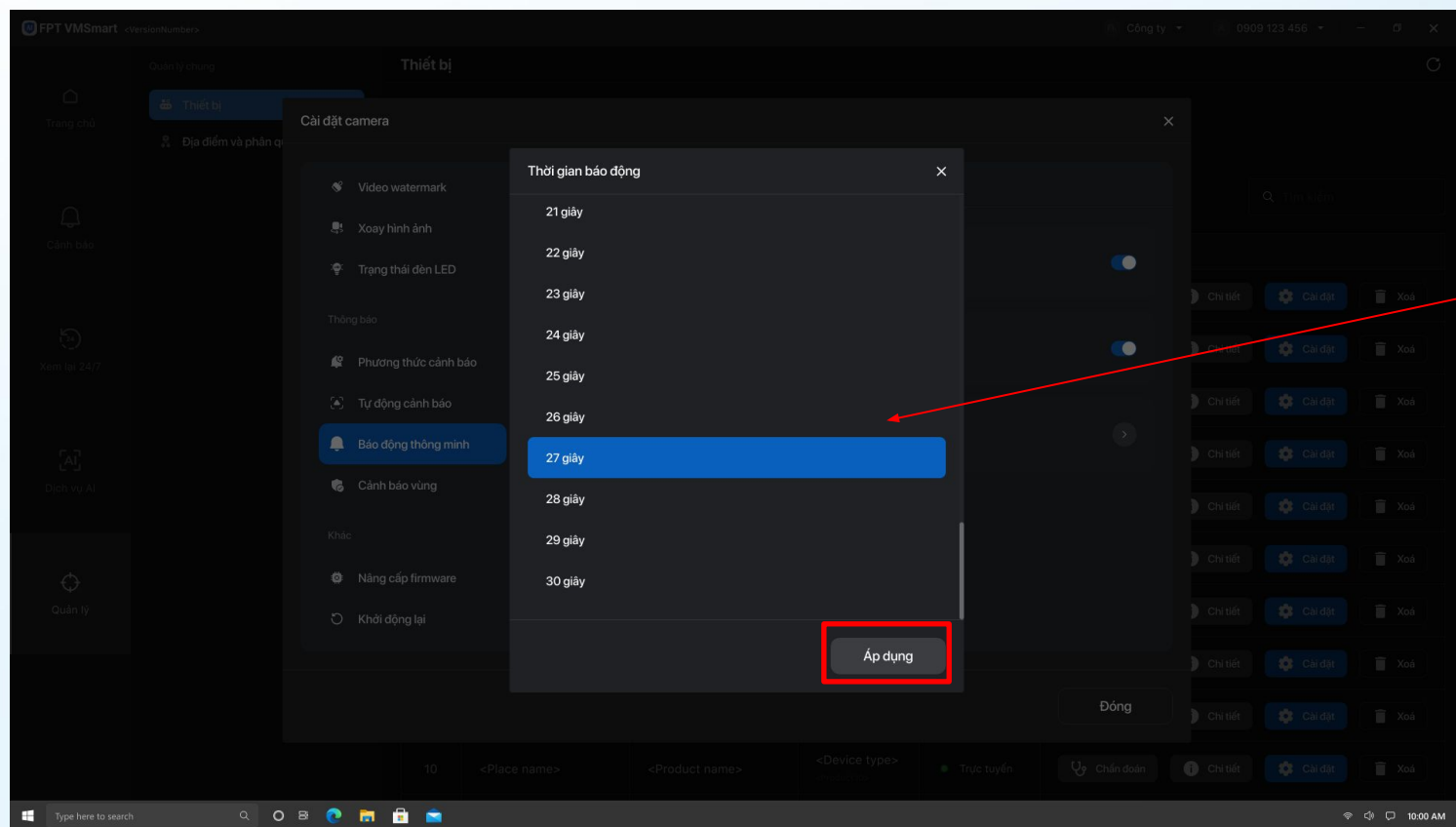
B1: Nhấn để mở cài đặt



Tắt/ bật âm thanh khi có báo động

Điều chỉnh thời gian báo động

Tắt/ bật đèn khi có báo động



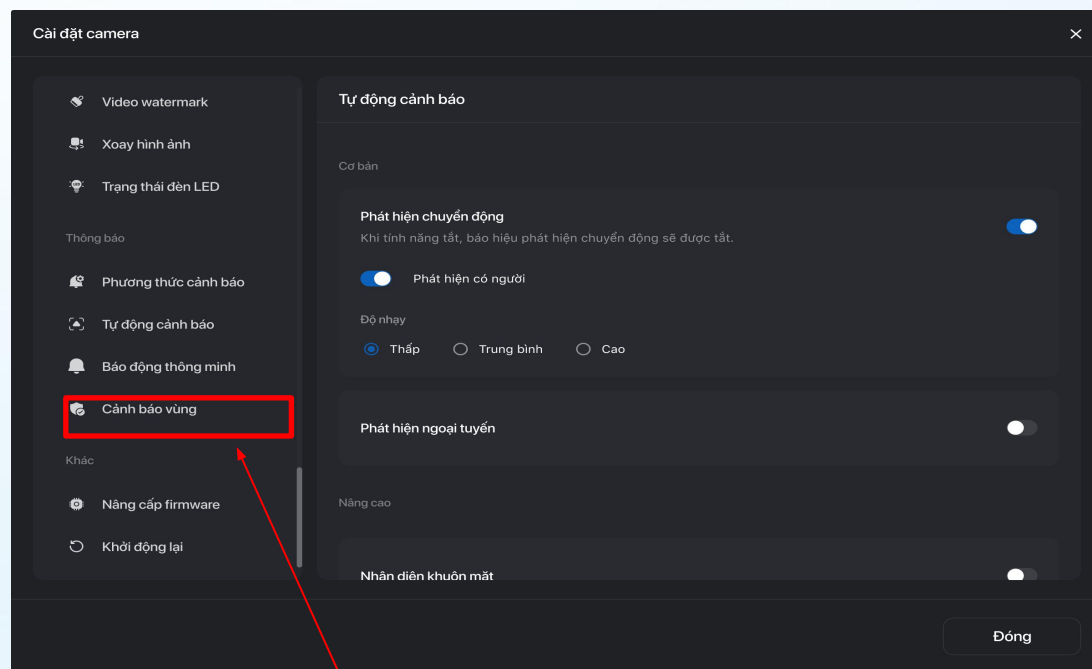
B3: Nhấn chọn thời gian áp dụng

B4: Nhấn Áp dụng để hoàn tất

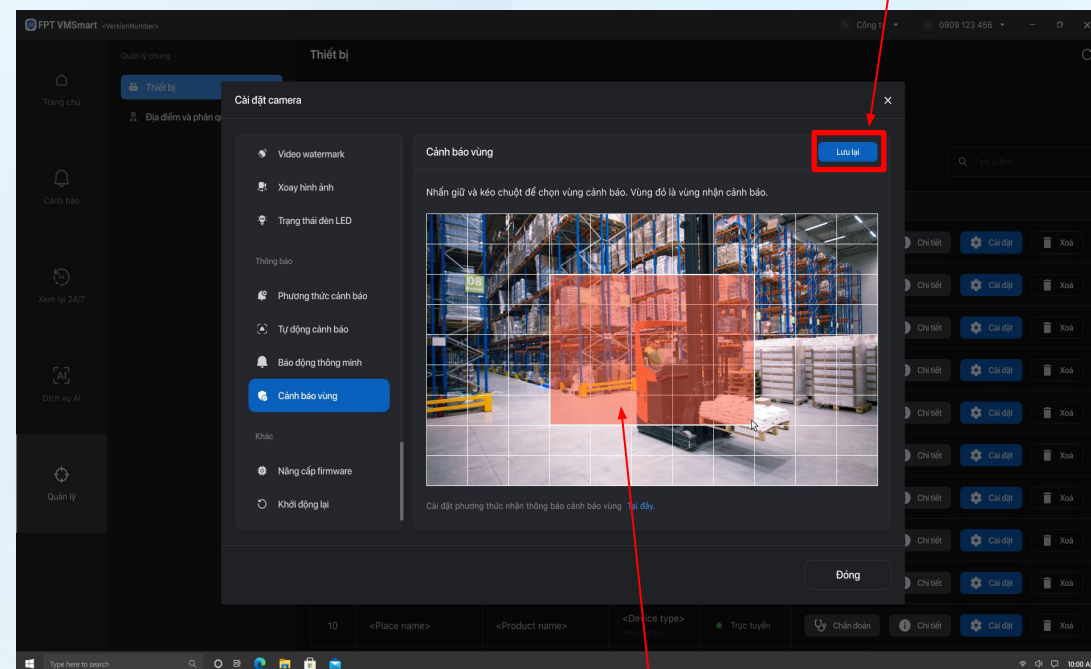
Quản lý thiết bị

Cảnh báo vùng

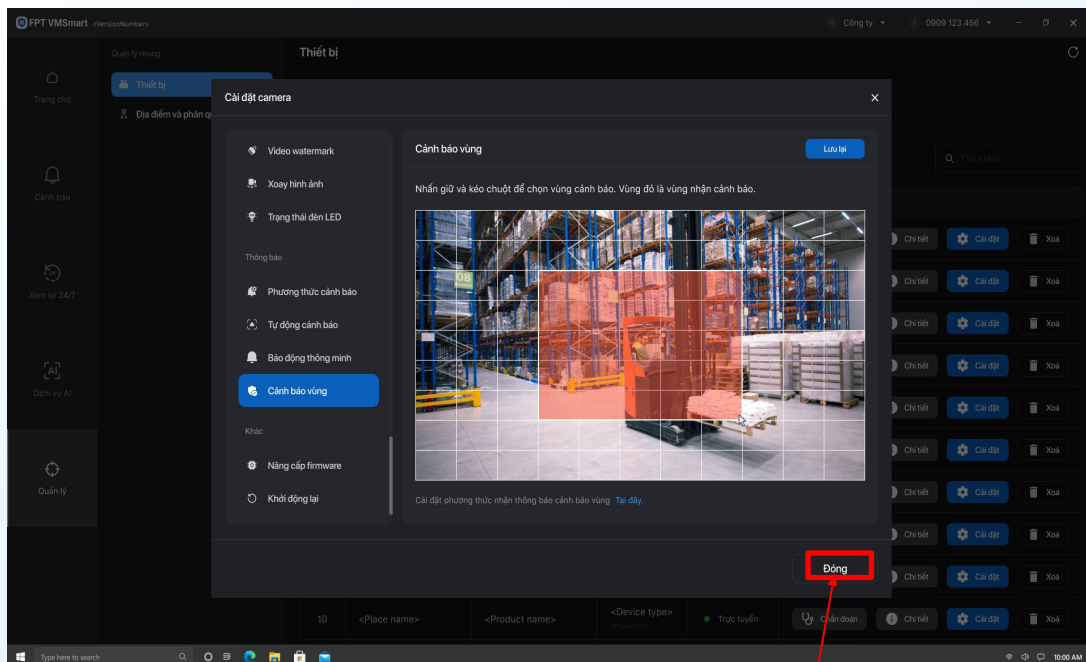
Phím chức năng làm lại cho phép chọn lại vùng cảnh báo



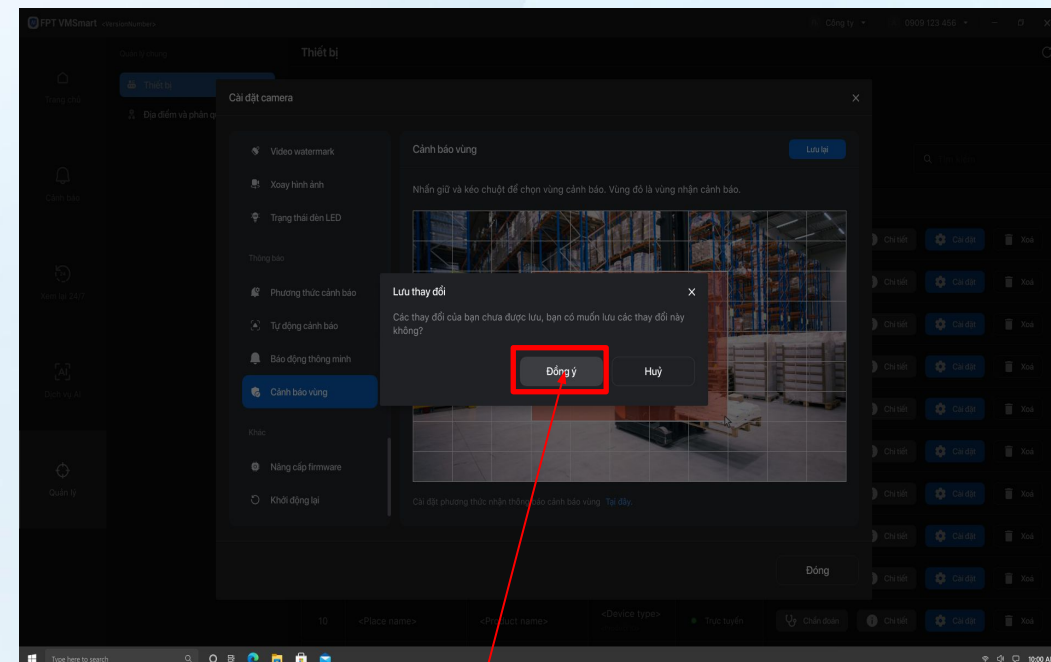
B1: Nhấn để mở cài đặt



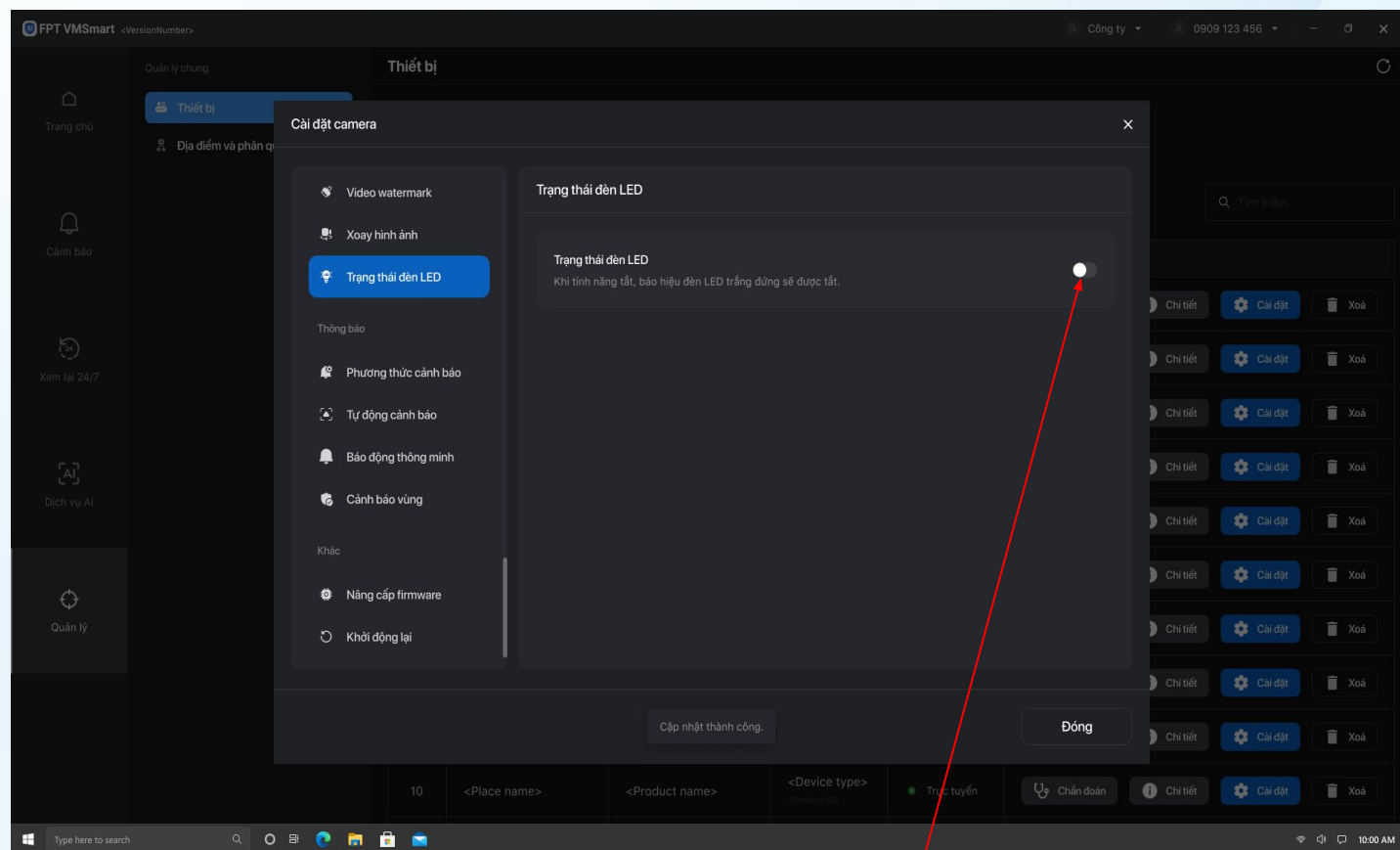
B2: Nhấn giữ và kéo chuột chọn vùng cảnh báo. **Vùng đỏ** là vùng nhận cảnh báo



B3: Chọn "Đồng ý" để lưu vùng cảnh báo



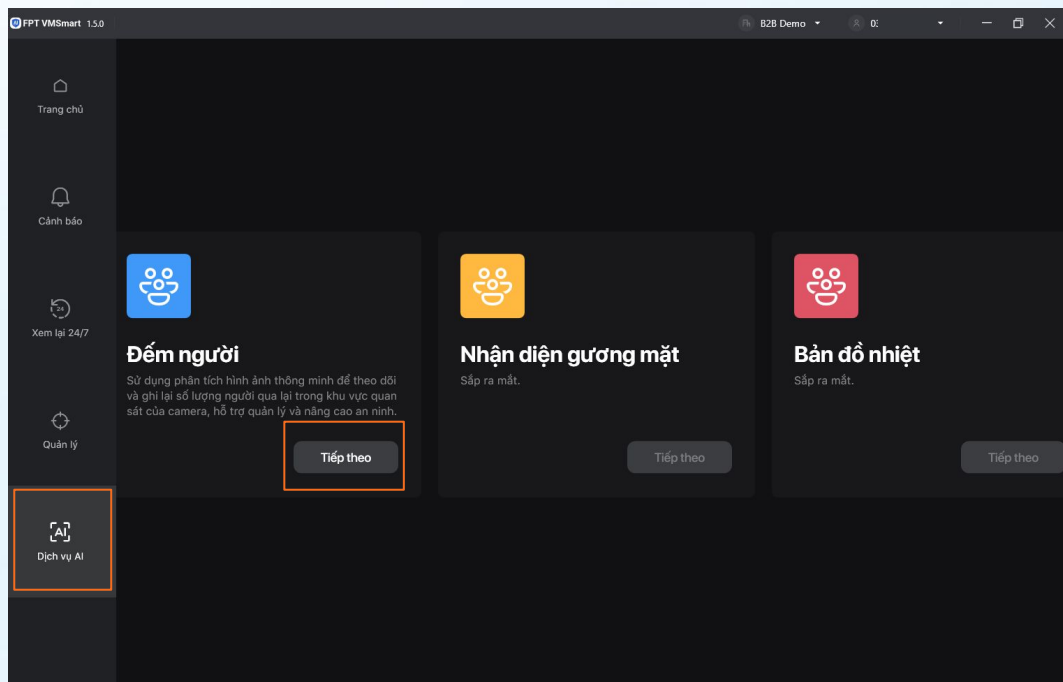
B4: "Đồng ý" để hoàn tất lưu vùng cảnh báo



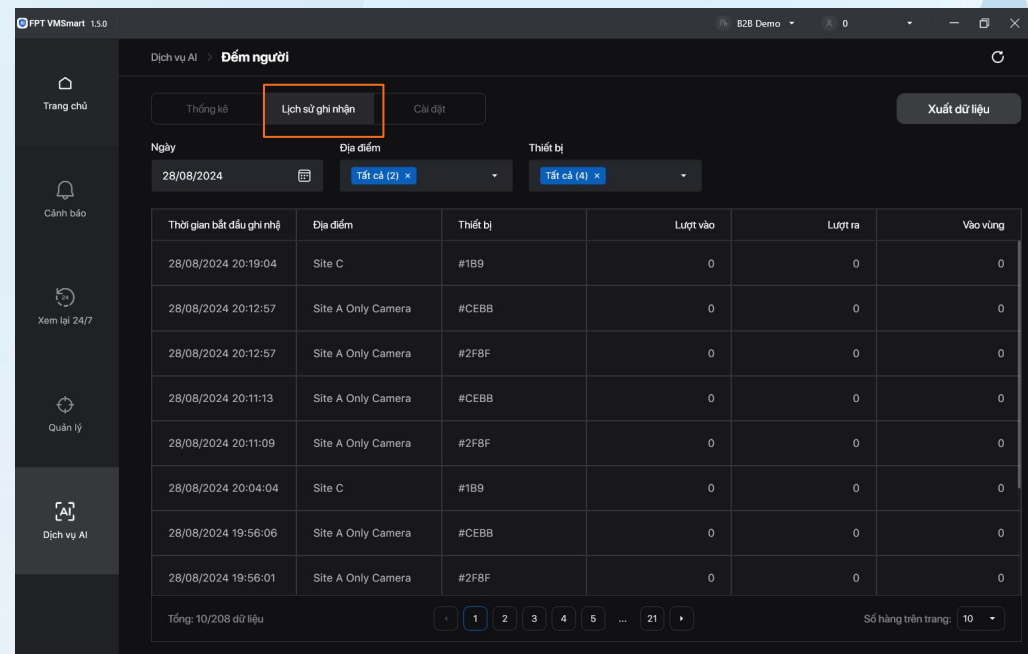
Nhấn để tắt/mở đèn LED trên camera

7. Hướng dẫn sử dụng Dịch vụ AI

B1: Truy cập vào phần **Dịch vụ AI**.
Tại tính năng Đếm người, chọn nút
Tiếp theo



B2: Sau khi truy cập, phần **Lịch sử ghi nhận**
nhận để xem chi tiết về dữ liệu

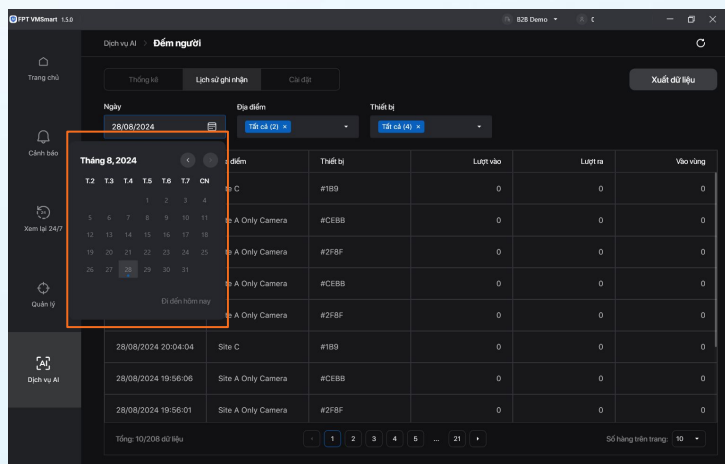


Khi xem dữ liệu chi tiết, bạn có thể lọc dữ liệu theo:

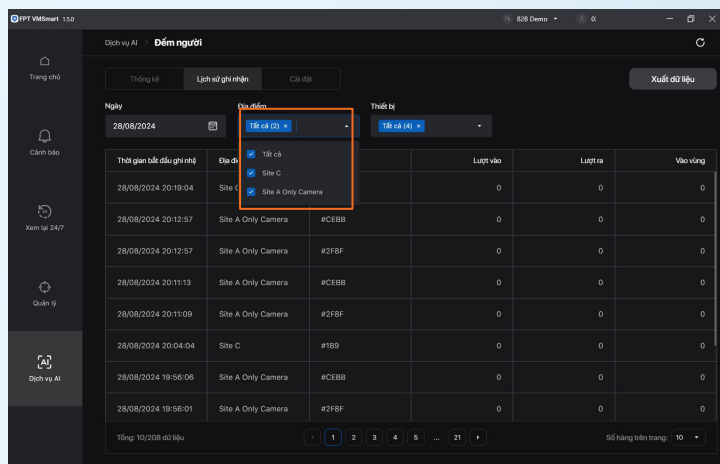
Theo ngày, tháng

Theo địa điểm

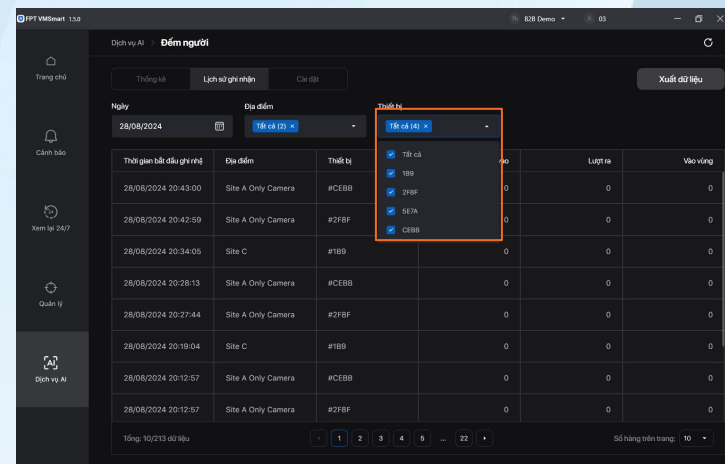
Theo thiết bị



Ngày	Địa điểm	Thiết bị	Lượt vào	Lượt ra	Vào vùng
28/08/2024	Site C	#1B9	0	0	0
28/08/2024 20:04:04	Site C	#1B9	0	0	0
28/08/2024 19:56:06	Site A Only Camera	#CEBB	0	0	0
28/08/2024 19:56:01	Site A Only Camera	#2F8F	0	0	0



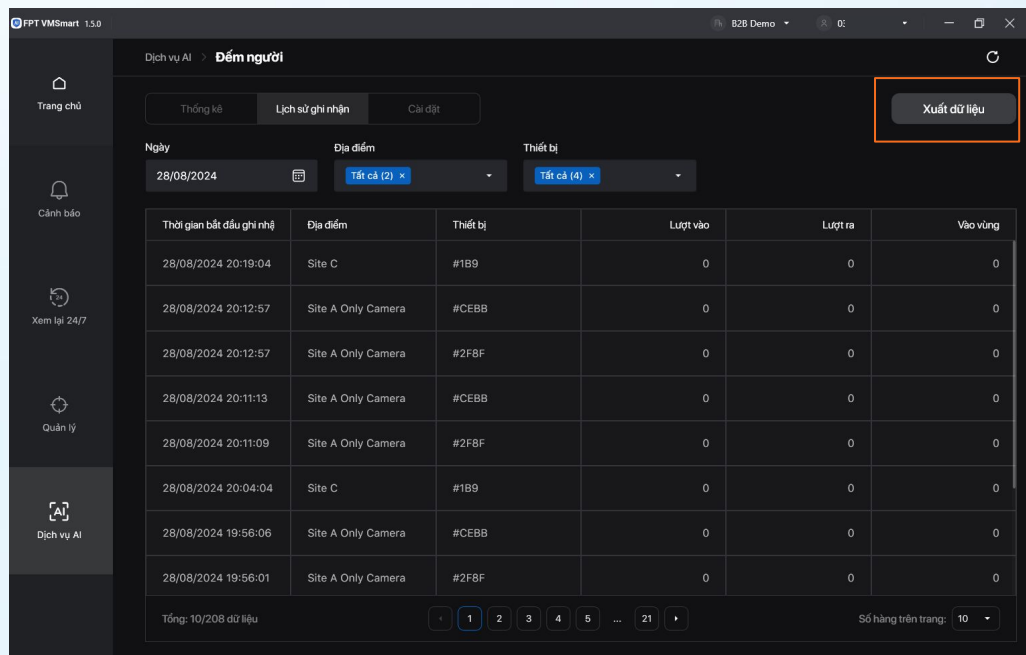
Thời gian bắt đầu ghi nh	Địa điểm	Thiết bị	Lượt vào	Lượt ra	Vào vùng
28/08/2024 20:19:04	Site C	#1B9	0	0	0
28/08/2024 20:12:57	Site A Only Camera	#CEBB	0	0	0
28/08/2024 20:12:57	Site A Only Camera	#2F8F	0	0	0
28/08/2024 20:11:13	Site A Only Camera	#CEBB	0	0	0
28/08/2024 20:11:09	Site A Only Camera	#2F8F	0	0	0
28/08/2024 20:04:04	Site C	#1B9	0	0	0
28/08/2024 19:56:06	Site A Only Camera	#CEBB	0	0	0
28/08/2024 19:56:01	Site A Only Camera	#2F8F	0	0	0



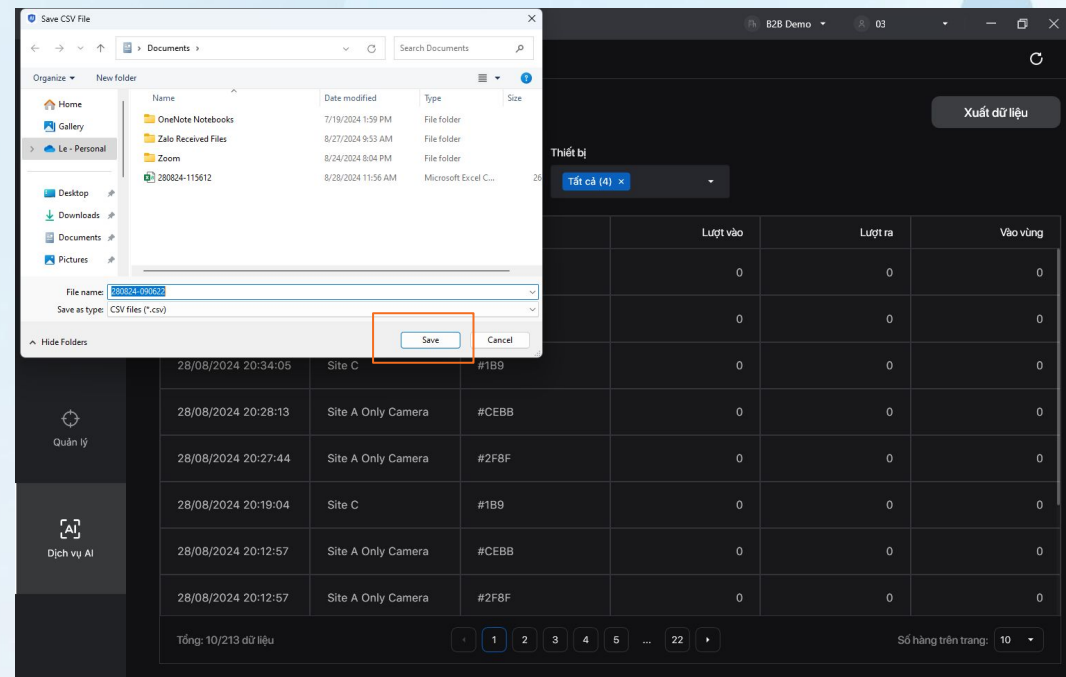
Thời gian bắt đầu ghi nh	Địa điểm	Thiết bị	Lượt vào	Lượt ra	Vào vùng
28/08/2024 20:43:00	Site A Only Camera	#CEBB	0	0	0
28/08/2024 20:42:59	Site A Only Camera	#2F8F	0	0	0
28/08/2024 20:34:05	Site C	#1B9	0	0	0
28/08/2024 20:28:13	Site A Only Camera	#CEBB	0	0	0
28/08/2024 20:27:44	Site A Only Camera	#2F8F	0	0	0
28/08/2024 20:19:04	Site C	#1B9	0	0	0
28/08/2024 20:12:57	Site A Only Camera	#CEBB	0	0	0
28/08/2024 20:12:57	Site A Only Camera	#2F8F	0	0	0

B1: Nhấp vào nút **Xuất dữ liệu**

B2: Dữ liệu sẽ được lưu về máy dưới định dạng Excel (*.csv), nhấp nút **Save** để tải về



The screenshot shows the FPT VMSmart 1.5.0 interface. The 'Đếm người' (Count People) feature is active. The 'Xuất dữ liệu' (Export Data) button is highlighted with an orange box. The interface includes a sidebar with navigation options like 'Trang chủ', 'Cảnh báo', 'Xem lại 24/7', 'Quản lý', and 'Dịch vụ AI'. The main area displays a table with columns for 'Thời gian bắt đầu ghi nhậ', 'Địa điểm', 'Thiết bị', 'Lượt vào', 'Lượt ra', and 'Vào vùng'. The table shows data for the date 28/08/2024. At the bottom, there are pagination controls showing 'Tổng: 10/208 dữ liệu' and 'Số hàng trên trang: 10'.



The screenshot shows the FPT VMSmart 1.5.0 interface with a 'Save CSV File' dialog box open. The dialog box displays the file name '280824-090629' and the 'Save' button is highlighted with an orange box. The background shows the same 'Đếm người' (Count People) feature interface as the previous screenshot, with the 'Xuất dữ liệu' (Export Data) button visible. The table data is partially visible behind the dialog box.

Chân thành cảm ơn

THANK YOU

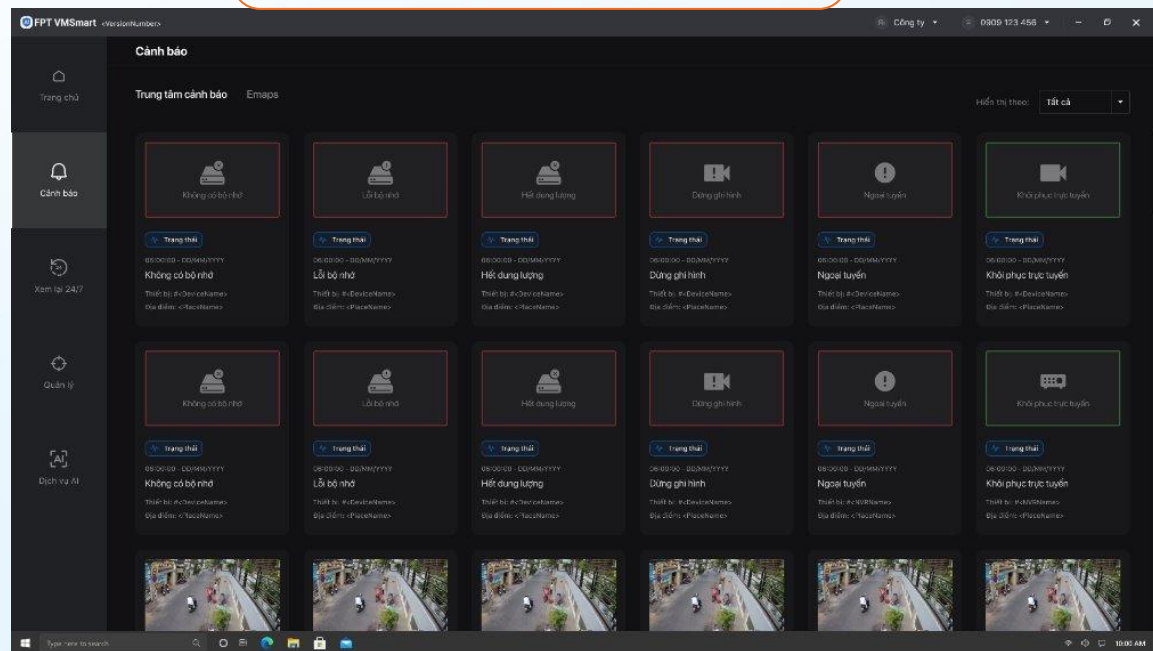


Vai trò mặc định	Định nghĩa
Owner (Chủ sở hữu)	Là chủ sở hữu 1 doanh nghiệp có trong hệ thống VMS, có toàn quyền thao tác và quản lý đối với doanh nghiệp.
Administrator (Quản trị viên)	Là người quản trị được Owner ủy quyền để thực hiện các công việc quản lý. Administrator có chức năng thay thế Owner thực hiện các công việc quản lý trong doanh nghiệp (trừ tác vụ quản lý giấy phép doanh nghiệp và gói dịch vụ) - Quản lý thành viên: Tạo/sửa/xóa thành viên - Phân quyền truy cập tài nguyên trong doanh nghiệp (Technician, Viewer và Custom) - Thêm/xóa các thiết bị - Điều khiển và cài đặt các thiết bị
Technician (Kỹ thuật viên)	Là người cài đặt, cấu hình thiết bị, bảo trì, sửa chữa, và giám sát thiết bị trong doanh nghiệp. Cụ thể: - Thêm thiết bị - Điều khiển và cài đặt các thiết bị. - Cài đặt các chức năng
Viewer (Giám sát viên)	Là người được ủy quyền chỉ để theo dõi và giám sát tình trạng hoạt động của thiết bị trong doanh nghiệp mà không có quyền chỉnh sửa. - Điều khiển các thiết bị.

Trạng thái thiết bị

Xem thông báo trạng thái thiết bị

B1: Nhấp vào nút **Xuất dữ liệu**



B1: Nhấp vào nút **Xuất dữ liệu**

